

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG



CHUẨN MỰC - CHẤT LƯỢNG - HIỆU QUẢ

KỶ YẾU

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

CHÀO MỪNG KHAI GIẢNG NĂM HỌC 2024 - 2025



Cơ quan thực hiện
TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG
11B/17 Học Lạc, phường 8, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Chịu trách nhiệm nội dung
Thầy Nguyễn Quang Khải
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Tiền Giang

Biên tập và thực hiện
Thầy Nguyễn Quang Khải
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Tiền Giang

Thầy Lê Quốc Hưng
Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

Cô Dương Thị Thùy Linh
Chuyên viên - Phòng Quản lý Khoa học, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

Cô Vũ Phương Thảo
Chuyên viên - Phòng Quản lý Khoa học, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

Bản điện tử được phát hành tại website: www.tgc.edu.vn

VUI MỪNG VỚI KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM HỌC 2023-2024 QUYẾT TÂM THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024-2025



Năm học 2023 -2024, nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở ngành trong tỉnh; kết hợp với phát huy nội lực của mình, tập thể viên chức - người lao động Trường Cao đẳng Tiên Giang đã triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm học với kết quả như sau:

1. Lĩnh vực đào tạo và quản lý học sinh sinh viên (HSSV): Nền nếp dạy học được duy trì. Quy mô đào tạo cao đẳng, trung cấp chính quy đạt lưu lượng 2.500 HSSV/năm. Duy trì sĩ số HSSV đạt bình quân 82,5% tại thời điểm cuối năm học. Hoạt động chuyên môn được nhà giáo toàn trường hưởng ứng tích cực với 100% nhà giáo giảng dạy sử dụng phần mềm giáo án số, hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và thực tập, thực tế chuyên môn ngoài nhà trường. Đào tạo ngắn hạn trình độ sơ cấp và thường xuyên các nghề với lưu lượng bình quân 400 HV/năm học. Đào tạo lái xe các hạng với lưu lượng 2.300 học viên/năm học. Liên kết đào tạo liên thông đại học với lưu lượng 200 học viên/năm học. Người học trong toàn trường được tham gia đánh giá trực tuyến việc giảng dạy của giảng viên cơ hữu.

2. Lĩnh vực khảo thí và đảm bảo chất lượng: Tuyển sinh năm học 2023 - 2024 đạt 111,91% với 1.231 HSSV nhập học. Công tác thi, kiểm tra thực hiện nghiêm túc trong tất cả khâu và các hình thức, loại hình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện nghiêm theo quy chế, quy định về đào tạo đã ban hành. Hoạt động của nhà trường vận hành theo 64 Quy trình thuộc hệ thống đảm bảo chất lượng do Hiệu trưởng ban hành. Trường đạt và nhận Giấy chứng nhận đạt tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp với 92/100 điểm. Bước đầu, Trường triển khai có kết quả việc lấy ý kiến của người học đánh giá hoạt động giảng dạy của nhà giáo. Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023 của trường đạt 95/100 điểm. Tự đánh giá chương trình đào tạo 4 nghề trọng điểm quốc gia và khu vực ASEAN đạt 92/100 điểm.

3. Lĩnh vực quản lý khoa học, liên kết doanh nghiệp: Trường có 23 sản phẩm khoa học là sáng kiến kinh nghiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sáng kiến cải tiến chuyên môn nghiệp vụ, bài báo khoa học. Đầu năm 2024, Trường có 02 đề tài của viên chức được công nhận sáng kiến cấp tỉnh. Trường đã thẩm định 39 bộ giáo trình, 10 bộ ngân hàng đề thi kết thúc môn, 10 bộ ngân hàng đề thi tốt nghiệp, 02 chương trình văn hóa trung học phổ thông và 05 chương trình môn học. Trường đã ký kết hợp tác với 22 doanh nghiệp, tổ chức 01 lớp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho hơn 200 viên chức, HSSV.

4. Lĩnh vực hành chính và xây dựng đội ngũ: Hoạt động hành chính của nhà trường cơ bản thông suốt. Giao ban hàng tháng ở cấp trường và cấp đơn vị thuộc trường được thực hiện có nền nếp. Công tác pháp chế được nhà trường quan tâm thực hiện với đầy đủ các văn bản quản lý liên quan đến lĩnh vực đào tạo, khoa học công nghệ, tài sản, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự, văn hóa công sở, thực hiện công tác dân vận và dân chủ

cơ sở. Đội ngũ 223 viên chức, người lao động (VC-NLĐ) thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống cháy nổ bảo vệ an toàn cơ quan, phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, toàn tâm toàn ý thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Năm học 2023 - 2024, Trường đủ tiêu chuẩn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc công tác giáo dục và đào tạo thuộc Khó thi đua các Trường đại học, cao đẳng và trung cấp đóng trên địa bàn tỉnh.



Hội thi Sáng tạo kỹ thuật “Mô hình và Thiết bị đào tạo tự làm” - Một trong nhiều cách thức bổ sung thiết bị phục vụ đào tạo tại Trường Cao đẳng Tiền Giang

5. **Lĩnh vực quản lý tài sản và tài chính:** Công tác lập kế hoạch mua sắm tài sản, đấu thầu, bàn giao tài sản và quản lý sử dụng tài sản được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước và nhà trường. Phương án sử dụng tài sản do Nhà nước giao vào mục đích cho thuê, sản xuất kinh doanh, liên kết đào tạo được triển khai theo phương án đã xây dựng, được cấp thẩm quyền phê duyệt. Diện mạo của nhà trường được chỉnh trang cơ bản xanh - sạch - đẹp. Công tác quản lý tài chính được triển khai thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý tài chính với mức tự chủ trong khung từ 70 đến dưới 100%. Việc lập dự toán, phân khai và công khai thu chi đảm bảo minh bạch. Các định mức chi tiêu thực hiện theo quy chế Chi tiêu nội bộ do hội nghị viên chức thông qua.

6. **Lĩnh vực quản trị nhà trường:** Trường có 64 quy trình thuộc hệ thống đảm bảo chất lượng được vận hành, đưa hoạt động nhà trường đi vào nề nếp. Công nghệ số được ứng dụng trong tuyển sinh, quản lý đào tạo, quản lý tài sản, quản lý viên chức và người học. Công tác kế hoạch hóa được thực hiện có nề nếp. Lễ lối và phương pháp làm việc của cán bộ quản lý và viên chức được đổi mới. Kiểm tra nội bộ được thực hiện có kế hoạch, có chương trình theo hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

7. **Lĩnh vực đào tạo và sát hạch lái xe:** Trường đã kiện toàn chức danh Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch giao thông thủy bộ (Trung tâm), kiện toàn tổ chức bộ máy. Xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm. Trung tâm đã ổn định hoạt động đào tạo lái xe các hạng theo Giấy phép đào tạo và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với lưu lượng 3.000 học viên/ năm học. Đội ngũ VC hành chính và nhà giáo thuộc trung tâm khắc phục khó khăn, tham gia thực hiện hoạt động đào tạo để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện tự chủ chi thường xuyên. Theo chỉ đạo của trường và đặt hàng của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trung tâm đã xây dựng định mức học phí, định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ đào tạo nghề lái xe các hạng. Ban Giám đốc trung tâm đang tiếp tục kiện toàn đội ngũ viên chức hành chính và giáo viên giảng dạy thực hành lái xe các hạng.



Sinh viên Trường Cao đẳng Tiền Giang thực hành nghề nghiệp theo chương trình kết hợp đào tạo tại Trường và Doanh nghiệp

8. Bên cạnh kết quả đạt được trên 7 mặt hoạt động vừa nêu, trường còn những tồn tại trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024, cần phải quan tâm khắc phục như: Công tác quản lý viên chức và quản lý tài chính của đơn vị trực thuộc chưa chặt chẽ. Việc chấp hành và thực hiện pháp luật về giao thông của viên chức- người lao động chưa nghiêm. Chưa có nhiều kinh nghiệm trong điều hành và vận hành hoạt động tài chính khi thực hiện tự chủ tài chính trong khung từ 70 đến dưới 100%. Công tác quản lý, kiểm tra nền nếp HSSV chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị thuộc trường như mong muốn. Vì vậy, năm học 2024 -2025 và những năm tiếp theo trường đặc biệt quan tâm và có giải pháp khả thi cho: (a) Công tác quản lý, kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của VC-NLĐ theo vị trí việc làm; (b) Tuyên truyền giáo dục và xử lý trong đánh giá viên chức, đánh giá thi đua đối với VC-NLĐ vi phạm pháp luật nói chung và pháp luật về giao thông nói riêng; (c) Nâng cao trách nhiệm và xử lý liên đới trách nhiệm đối với người đứng đầu đơn vị thuộc trường và người đứng đầu nhà trường khi có VC-NLĐ vi phạm pháp luật và quy chế công tác của cơ quan; (d) Nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của viên chức quản lý trong phối hợp quản lý HSSV gắn với quản lý nguồn thu, chi trong cơ chế tự chủ tài chính; (5) Công tác tuyên truyền giáo dục và kiểm tra nền nếp học tập - rèn luyện của HSSV trong sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các đơn vị thuộc trường; (6) Phát triển các loại hình dịch vụ đào tạo phù hợp với quy định của pháp luật về dạy nghề để tạo nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, thực hiện lộ trình tự chủ tài chính từ 70% đến dưới 100%, trích lập ngày càng nhiều quỹ phúc lợi hỗ trợ đời sống VC- NLD.

Bước vào năm học mới 2024-2025, trường tiếp tục tổ chức hiệu quả hoạt động đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cho các thành phần kinh tế, góp phần hoàn thành chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh nhà năm 2025. Thực hiện chuyển đổi số bằng việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động đào tạo nghề và chuyển giao kỹ thuật dạy nghề trên nền tảng công nghệ số.

Mục tiêu và chỉ tiêu cần đạt được trong năm học 2024-2025 là: (1) Trường có 100% viên chức và HSSV đạt các chuẩn mực trong giao tiếp, trong tổ chức quản lý, trong dạy và học. 100% nhà giáo chuyên trách giảng dạy thực hành nghề có chứng chỉ kỹ năng nghề/chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy lái xe theo quy định về chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (trừ những nghề mà cơ quan thẩm quyền chưa thể tổ chức thi kỹ năng nghề). (2) Trường có 100% đơn vị thuộc trường thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. (3) Tuyển sinh của trường trong năm học 2024 -2025 đạt từ 85% chỉ tiêu kế hoạch trở lên tính trên số HSSV làm thủ tục nhập học. Duy trì sĩ số học sinh sinh viên đạt từ 82% trở lên vào cuối năm học. (4) Trường không có VC-NLĐ và HSSV vi phạm quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự khi tham gia công tác, học tập tại trường. (5) Cuối năm học, trường có trên 20 sản phẩm khoa học được nghiệm thu áp dụng trong thực tiễn với hình thức: Đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, sáng kiến kỹ thuật, bài báo khoa học. Trường có ít nhất 05 sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của HSSV do nhà giáo hướng dẫn được gửi



Ký kết hợp tác đào tạo giữa Trường với 22 Doanh nghiệp

tham dự cuộc thi các cấp. (6) Trường có 100% viên chức đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong đánh giá viên chức cuối năm học, trong đó trên 85% viên chức đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (7) Qua kiểm tra nội bộ theo kế hoạch của Hiệu trưởng, có 100% đơn vị thuộc trường thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng quy trình đảm bảo chất lượng đã ban hành. (8) Công tác tự kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường năm 2025 giữ vững mức từ 92/100 điểm trở lên. (9) Cuối năm học, Trường đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Công đoàn và Đoàn Thanh niên được công nhận đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (10) Trung tâm Đào tạo và Sát hạch giao thông thủy bộ thuộc trường duy trì hoạt động ổn định theo cơ chế tự đảm bảo chi phí hoạt động. Hoàn thành 100% chỉ tiêu đào tạo lĩnh vực lái xe theo kế hoạch do Trung tâm xây dựng được Trường phê duyệt. Công tác đào tạo nghề lái xe luôn làm hài lòng người học.

Để đạt được mục tiêu và chỉ tiêu vừa nêu, Trường tập trung triển khai thực hiện thật tốt các nhiệm vụ và giải pháp sau:

1. Lĩnh vực đào tạo và quản lý HSSV: Xây dựng khung tiến độ đào tạo các trình độ cho phù hợp với tình hình thực tế HSSV vừa học nghề, vừa học văn hóa, vừa tham gia thực tập tại doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh. Từng bước rà soát hiệu chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo và đổi mới dạy học theo hướng tiếp cận năng lực trong giáo dục nghề nghiệp (tập trung trước hết vào 4 nghề trọng điểm, mỗi Khoa chuyên môn hoàn thành rà soát hiệu chỉnh ít nhất 01 nghề để rút kinh nghiệm cho năm học tiếp theo). Tổ chức linh hoạt, có nền nếp hoạt động đào tạo, quản lý đào tạo và quản lý HSSV theo hình thức dạy học trực tiếp (đối với lớp học bình thường) kết hợp với dạy học trực tuyến hoặc hướng dẫn tự học (đối với lớp học lại). Thực hiện thật tốt công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập - rèn luyện và công tác tư vấn tâm lý - hỗ trợ học tập để duy trì sĩ số học sinh sinh viên. Đảm bảo có sự đồng bộ trong công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập - rèn luyện giữa giảng viên các khoa chuyên môn thuộc trường. Có quy trình xử lý cụ thể, rõ ràng để thực hiện thống nhất trong nhà trường về kiểm tra, xử lý HSSV vi phạm nội quy, quy chế học tập - rèn luyện. Quan tâm tổ chức thật tốt thực tập nghề nghiệp và đảm bảo vấn đề an ninh cho HSSV. Tổ chức học lại, học muộn và học chương trình văn hóa trung học phổ thông cho HSSV hợp lý và linh hoạt. Tiếp tục liên kết đào tạo liên thông cao đẳng, đại học để mở ra cho người học cơ hội được học tập nâng cao trình độ. Liên kết doanh nghiệp trong đào tạo dài hạn và ngắn hạn, nhất là các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhà. Vận hành hiệu quả phần mềm “theo dấu người học”; đổi mới quản lý đào tạo và quản lý HSSV theo hướng có viên chức chuyên trách việc theo dấu người học, nhất là theo dấu HSSV học chậm tiến độ, học muộn hoặc nợ nhiều môn học.

2. Lĩnh vực Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: Tăng cường quảng bá tuyển sinh đúng đối tượng để đạt chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh trong năm học. Tiếp tục đổi mới hình thức đăng ký xét tuyển, làm thủ tục nhập học trực tuyến trên cơ sở ứng dụng công nghệ số. Thực hiện công tác khảo thí linh hoạt, đổi mới và phù hợp trên nền tảng công nghệ số. Tổ chức nghiêm túc, đúng quy chế các kỳ thi trong các khâu: đề thi, coi thi, chấm thi, nhập

điểm để duy trì nền nếp, kỷ cương trong học tập, thi cử. Rà soát, hiệu chỉnh các quy trình thuộc hệ thống đảm bảo chất lượng để tổ chức vận hành hoạt động nhà trường thật khoa học, hợp lý. Triển khai thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo - dịch vụ đào tạo thông qua kênh lấy ý kiến người học trên nền tảng công nghệ số. Triển khai đánh giá 4 chương trình đào tạo trọng điểm theo tiêu chí kiểm định chương trình đào tạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.



Sinh viên khối ngành Kỹ thuật ô tô học tập dưới sự hướng dẫn của Kỹ sư người Hàn Quốc

3. *Lĩnh vực quản lý khoa học, liên kết doanh nghiệp:* Áp dụng hình thức đặt hàng nghiên cứu khoa học trong từng năm học, đặt hàng nhà giáo hướng dẫn thực hiện các ý tưởng/ dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của HSSV. Tiếp tục tổ chức hoạt động tư vấn triển khai nghiên cứu khoa học để có sản phẩm được nghiệm thu, đánh giá ở các cấp đạt yêu cầu. Thực hiện đánh giá và công bố sản phẩm khoa học đạt yêu cầu dưới hình thức bài báo khoa học trong nội bộ trường để triển khai áp dụng vào thực tiễn. Tiếp tục tổ chức thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo, giáo trình, ngân hàng đề thi do các bộ môn biên soạn để từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Mở rộng quan hệ doanh nghiệp bằng nội dung hợp tác cụ thể, thiết thực. Tăng cường hợp tác quốc tế và hợp tác trong nước với đối tác tin cậy để nâng cao chất lượng đào tạo và tạo nguồn lao động trẻ đi làm việc ở nước ngoài. Quảng bá bằng nhiều kênh thông tin để kết nối các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nghề, tìm kiếm dự án hỗ trợ thiết bị và chuyển giao công nghệ trong đào tạo nghề.

4. *Lĩnh vực quản lý hành chính và xây dựng đội ngũ:* Hoạt động hành chính đảm bảo thông suốt trên cơ sở duy trì chế độ thông tin, báo cáo theo định kỳ. Chất lượng văn bản hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của trường được nâng lên cả về nội dung lẫn hình thức. Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý hành chính, quản lý nhân sự và thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với một số vị trí việc làm gắn với chuyên môn phải chuyển đổi theo quy định của nhà nước. Phong trào thi đua của nhà trường minh bạch và thực chất gắn với trách nhiệm cá nhân và tập thể. Tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá thi đua cá nhân, tập thể được rà soát, hiệu chỉnh phù hợp với thực tế hoạt động giáo dục nghề nghiệp của nhà trường. Có giải pháp bổ sung đội ngũ nhà giáo tương ứng với quy mô tuyển sinh, đào tạo cũng như đội ngũ nhà giáo triển khai dạy học các nghề nặng nhọc, độc hại theo Thông tư số 05/2023/TT- BLĐTBXH. Tổ chức quản lý việc thực tập, thực tế, thực hành chuyên môn 4 tuần/ năm học của nhà giáo tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở đào tạo nghề... linh hoạt và hiệu quả, hướng đến mục tiêu nâng cao năng lực giảng dạy của nhà giáo.



5. *Lĩnh vực quản lý tài sản và tài chính:* Quản lý tài sản và tài chính đúng theo quy định của nhà nước. Hạn chế tối đa, tiến tới chấm dứt thu chi tài chính dùng tiền mặt. Quản lý mua sắm tài sản, vật tư thực hành có kế hoạch, đúng quy trình; Thực hiện nghiêm chủ trương tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí trong mua sắm và sử dụng cơ sở vật chất- thiết bị. Thực hiện triệt để đấu thầu mua sắm cơ sở vật chất- thiết bị qua mạng. Tiếp tục phân khai tài chính (theo năm tài chính) để chủ động chi tiêu cho các hoạt động của Trường. Giải quyết kịp thời chế độ công tác phí, thỉnh giảng, thừa giờ trên cơ sở nguồn thu theo cơ chế tự chủ tài chính. Tranh thủ nguồn vốn Trung ương và địa phương trong xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị đào tạo.

6. *Lĩnh vực quản trị nhà trường:* Vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với tình hình thực tế. Triển khai thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa trong toàn bộ hoạt động của trường (làm việc có kế hoạch, triển khai mọi công việc bằng kế hoạch). Ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong công tác quản trị về tuyển sinh, quản lý nhân sự, quản lý HSSV, quản lý tài sản, quản lý an toàn trật tự và an toàn cơ quan. Thực hiện công khai, dân chủ trong hoạt động nhà trường và thực hiện nghiêm vấn đề an toàn lao động trong thực hành, thực tập nghề của người dạy/ người học. Đổi mới lề lối và phương pháp làm việc theo hướng làm hết việc theo mỗi vị trí việc làm (thay vì làm hết giờ). Thí điểm thực hành tổ chức hoạt động một số đơn vị hành chính thuộc trường theo chế độ chuyên viên. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của VC-NLĐ theo vị trí việc làm. Có giải pháp khả thi để tuyên truyền giáo dục và xử lý trong đánh giá viên chức, đánh giá thi đua đối với VC-NLĐ vi phạm pháp luật nói chung và pháp luật về giao thông nói riêng; nâng cao trách nhiệm và xử lý liên đới trách nhiệm đối với người đứng đầu đơn vị thuộc trường và người đứng đầu nhà trường khi có VC-NLĐ vi phạm pháp luật và quy chế công tác của cơ quan; nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của viên chức quản lý trong phối hợp quản lý HSSV gắn với quản lý nguồn thu, chi trong cơ chế tự chủ tài chính. Có giải pháp khả thi trong công tác tuyên truyền giáo dục và kiểm tra nền nếp học tập - rèn luyện của HSSV trong sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các đơn vị thuộc trường. Phát triển các loại hình dịch vụ đào tạo phù hợp với quy định của pháp luật về dạy nghề để tạo nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, thực hiện lộ trình tự chủ tài chính từ 70% đến dưới 100%, trích lập ngày càng nhiều quỹ phúc lợi hỗ trợ đời sống VC- NLĐ.

7. *Lĩnh vực Đào tạo và Sát hạch lái xe:* Kien toan tổ chức bộ máy, điều phối lại nhân sự quản lý và nhà giáo dạy thực hành lái. Rà soát, xây dựng và ban hành các văn bản quản lý: (1) Về phân công trách nhiệm trong Ban Giám đốc, lãnh đạo và viên chức 2 phòng thuộc trung tâm; (2) Về chế độ làm việc và nghỉ phép/ nghỉ hè của VC-NLĐ thuộc Trung tâm; (3) Về quản lý và sử dụng tài sản của Trung tâm. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động đào tạo theo mô hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự chủ tài chính, mang tính cạnh tranh. Tổ chức hoạt động đào tạo với phương thức linh hoạt, hợp lý theo chương trình và quy chế đào tạo do Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Chính trang môi trường cảnh quang, cơ sở vật

chất sân tập lái ở Bình Đức. Bổ sung trang thiết bị theo yêu cầu sát hạch và theo điều kiện kinh phí hiện có. Thay đổi căn bản và toàn diện lề lối, phương pháp làm việc theo hướng coi người học là khách hàng, thân thiện và chu đáo với người học. Cân đối thu chi tài chính để trang bị hoặc vận động VC-NLĐ thuộc Trung tâm tự trang bị đồng phục nhằm thể hiện “nét riêng trong văn hóa phục vụ người học” của nhà giáo thuộc Trung tâm. Thực hiện lấy ý kiến người học về tinh thần thái độ và chất lượng giảng dạy của nhà giáo dạy nghề lái xe sau mỗi khóa đào tạo.

Kết quả đạt được trong năm học 2023-2024 là sự tiếp nối thành quả đáng tự hào của nhà trường trong hơn 22 năm qua. Toàn thể cán bộ quản lý, viên chức - người lao động của nhà trường đoàn kết thống nhất, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2024- 2025./.



XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG THEO MÔ HÌNH “Trường học hạnh phúc”

Nguyễn Quang Khải
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Tiền Giang
Email: nguyenquangkhai@tgu.edu.vn

TÓM TẮT

Bài viết xoay quanh vấn đề xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Tiền Giang theo mô hình “Trường học hạnh phúc” gắn với 3 chữ P: People (con người), Place (môi trường) và Process (quá trình). Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, khảo nghiệm thực tế và tổng kết thực tiễn, người viết đề xuất 15 nội dung cần xác lập gắn với 3 yếu tố: con người, môi trường và quá trình cùng các biện pháp để triển khai thực hiện các nội dung cần xác lập. Mục tiêu hướng đến của việc đề xuất giải pháp là xây dựng môi trường đào tạo nghề ở Trường Cao đẳng Tiền Giang thân thiện, chuẩn mực, chất lượng, hiệu quả cả trong hiện tại và tương lai.

Từ khóa: Trường học hạnh phúc, con người, môi trường, quá trình.

MỞ ĐẦU

Trường Cao đẳng Tiền Giang có quá trình xây dựng và phát triển 22 năm (2002 - 2024). Với phương châm “chuẩn mực - chất lượng - hiệu quả”, hoạt động của nhà trường những năm qua ít nhiều tiếp cận 3 giá trị: (1) Đề cao mối quan hệ tốt đẹp giữa các nhà giáo với nhà giáo, giữa người học với người học, giữa nhà giáo với người học và giữa nhà giáo, người học với môi trường học tập cùng hoạt động dạy - học của chính mình; (2) Đề cao việc kiến tạo môi trường dạy - học thân thiện, học sinh sinh viên tích chủ động và sáng tạo trong việc học của bản thân; (3) Đề cao việc xác lập và đổi mới không ngừng nội dung, phương pháp, cách thức, phương tiện vật chất kỹ thuật để triển khai hiệu quả hoạt động dạy nghề.

Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp giữ vai trò đầu tàu trong hệ thống cơ sở dạy nghề của tỉnh, hoạt động của Trường Cao đẳng Tiền Giang cần tiếp cận mô hình mà UNESCO khuyến cáo trong báo cáo thường niên của mình năm 2017. Đó là mô hình “Trường học hạnh phúc” (Happy Schools) xoay quanh 3 chữ P: People (con người), Place (môi trường) và Process (quá trình).

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, hiện trạng Trường Cao đẳng Tiền Giang qua 22 năm hoạt động

Hai mươi hai năm xây dựng và phát triển, hoạt động của Trường Cao đẳng Tiền Giang đã và đang vận hành theo phương châm “chuẩn mực - chất lượng - hiệu quả”. Cụ thể là: (1) Chuẩn mực trong giao tiếp, trong tổ chức và quản lý, chuẩn mực dạy và học, chuẩn mực trong đánh giá kết quả. (2) Hoạt động đào tạo nghề tiếp cận mục tiêu chất lượng. Văn hóa chất lượng trong tổ chức quản lý và trong dạy - học luôn được đề cao. (3) Sản phẩm đào tạo, sản phẩm dịch vụ của Trường được doanh nghiệp và xã hội chấp nhận. Người học và phụ huynh hài lòng về nội dung, phương pháp và phương thức đào tạo của trường. Hoạt động đào tạo và dịch vụ của trường bù đắp đủ chi phí bỏ ra để từng bước thực hiện lộ trình tự chủ.

Nhờ vận hành hoạt động theo phương châm vừa nêu, hoạt động của nhà trường có những *điểm mạnh* sau đây:

(1) Nội bộ đoàn kết thống nhất, cùng hành động vì mục tiêu phát triển nhà trường.

(2) Các chương trình đào tạo thiết kế theo hướng thực hành, gắn với hoạt động khởi nghiệp của học sinh, sinh viên.

(3) Đội ngũ giảng viên phần đông tuổi đời còn trẻ, có tinh thần cầu tiến, yêu nghề, giàu nhiệt huyết cống hiến; mạnh về nhận thức chính trị; vững về chuyên môn - kỹ năng nghề, đã và đang phấn đấu học tập, rèn luyện kỹ năng thực hành nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

(4) Quan hệ hợp tác giữa Trường và các Khoa chuyên môn với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh - dịch vụ, với các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng trong nước và với Tổ chức hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) được thiết lập bằng các hoạt động thiết thực, bổ sung nguồn lực để nâng chất lượng đào tạo, giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên.

(5) Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nghề bao gồm nhân lực, vật lực và tài lực từng bước được đáp ứng; hoạt động đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo đang tạo sự chuyển biến theo phương châm “chuẩn mực - chất lượng - hiệu quả”.

Bên cạnh những điểm mạnh, Trường còn những *điểm yếu* cần có giải pháp khắc phục:

(1) Lễ lối và phương pháp làm việc của một bộ phận viên chức trong tập thể sư phạm nhà trường chưa tiếp cận thật tốt với tác phong công nghiệp.

(2) Hoạt động khởi nghiệp của học sinh, sinh viên chưa được triển khai thành phong trào mang dấu ấn riêng của trường nghề “đầu tàu” trong hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh.

(3) Chưa có giảng viên - kỹ sư thực hành đầu đàn, có kỹ năng nghề cao ở từng nhóm ngành/nghề đang đào tạo để vừa dẫn dắt đội ngũ, vừa đào tạo ra sản phẩm nghề mũi nhọn làm nên thế mạnh riêng của Trường trong đào tạo các nghề.

(4) Chưa có những thỏa thuận hợp tác mang tính chiến lược, toàn diện, có chiều sâu, tạo tiền đề vững chắc cho việc phát triển hoạt động đào tạo nghề.

(5) Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - thiết bị dù được đầu tư khá nhiều trong 5 năm gần đây nhưng chưa ngang tầm với yêu cầu đào tạo nghề chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Để phát huy những điểm mạnh và sớm khắc phục những điểm yếu, Trường Cao đẳng Tiền Giang cần xác lập một mô hình hoạt động theo hướng tiếp cận 3 yếu tố: *Con người* (đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề, lễ lối và phương pháp làm việc, các mối quan hệ); *Môi trường* (kiến tạo môi trường dạy - học thân thiện, học sinh sinh viên tích chủ động và sáng tạo trong việc học của bản thân); *Quá trình* (đổi mới nội dung, phương pháp, cách thức, phương tiện vật chất kỹ thuật để triển khai hiệu quả hoạt động dạy nghề).

2. Mô hình “Trường học hạnh phúc” theo khuyến cáo của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO)

2.1. Quan niệm về “Trường học hạnh phúc”

Trường học hạnh phúc (Happy Schools) được tổ chức UNESCO khuyến cáo vào đầu năm 2017, dưới báo cáo thường niên mang tên: “Trường học hạnh phúc: Khuôn khổ cho người học ở Châu Á-Thái Bình Dương”. Sau báo cáo thường niên, Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á-Thái Bình Dương tại Bangkok -Thái Lan đã nghiên cứu và xây dựng Dự án mô hình “Trường học hạnh phúc” nhằm kêu gọi thay đổi cơ bản hệ thống giáo dục các quốc gia, theo hướng đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Theo đó, “Trường học hạnh phúc” như một sáng kiến toàn cầu với tầm nhìn xa hơn về các lĩnh vực học tập truyền thống, đặc biệt xem xét mối quan hệ tương tác giữa *hạnh phúc* và *chất lượng giáo dục*. Dự án tiếp cận theo hướng xây dựng con người có thái độ sống tích cực để có hạnh phúc khi làm việc và học tập trong nhà trường.

Mô hình “Trường học hạnh phúc” theo UNESCO là mô hình trường học mà ở đó: (a) Mọi người đều được sống hạnh phúc và hạnh phúc của người học được coi là mục tiêu cao nhất, (b) Nhà giáo hạnh phúc và học sinh được phát triển toàn diện, trở thành chính mình, trong một môi trường học tập an toàn, thân thiện và nhiều tình thương.

Theo tiếp cận của người viết dựa trên một số tài liệu đọc được ghi trong “Danh mục tài liệu tham khảo” cuối bài viết thì: **“Trường học hạnh phúc” là một không gian học đường có 5 đặc trưng:**

(1) Thiết thực, thân thiện, an toàn với người dạy và người học. Người dạy và người học được bảo vệ, được thực hiện đầy đủ các quyền của mình;

(2) Người học được yêu thương và người dạy được tôn trọng. Tình yêu thương giữa người dạy với người học, giữa người học với người học, giữa người dạy với người dạy được trân trọng và bồi đắp hàng ngày;

(3) Môi trường giáo dục chú trọng giảng dạy không chỉ kiến thức, kỹ năng người học còn thiếu mà còn hỗ trợ, tạo điều kiện để người học phát huy tối đa tiềm năng, niềm yêu thích và say mê học tập để có được năng lực thực hiện sau khi tốt nghiệp;

(4) Môi trường học tập mở ra cơ hội rèn luyện, nâng cao thể chất, trải nghiệm bầu không khí tích cực, thoải mái khám phá của học sinh. Nơi đó không tồn tại bạo lực học đường và các hành vi vi phạm đạo đức; không hành xử xúc phạm nhân phẩm, danh dự, thân thể người dạy và người học.

(5) Người dạy và người học được trải nghiệm những cảm xúc tích cực và thực hiện những hành vi tích cực để thực hiện nhiệm vụ thật hiệu quả. Nội dung, phương pháp cách thức dạy - học luôn đổi mới, hướng đến bồi đắp cho người học lý tưởng, niềm tin và năng lực thực hiện.

Năm đặc trưng vừa nêu gắn với 3 yếu tố (gọi tắt là 3P) là *People* (con người), *Place* (môi trường học tập) và *Process* (quá trình).

2.2. Mô hình “Trường học hạnh phúc”

Mô hình “Trường học hạnh phúc” theo UNESCO gồm 3 yếu tố:

Con người - People

Yếu tố con người trong “Trường học hạnh phúc” gồm người dạy, người học, phụ huynh và những giá trị nhân văn, những chuẩn mực hành xử tích cực giữa người với người. Cụ thể là mối quan hệ tốt đẹp giữa Thầy với Thầy, Trò với Trò, giữa Thầy với Trò, giữa Thầy với cấp quản lý trường, giữa Thầy với Phụ huynh. Đây là yếu tố cần được chú trọng xây dựng và cần được phát huy bằng những hành động thiết thực.

Môi trường - Place

Môi trường trong “Trường học hạnh phúc” gồm không gian vật chất và không gian văn hóa giúp trường

học trở nên an toàn, thân thiện, là ngôi nhà thứ hai của Thầy và Trò. Không gian ấy không có bạo lực học đường, không có xung đột (tiêu cực) giữa Thầy với Trò. Trò với Trò không kỳ thị lẫn nhau. Không gian ấy không có nhà vệ sinh bẩn và rác thải bừa bộn.

Quá trình - Process

Quá trình trong “Trường học hạnh phúc” gồm một hệ thống các yếu tố được thực hiện đồng bộ tạo nên chất lượng và hiệu quả của hoạt động dạy học và giáo dục người học. Hệ thống các yếu tố ấy gồm: Chiến lược, kế hoạch, chương trình đào tạo, quy chế, quy định, quy trình, chính sách, cơ sở vật chất kỹ thuật và hoạt động thúc đẩy đổi mới quản trị trường học, đổi mới nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động nhà trường mà trọng tâm là hoạt động dạy học.

3. Kết quả bước đầu khi tiếp cận và so sánh hoạt động của Trường Cao đẳng Tiền Giang với 3 yếu tố trong mô hình “Trường học hạnh phúc”

Trong hành trình phát triển 22 năm, đặc biệt 5 năm gần đây, dù không gọi tên mô hình đang vận hành nhưng hoạt động của Trường Cao đẳng Tiền Giang theo phương châm “*Chuẩn mực - Chất lượng - Hiệu quả*” và xoay quanh 3 yếu tố *con người, môi trường, quá trình* ghi trong khuyến cáo của UNESCO (2017).

Xoay quanh yếu tố *con người*, Trường đã có đội ngũ hơn 200 viên chức, hơn 2.000 học sinh, sinh viên đoàn kết thống nhất, tôn trọng kỷ luật, coi trọng xây dựng nền nếp kỷ cương. Viên chức của Trường đang toàn tâm toàn ý với hoạt động dạy nghề. Học sinh, sinh viên khắc phục khó khăn, nỗ lực học tập - rèn luyện để có kết quả tốt nhất. Mọi quan hệ tốt đẹp giữa Thầy với Thầy, Trò với Trò, giữa Thầy với Trò, giữa Thầy với cấp quản lý trường, giữa Thầy với Phụ huynh đang được duy trì và phát triển. Trường nhận được sự quan tâm, đồng hành, hợp tác của các doanh nghiệp, các mạnh thường quân và phụ huynh học sinh, sinh viên. Đó là thế mạnh, là tiền đề tốt cho quá trình phát triển của trường cao đẳng chất lượng cao trong tương lai gần. Vấn đề còn lại là Trường phải nhận diện cho rõ các yếu tố tác động đến việc phát huy yếu tố *con người* trong sự phát triển lâu dài và bền vững của mình để có chương trình hành động rõ ràng hơn, cụ thể hơn trong từng giai đoạn phát triển.

Xoay quanh yếu tố *môi trường*, khẩu hiệu “Viên chức và học sinh sinh viên chung tay xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp” trở thành khẩu hiệu hành động của viên chức và phần lớn học sinh, sinh viên đang học tập - rèn luyện tại trường. Chủ trương xây dựng nhà trường thân thiện, an toàn, xanh, sạch, đẹp, để có không gian vật chất và tinh thần phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo được nhà giáo và học sinh, sinh viên đồng thuận. Văn hóa ứng xử hài hòa tạo sự lan tỏa trong đội ngũ nhà giáo và học sinh, sinh viên của trường. Vấn đề còn lại

là Trường phải nhận diện và chỉ ra cho rõ các nội dung thuộc về yếu tố *môi trường* cần được chăm chút trong sự chung tay góp sức của nhà giáo, học sinh, sinh viên và cộng đồng doanh nghiệp.

Xoay quanh yếu tố *quá trình*, Trường đã xây dựng Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 cùng hệ thống các văn bản quản lý với tên gọi kế hoạch, quy chế, quy định, quy trình.vv... Hơn 60 quy trình quản lý chất lượng đã ban hành các năm qua góp phần chỉ dẫn việc triển khai, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá toàn bộ hoạt động của nhà trường trên các mặt. Hai mươi ba chương trình đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và 12 chương trình đào tạo thường xuyên ban hành trong những năm qua cùng chương trình chi tiết và giáo trình các môn học là minh chứng cho thấy yếu tố *quá trình* nêu trên được thực hiện tương đối bài bản, trở thành linh hồn đảm bảo cho nội dung cốt lõi (hoạt động đào tạo) được triển khai thực hiện theo phương châm “chuẩn mực - chất lượng - hiệu quả”. Vấn đề cần làm tiếp theo là chỉ ra thật rõ các nội dung đã tốt, chưa tốt trong yếu tố *quá trình* để tiếp tục phát huy hoặc khắc phục trong thời gian tới.

4. Đề xuất nội dung, biện pháp xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Tiền Giang theo mô hình “Trường học hạnh phúc”

Để xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Tiền Giang theo mô hình “Trường học hạnh phúc” theo phương châm “chuẩn mực - chất lượng - hiệu quả”, người viết đề xuất cần xác lập 15 nội dung và các biện pháp liên quan đến 3 yếu tố: Con người, môi trường và quá trình.

4.1. Yếu tố “con người”

Yếu tố này có 5 nội dung cần xác lập để từ đó nhận diện điểm yếu, biện pháp cần tập trung thực hiện từ nay đến năm 2030 và những năm tiếp theo:

4.1.1. Đạo đức người dạy, người học

Điểm yếu của nội dung này là Trường vẫn còn hiện tượng nhà giáo vi phạm “những việc nhà giáo không được làm” và hiện tượng học sinh, sinh viên gây gổ đánh nhau ngoài lớp học.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Rà soát bổ sung quy định cụ thể về đạo đức nhà giáo trường Cao đẳng Tiền Giang vào Quy định về văn hóa ứng xử của trường; (2) Thường xuyên tuyên truyền quy định về văn hóa ứng xử trong nhà giáo và HSSV bằng hình thức phù hợp; (3) Xây dựng mạng lưới và phối hợp đồng bộ giữa nhà trường và đoàn thể (CĐCS, ĐTN) trong kiểm tra, chấn chỉnh đạo đức nhà giáo và học sinh sinh viên (HSSV); (4) Tôn vinh và nhân rộng gương điển hình về đạo đức nhà giáo và HSSV.

4.1.2. Năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm và kỹ năng nghề của nhà giáo

Điểm yếu của nội dung này là năng lực nhà giáo của trường chưa đồng đều, còn một số nhà giáo dạy tích hợp lý thuyết và thực hành nghề chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Tổ chức các lớp bồi dưỡng tại chỗ nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo; (2) Khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian để nhà giáo tham gia các khóa học, dự thi và đạt chứng chỉ kỹ năng nghề; (3) Khuyến khích nhà giáo giữ chức vụ quản lý Phòng Quản lý đào tạo, Quản lý khoa học và nhà giáo các khoa chuyên môn giữ chức vụ quản lý từ Trưởng bộ môn trở lên (tuổi đời còn trẻ) phải học tập đạt trình độ sau đại học; (4) Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý đào tạo, các Bộ môn thuộc Khoa chuyên môn thường xuyên tổ chức dự giờ trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn và phương pháp giảng dạy giữa các nhà giáo với nhau.

4.1.3. Năng lực học tập và kỹ năng sống của người học

Điểm yếu của nội dung này là trường còn HSSV chưa ý thức rõ mục tiêu, chưa nắm vững phương pháp học tập và thực hành nghề hiệu quả. Kỹ năng sống chưa tốt.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Tổ chức tốt sinh hoạt đầu khóa hướng dẫn HSSV về các kỹ năng cần rèn luyện và phương pháp học tập bậc trung cấp, cao đẳng; (2) Kết nối doanh nghiệp và tổ chức xã hội thực hiện hoạt động tham quan, hướng nghiệp đầu khóa học giúp HSSV xác lập mục tiêu, thái độ học tập, rèn luyện tay nghề; (3) Kết nối cựu HSSV tổ chức các buổi gặp gỡ tư vấn, trao đổi phương pháp học tập - rèn luyện để sẵn sàng khởi nghiệp theo nghề mình chọn.

4.1.4. Các mối quan hệ bên trong và bên ngoài của nhà trường

Điểm yếu của nội dung này là quan hệ giữa giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập với phụ huynh học sinh còn lỏng lẻo. Quan hệ giữa trường với doanh nghiệp thiếu tính bền chặt, hướng tới mục tiêu lâu dài.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Quan tâm thiết lập thật tốt hệ thống thông tin, tiếp nhận thông tin giữa Ban Giám hiệu trường với nhà giáo và HSSV; giữa nhà giáo với nhà giáo và giữa HSSV với nhau nhằm xây dựng thật tốt mối quan hệ bên trong nhà trường; kịp thời giải quyết thỏa đáng những vấn đề bức xúc từ nội bộ nhà trường; (2) Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc giữa nhà trường (giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập là đại diện) với HSSV và gia đình HSSV để kịp thời thông tin, trao đổi về tình hình học tập của người học; (3) Tổ chức gặp gỡ giữa Ban Giám hiệu, lãnh đạo khoa, giáo viên chủ nhiệm các lớp trình độ

trung cấp mỗi năm 1 lần bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến để trao đổi, phối hợp giáo dục HSSV; (4) Tổ chức các buổi gặp gỡ đối thoại giữa Ban Giám hiệu, lãnh đạo khoa chuyên môn với HSSV để nắm bắt, giải quyết kịp thời tâm tư nguyện vọng của người học; (5) Tổ chức tốt hội nghị viên chức - người lao động hàng năm từ cấp đơn vị đến cấp trường để phát huy dân chủ, thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền, xây dựng khối đoàn kết nội bộ, tạo sự đồng thuận trong triển khai hoạt động nhà trường.

4.1.5. Vai trò người đứng đầu

Điểm yếu của nội dung này là sự lan tỏa vai trò người đứng đầu (Hiệu trưởng, Trưởng khoa, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, Trưởng đoàn thể) chưa đồng đều.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Hiệu trưởng và trưởng các đơn vị, tổ chức đoàn thể thuộc trường phải là người lạc quan, tràn đầy năng lượng và lan tỏa sự lạc quan, tràn đầy năng lượng ấy đến nhà giáo, HSSV; (2) Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, trưởng các đơn vị và tổ chức đoàn thể phải thân thiện, cởi mở, tôn trọng nhau trong giao tiếp; tìm kiếm niềm vui, hạnh phúc từ những việc nhỏ nhất; cùng kiến tạo nhà trường bình đẳng, dân chủ, giảm áp lực cho nhà giáo và HSSV.

4.2. Yếu tố “môi trường”

Yếu tố này có 5 nội dung cần xác lập để từ đó nhận diện điểm yếu, biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo.

4.2.1. Môi trường vật chất Xanh - Sạch - Đẹp

Điểm yếu của nội dung này là môi trường vật chất của nhà trường có Xanh - Sạch - Đẹp nhưng chưa bền vững do ảnh hưởng bởi điều kiện cơ sở vật chất và ý thức con người.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, trưởng bộ phận Quản trị cơ sở vật chất trường các đoàn thể phải thực sự “để mắt” đến việc kiến tạo môi trường học đường xanh - sạch - đẹp và có hành động chỉ đạo, tổ chức thực hiện kịp thời; (2) Có các hoạt động tuyên truyền giáo dục phù hợp từ nội bộ nhà trường để nhà giáo và HSSV tự nguyện, tự giác trong việc tham gia xây dựng môi trường nhà trường xanh - sạch - đẹp.

4.2.2. Môi trường xã hội an toàn, thân thiện

Điểm yếu của nội dung này là môi trường xã hội của Trường về cơ bản an toàn, thân thiện nhưng còn hiện tượng HSSV đánh nhau, công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập ở một số mặt chưa sâu sát, gần gũi với HSSV của mình.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024 - 2030 và những năm tiếp theo là: (1) Công tác

tuyên truyền, giáo dục và quản lý nền nếp HSSV được thực hiện đồng bộ và hiệu quả từ Ban Giám hiệu và Ban Chấp hành các đoàn thể viên chức và HSSV; (2) Công tác iáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập được triển khai đồng bộ và hiệu quả trong ý thức trách nhiệm của các nhà giáo được Hiệu trưởng và trưởng Khoa thống nhất phân công; (3) Thông tin liên lạc giữa iáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập thông suốt, tin cậy lẫn nhau; (4) Hoạt động Đoàn thanh niên đa dạng về nội dung và phương thức tạo sân chơi lành mạnh cho HSSV.

4.2.3. Văn hóa học đường

Điểm yếu của nội dung này là quy định về văn hóa ứng xử của Trường chưa thấm sâu và chưa được học sinh, sinh viên thực hiện tự giác nhất, tích cực nhất.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Quy định về Văn hóa trường học được nhà trường rà soát hiệu chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình mới; (2) Chuyên đề về văn hóa trường học được kiểm tra đánh giá cùng với đánh giá thi đua hàng tháng của cá nhân và tập thể đơn vị.

4.2.4. Cơ hội cho người tài năng và nhân tố tích cực phát triển

Điểm yếu của nội dung này là lãnh đạo trường và các đơn vị trực thuộc chưa đưa ra chính sách hấp dẫn để tạo động lực cho người có nhiều thành tích, đóng góp tốt cho nhà trường.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Chuẩn bị thật tốt cho lộ trình tự chủ chi thường xuyên để giảm thiểu nguồn nhân lực theo từng vị trí việc làm. Từ đó xây dựng được các chính sách tạo động lực cho nhà giáo có thành tích chuyên môn hoặc có đóng góp nhiều cho hoạt động của trường; (2) Kịp thời phát hiện, tôn vinh và nhân rộng gương điển hình trong nhà giáo và HSSV.

4.2.5. Sự phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội

Điểm yếu của nội dung này là sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình và xã hội thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập và qua hoạt động của tổ chức đoàn thể còn lỏng lẻo.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình và xã hội thông qua hệ thống Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập và qua hoạt động của tổ chức đoàn thể đảm bảo kịp thời, bền chặt cả 2 kênh: giao tiếp trực tiếp và giao tiếp trực tuyến.

4.3. Yếu tố “quá trình”

Yếu tố này cũng có 5 nội dung cần xác lập để từ đó nhận diện điểm yếu, biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo.

4.3.1. Chiến lược phát triển

Điểm yếu của nội dung này là Trường có Chiến lược

nhưng chưa sơ kết đánh giá và hiệu chỉnh bổ sung theo định kỳ 2 năm.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là Chiến lược phát triển của trường được sơ kết đánh giá và hiệu chỉnh bổ sung theo định kỳ 2 năm đảm bảo sát hợp với thực tế và thực tiễn công tác đào tạo nghề.

4.3.2. Hệ thống văn bản quản lý

Điểm yếu của nội dung này là hệ thống văn bản quản lý của trường đã xây dựng, ban hành chưa được rà soát bổ sung thật kịp thời theo sự thay đổi của nhà nước và nhà trường.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Xây dựng đội ngũ viên chức am hiểu và nhạy bén với những thay đổi về hành lang pháp lý và thực tiễn vận hành hoạt động đào tạo để rà soát, hiệu chỉnh các văn bản quản lý; (2) Xây dựng đội ngũ làm công tác pháp chế vững chuyên môn - nghiệp vụ để nâng cao chất lượng và tính thực tiễn của các văn bản quản lý đã ban hành.

4.3.3 Hệ thống quy trình quản lý chất lượng

Điểm yếu của nội dung này là hệ thống quy trình quản lý chất lượng của Trường được ban hành và áp dụng bước đầu. Còn hiện tượng một vài cá nhân nhà giáo và đơn vị chưa ý thức phải bám sát quy trình khi triển khai thực hiện công việc.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Các đơn vị chức năng và chuyên môn thường xuyên rà soát hiệu chỉnh để đảm bảo tính pháp lý và thực tiễn của hệ thống các quy trình quản lý chất lượng đã ban hành; (2) Bố trí thời gian hợp lý và giao nhiệm vụ cho các viên chức mới tuyển dụng, mới tiếp nhận qua điều chuyển nội bộ nghiên cứu nắm rõ quy trình quản lý chất lượng thuộc lĩnh vực đơn vị, cá nhân phụ trách để triển khai thực hiện đúng, đủ, kịp thời.

4.3.4. Hệ thống cơ sở vật chất - Thiết bị và mô hình đồ dùng dạy học

Điểm yếu của nội dung này là hệ thống cơ sở vật chất - thiết bị và mô hình đồ dùng dạy học của Trường chỉ đáp ứng mức chất lượng tối thiểu và có nguy cơ lạc hậu so với sự phát triển công nghệ.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Bố trí, sắp xếp khoa học, hợp lý để không lãng phí nguồn lực cơ sở vật chất - thiết bị dạy nghề do nhà nước đầu tư; (2) Kết nối càng nhiều với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh để đưa HSSV thực tập nghề nghiệp nhằm khắc phục sự thiếu hụt về thiết bị và rút ngắn sự lạc hậu giữa máy móc thiết bị tại các xưởng trường với máy móc và công nghệ mới tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

4.3.5. Chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn

môn học, mô đun, giáo trình và tài liệu học tập

Điểm yếu của nội dung này là chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học/mô đun và giáo trình biên soạn theo hướng tiếp cận mục tiêu, về lâu dài cần phải hiệu chỉnh bổ sung theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện.

Biện pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo là: (1) Chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học/mô đun và giáo trình được hiệu chỉnh từng bước theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện; (2) Xây dựng đội ngũ nhà giáo nghiên cứu nhu cầu và nghiên cứu dự báo nguồn nhân lực cần có cho các thành phần kinh tế - xã hội để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn lao động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; (3) Xây dựng đội ngũ nhà giáo tiếp cận nguồn học liệu mở trong nước và quốc tế để phát triển nguồn học liệu cho các ngành nghề đang đào tạo tại trường.

Các việc cần tập trung thực hiện nội dung, biện pháp đề xuất trên đây không mới nhưng góp phần xác lập rõ công việc theo trình tự phải làm để xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Tiền Giang theo mô hình “Trường học hạnh phúc”, thực hiện được phương châm “Chuẩn mực - Chất lượng - Hiệu quả” đã ghi trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040.

KẾT LUẬN

Trong báo cáo khoa học của mình, người viết đã trình bày 4 nội dung chính gồm: (1) Đặc điểm, hiện trạng Trường Cao đẳng Tiền Giang qua 22 năm hoạt động; (2) Mô hình “Trường học hạnh phúc” theo khuyến cáo của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO); (3) Kết quả bước đầu khi tiếp cận và so sánh hoạt động của Trường gắn với 3 yếu tố trong mô hình “Trường học hạnh phúc”; (4) Đề xuất nội dung, biện pháp xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Tiền Giang theo mô hình “Trường học hạnh phúc” giai đoạn 2024-2030.

Nội dung trình bày trong báo cáo khoa học này được người viết khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn những năm qua để đề xuất biện pháp cần tập trung thực hiện nhằm xây dựng và phát triển trường Cao đẳng Tiền Giang theo mô hình “Trường học hạnh phúc” trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO - 2017), Báo cáo thường niên: “Trường học hạnh phúc: Khuôn khổ cho người học ở Châu Á-Thái Bình Dương”.

2. Đặng Tự Ân (2020), Mô hình trường học hạnh phúc - Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, (xem tiếp trang 18)

PHẦN MỀM QUẢN LÝ NGHIỆP VỤ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG

Nguyễn Hoàng Giang
Trưởng Khoa Kinh tế Tổng hợp
Email: nguyenhoanggiang@tgc.edu.vn

TÓM TẮT

Bài viết này trình bày về một phần mềm quản lý nghiệp vụ công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Tiền Giang. Mục tiêu là cải thiện hiệu quả quản lý nghiệp vụ công đoàn, giảm thiểu thời gian và công sức của cán bộ, đồng thời nâng cao tính chính xác và khoa học trong công tác quản lý.

MỞ ĐẦU

Hoạt động công đoàn cơ sở tại các trường học đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi và nâng cao đời sống của viên chức và người lao động. Tuy nhiên, việc quản lý nghiệp vụ công đoàn hiện nay còn nhiều hạn chế do sử dụng các phương pháp thủ công và các công cụ quản lý không đồng bộ. Nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn và hỗ trợ công tác quản lý hiệu quả hơn, việc xây dựng một phần mềm quản lý nghiệp vụ công đoàn chuyên dụng là hết sức cần thiết và cấp bách. Bài viết này sẽ trình bày về việc phát triển và triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ công đoàn tại Trường Cao đẳng Tiền Giang.

NỘI DUNG

1. Tổng quan về công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Tiền Giang

Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Tiền Giang trực thuộc Công đoàn Viên chức tỉnh Tiền Giang, được thành lập với mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức và người lao động. Công đoàn tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, tuyên truyền giáo dục và thực hiện các chương trình hỗ trợ xã hội. Với sự phát triển của nhà trường, số lượng đoàn viên ngày càng tăng, đòi hỏi công tác quản lý nghiệp vụ công đoàn phải hiệu quả và hiện đại hơn.

Công đoàn cơ sở (CĐCS) Trường Cao đẳng Tiền Giang hiện có 220 đoàn viên thuộc 8 tổ công đoàn. Nghiệp vụ quản lý hiện tại còn nhiều hạn chế do sử dụng các công cụ thủ công và phần mềm không đáp ứng được nhu cầu thực tế. Việc xây dựng một phần mềm không đáp ứng được nhu cầu thực tế. Việc xây

dựng một phần mềm quản lý nghiệp vụ công đoàn chuyên dụng là cần thiết và cấp bách nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hỗ trợ công tác quản lý hiệu quả hơn.

2. Lý thuyết và cơ sở pháp lý

Hoạt động của công đoàn cơ sở được điều chỉnh bởi các quy định pháp lý như Luật Công đoàn, điều lệ công đoàn, luật lao động, các hướng dẫn từ Công đoàn cấp trên, đặt biệt liên quan đến tài chính công đoàn là Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Các quy định này yêu cầu công đoàn cơ sở phải quản lý thông tin đoàn viên, thực hiện các báo cáo định kỳ và đảm bảo minh bạch trong công tác quản lý tài chính.

3. Thực trạng quản lý

Việc quản lý nghiệp vụ công đoàn cơ sở hiện tại chủ yếu dựa vào các công cụ thủ công, gây nhiều khó khăn và thiếu hiệu quả. Cán bộ công đoàn phải xử lý báo cáo và thống kê số liệu bằng tay, dẫn đến không đồng bộ và chậm trễ trong công tác quản lý. Các nghiệp vụ chính như báo cáo hoạt động hàng tháng, quản lý danh sách thu đoàn phí, theo dõi kết quả thi đua khen thưởng đều phải làm thủ công, gây mất thời gian và dễ sai sót.

4. Phân tích SWOT

(1). Điểm mạnh (Strengths): Công đoàn cơ sở có đội ngũ cán bộ nhiệt tình, tận tụy và am hiểu nghiệp vụ. Hệ thống phần mềm quản lý được xây dựng có tính ứng dụng cao và dễ sử dụng.

(2). Điểm yếu (Weaknesses): Hạn chế về công nghệ thông tin của một số cán bộ, khó khăn trong việc thay đổi thói quen làm việc từ thủ công sang điện tử.

(3). Cơ hội (Opportunities): Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số từ Nhà nước và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

(4). Thách thức (Threats): Yêu cầu cao về bảo mật thông tin, sự thay đổi liên tục của công nghệ và phần mềm cần được cập nhật thường xuyên.

5. Giải pháp khắc phục hạn chế

Giải pháp phần mềm quản lý nghiệp vụ công đoàn được xây dựng để đáp ứng nhu cầu quản lý thông tin đoàn viên, diễn biến thu nhập và thành tích công đoàn. Phần mềm hoạt động trên nền tảng web, tương thích với mọi thiết bị di động và máy tính. Các bước thực hiện bao gồm:

(1). Xác định yêu cầu: Thu thập yêu cầu từ các bên liên quan, bao gồm Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, cán bộ công đoàn và đoàn viên.

(2). Thiết kế hệ thống: Thiết kế kiến trúc phần mềm, cơ sở dữ liệu và giao diện người dùng.

(3). Lập trình: Sử dụng các công nghệ như ASP.Net MVC 5.0 với ngôn ngữ lập trình C#, cơ sở dữ liệu SQL Server, HTML, CSS, JavaScript và jQuery để phát triển phần mềm .

(4). Kiểm thử: Kiểm thử chức năng, hiệu năng và bảo mật của phần mềm.

(5). Triển khai: Cài đặt phần mềm trên máy chủ của trường, hướng dẫn sử dụng cho cán bộ công đoàn và đoàn viên.

(6). Bảo trì: Cập nhật và nâng cấp phần mềm định kỳ để đảm bảo hoạt động ổn định và hiệu quả.

6. Các chức năng chính của phần mềm

Phần mềm cung cấp các chức năng chính sau:

(1). Tra cứu danh sách đoàn viên theo tổ công đoàn: Cho phép người dùng tra cứu thông tin đoàn viên theo tổ công đoàn.

(2). Quản lý nghiệp vụ dành cho tổ công đoàn: Cho phép tổ công đoàn báo cáo số liệu hoạt động hàng tháng, lập danh sách thu đoàn phí, quản lý thi đua khen thưởng.

(3). Quản lý dành cho quản trị phần mềm (admin): Tổng hợp báo cáo từ các tổ công đoàn, quản lý thông tin đoàn viên, phân quyền sử dụng phần mềm.

(4). Quản lý danh mục: Quản lý các danh mục như bảng lương cơ bản, chức vụ, chức danh nghề nghiệp, hệ số lương, danh hiệu thi đua, tổ công đoàn.

7. Đánh giá hiệu quả

Việc triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ công đoàn đã mang lại hiệu quả tích cực bước đầu, bao gồm:

(1). Giảm thiểu thời gian và công sức: Cán bộ công đoàn không cần phải làm báo cáo và thống kê số liệu bằng tay, tiết kiệm thời gian và công sức.

(2). Nâng cao khả năng cung cấp thông tin: Thông tin về đoàn viên, hoạt động công đoàn được cập nhật và tra cứu dễ dàng qua phần mềm.

(3). Cải thiện độ chính xác: Giảm thiểu sai sót trong việc quản lý thông tin đoàn viên và các báo cáo.

(4). Khảo sát người dùng: Theo khảo sát, 90% cán bộ công đoàn và đoàn viên hài lòng với phần mềm mới.

8. Phản hồi từ người dùng

(1). Cán bộ công đoàn: Đánh giá cao tính tiện lợi và hiệu quả của phần mềm trong việc quản lý nghiệp vụ công đoàn.

(2). Đoàn viên công đoàn: Phần mềm giúp đoàn viên theo dõi thông tin cá nhân liên quan đến hoạt động công đoàn một cách thuận tiện.

9. Kế hoạch phát triển và nâng cấp trong tương lai

(1). Phát triển thêm các tính năng mới: Thêm các tính năng như quản lý lịch họp, nhắc nhở sự kiện, quản lý văn bản công đoàn.

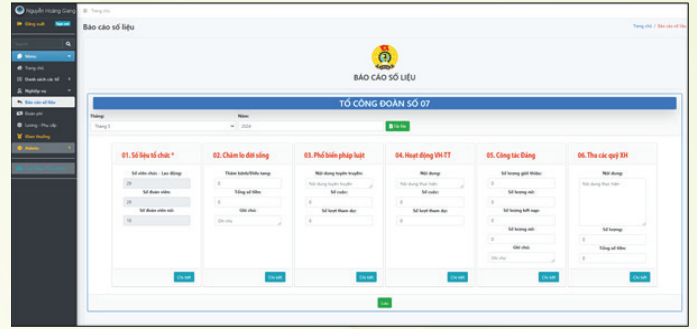
(2). Nâng cấp hệ thống: Cải thiện hiệu năng và bảo mật của phần mềm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công đoàn cơ sở.

của công đoàn cơ sở.

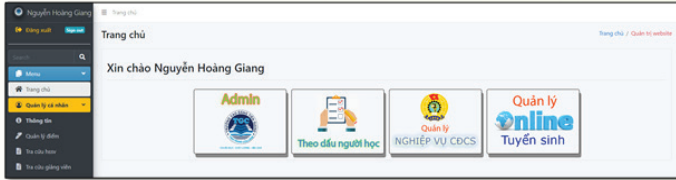
10. Một số hình ảnh của phần mềm

(1). Thiết kế cơ sở dữ liệu

(6). Báo cáo số liệu (Báo cáo tháng theo mẫu báo cáo số liệu do BCH CĐCS ban hành)



(2). Giao diện chính liên kết đến phần mềm



(7). Danh sách thu đoàn phí

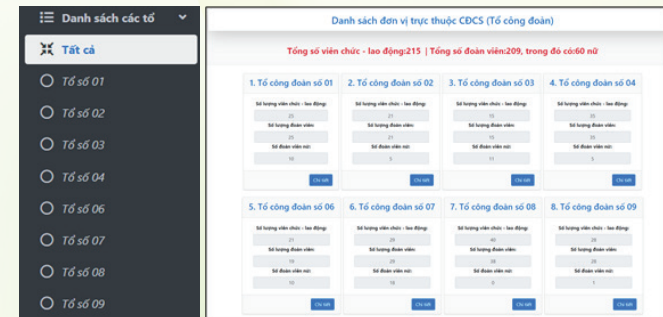


(3). Giao diện phần mềm



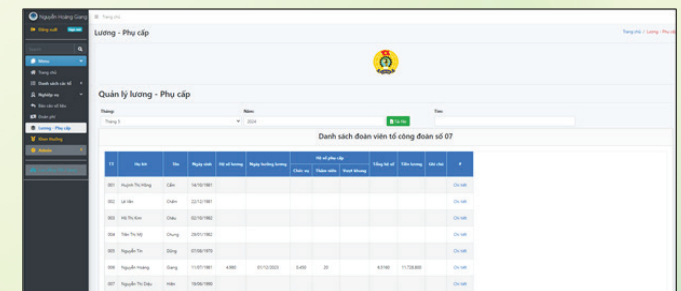
Nút [Tải file] cho phép xuất ra file excel để lưu trữ, in ấn thành danh sách thu đoàn phí hàng tháng cho tổ công đoàn.

(4). Tra cứu danh sách đoàn viên theo tổ công đoàn



CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC TÌNH TG CĐCS TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG											
TỔNG HỢP ĐOÀN PHÍ TỔ 07 THÁNG 5/2024											
Ngày 1 tháng 5 năm 2024											
TT	Họ và tên	Ngày sinh	Hệ số lương	Ngày hưởng	Hệ số phụ cấp Chức vụ	Thâm niên	Vượt khung	Tổng hệ số	Tiền lương	Đoàn phí (1%)	Ghi chú
1	Huyền Thị Hồng Cẩm	14/10/1981						0	0	0	
2	Lê Văn Châm	22/12/1981						0	0	0	
3	Hồ Thị Kim Châu	02/10/1982						0	0	0	
4	Trần Thị Mỹ Chung	29/01/1982						0	0	0	
5	Nguyễn Tin Dũng	07/08/1970						0	0	0	
6	Nguyễn Hoàng Giang	11/07/1981	4.98	01/12/2023	0.45	20		6.516	11.728.800	117.288	
7	Nguyễn Thị Diệu Hiền	19/06/1990						0	0	0	
8	Phan Thị Ngọc Hiền	20/11/1979						0	0	0	

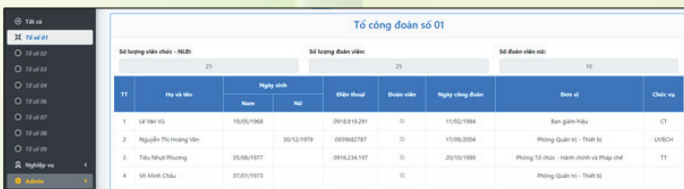
(8). Tổng hợp danh sách lương, phụ cấp của đoàn viên



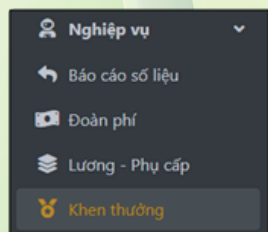
Nút [Tải file] cho phép xuất ra file excel để lưu trữ, in ấn thành danh sách theo dõi lương và phụ cấp hàng tháng của đoàn viên thuộc tổ công đoàn

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC TÌNH TG CĐCS TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG											
TỔNG HỢP LƯƠNG TỔ 07 THÁNG 5/2024											
Ngày 1 tháng 5 năm 2024											
TT	Họ và tên	Ngày sinh	Hệ số lương	Ngày hưởng	Hệ số phụ cấp Chức vụ	Thâm niên	Vượt khung	Tổng hệ số	Tiền lương	Ghi chú	
1	Huyền Thị Hồng Cẩm	14/10/1981						0	0		
2	Lê Văn Châm	22/12/1981						0	0		
3	Hồ Thị Kim Châu	02/10/1982						0	0		
4	Trần Thị Mỹ Chung	29/01/1982						0	0		
5	Nguyễn Tin Dũng	07/08/1970						0	0		
6	Nguyễn Hoàng Giang	11/07/1981	4.98	01/12/2023	0.45	20		6.516	11.728.800		
7	Nguyễn Thị Diệu Hiền	19/06/1990						0	0		
8	Phan Thị Ngọc Hiền	20/11/1979						0	0		
9	Lý Văn Hòa	18/12/1977						0	0		

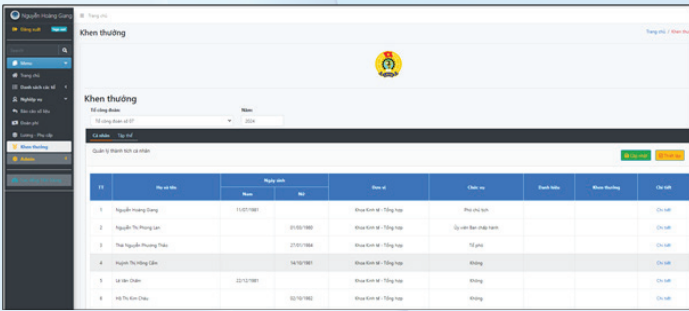
Tra cứu danh sách bằng cách chọn vào Tổ công đoàn ở panel trái hoặc nhấp chọn vào chi tiết ở từng tổ công đoàn ở khu trung tâm.



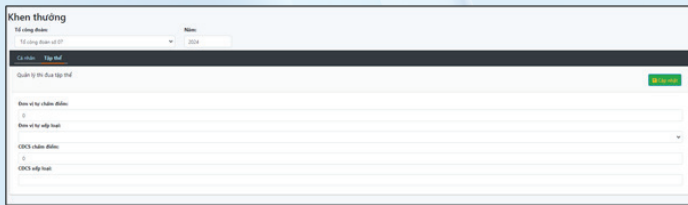
(5). Quản lý nghiệp vụ dành cho tổ công đoàn



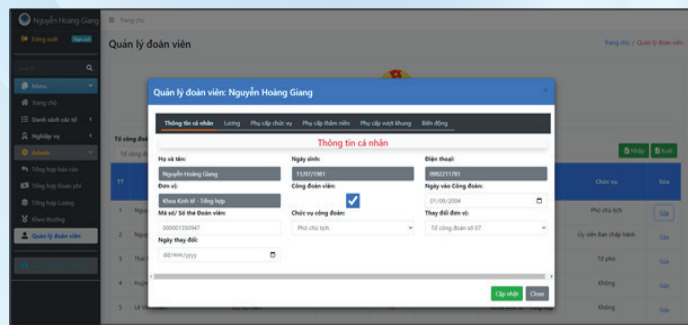
(9). Khen thưởng:



Quản lý thi đua - khen thưởng cho cá nhân và tập thể (tổ công đoàn) hàng năm: bao gồm đánh giá thi đua và chọn khen thưởng cho cá nhân, tự đánh giá thi đua tập thể tổ công đoàn.



(10). Quản lý đoàn viên

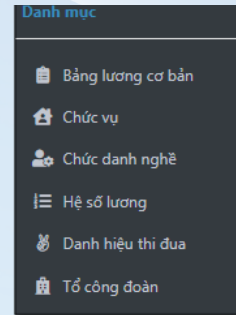


(11). Phân quyền quản lý ứng dụng

Thiết lập tài khoản được phép sử dụng và quản trị phần mềm với 02 quyền cơ bản, admin (quyền =0) và quản lý tổ công đoàn (quyền =1).



(12). Quản lý danh mục



11. Kết luận

Phần mềm quản lý nghiệp vụ công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Tiền Giang đã giúp số hóa quá trình vận hành và quản lý thông tin, cải thiện đáng kể hiệu quả quản lý nghiệp vụ công đoàn. Các công cụ được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công đoàn viên, cán bộ công đoàn và tổ công đoàn, từ đó nâng cao uy tín và chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở.

12. Đề xuất kiến nghị

- (1). Đoàn viên công đoàn: Cần cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân để cập nhật vào phần mềm.
- (2). Ban chấp hành công đoàn cơ sở và Ban Giám hiệu: Phân công các bộ phận phụ trách vận hành và cập nhật thông tin nghiệp vụ cần thiết để khai thác sáng kiến hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật công đoàn Việt Nam, số 12/2012/QH13 ngày 20/06/2012
2. Luật Lao động, số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019
3. Điều lệ Công đoàn Việt Nam được Đại hội XII Công đoàn Việt Nam (nhiệm kỳ 2018-2023) thông qua và được ban hành theo Quyết định số 174/QĐ-TLĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 bởi Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
4. Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2006 của Tổng LĐLĐ Việt Nam.
5. Mẫu báo cáo tháng, quý, năm của CĐVC Tỉnh Tiền Giang, Mẫu báo cáo số liệu hàng tháng dành cho các tổ công đoàn do CĐCS Trường ban hành.
6. Thư viện pháp luật online (<https://thuvienphapluat.vn/>).

(tiếp theo trang 15)
 Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số tháng 11/2020.
 3. Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh (2023), Chuyên đề “Xây dựng trường học hạnh phúc trong... bối cảnh mới”, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý trường học.
 4. Nguyễn Minh Quân (2020), Một cách tiếp cận mô hình trường học hạnh phúc, Kỷ yếu hội thảo NCKH của học viên cao học và nghiên cứu sinh năm 2020, Nxb ĐHSP. TP Hồ Chí Minh.

MỘT VÀI KINH NGHIỆM SAU MỘT NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

“GIẢI PHÁP BỒI DƯỠNG, PHÁT HUY THÀNH TÍCH CỦA CÁ NHÂN HƯỚNG TỚI TRÌNH KHEN CAO TRONG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH QUYỀN”

Lê Thị Thu Mỹ

Phó Trưởng Phòng Hành chính - Pháp chế

Email: mylth@gc.edu.vn

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu về tính liên tục của quá trình thi đua, khen thưởng tại Trường Cao đẳng Tiền Giang ở góc độ thành tích cá nhân. Bằng phương pháp tổng kết thực tiễn, người viết đề xuất 05 giải pháp để bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đảng viên, viên chức duy trì, phát huy thành tích đã đạt được trong công tác Đảng và công tác chuyên môn, tạo nguồn cá nhân, tập thể đủ tiêu chuẩn trình khen cao hàng năm. Mục tiêu hướng đến của việc đề xuất giải pháp là nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong nhà trường đối với công tác thi đua, khen thưởng; sự rèn luyện, phấn đấu của cá nhân, hướng đến mỗi năm đều có đảng viên đủ điều kiện trình khen cao trong Đảng, viên chức đủ điều kiện trình khen Thủ tướng Chính phủ.

MỞ ĐẦU

Thi đua, khen thưởng là biện pháp tổ chức thực tiễn, một phương pháp tuyên truyền, giáo dục tích cực để động viên ý chí sáng tạo, quyết tâm, năng lực hoạt động thực tiễn của viên chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao. Trong thời gian qua, công tác thi đua, khen thưởng của đảng bộ và nhà trường đã từng bước đi vào nề nếp, thực chất. Tuy nhiên, quá trình thi đua của từng viên chức chưa liên tục, nhiều trường hợp bị gián đoạn khi đã có 03 năm, 04 năm đạt thành tích cao nên không đủ điều kiện để trình khen cấp cao hơn. Hạn chế này đã làm cho số lượt cá nhân được khen cao của đảng bộ và nhà trường rất ít mặc dù hàng năm nhà trường có trên 20 chiến sĩ thi đua cơ sở, trên 20 đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhưng nhiều năm qua không có đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05 năm liên để trình cấp trên khen.

Đề góp phần khắc phục hạn chế nêu trên, bài viết trình bày 4 nội dung chính: (1) Thực trạng về kết quả thi đua, khen thưởng và quá trình thi đua, khen thưởng của cá nhân tại Trường Cao đẳng Tiền Giang từ năm 2018 đến năm 2022; (2) Giải pháp đã đề xuất áp dụng

để bồi dưỡng, phát huy thành tích của cá nhân, đảm bảo quá trình thi đua liên tục hướng tới trình khen cao; (3) Kết quả mang lại; (4) Một số kinh nghiệm được rút ra để tiếp tục triển khai thực hiện 05 giải pháp trong thời gian tới.

NỘI DUNG

1. Thực trạng về kết quả thi đua, khen thưởng và quá trình thi đua, khen thưởng của cá nhân tại Trường Cao đẳng Tiền Giang từ năm 2018 đến năm 2022

Tại thời điểm viết bài, Trường Cao đẳng Tiền Giang có 220 viên chức và người lao động đang làm việc tại 11 đơn vị trực thuộc Trường, trong đó có 124 đảng viên sinh hoạt tại 08 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường.

Thực trạng kết quả thi đua, khen thưởng giai đoạn 2018 - 2022 đã được bản thân báo cáo trong sáng kiến cải tiến chuyên môn - nghiệp vụ năm học 2022 - 2023, được Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Tiền Giang công nhận tại Quyết định số 289/QĐ-CĐTG ngày 16/5/2023 về việc công nhận sản phẩm khoa học năm học 2022 - 2023. Nay xin trích lại các bảng số liệu như bảng 1.

Đơn vị tính: lượt người

Thành tích Năm	Chính quyền				Đảng	
	CSTD cơ sở	Bảng khen UBND tỉnh (2 năm liên tục)	CSTD cấp tỉnh	Bảng khen Thủ tướng Chính phủ	Đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của Đảng ủy Khối CQ và DN (5 năm liên)
2018	18	05	01	01	15	0
2019	26	08	01	0	23	0
2020	31	11	01	0	24	0
2021	23	08	05	01	23	0
2022	23	07	0	0	24	0

Bảng 1. Kết quả thi đua, khen thưởng của chính quyền và của Đảng giai đoạn 2018-2022

Thống kê cho thấy, hàng năm số viên chức đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ rất nhiều, số viên chức được UBND tỉnh tặng Bằng khen cũng không ít nhưng số cá nhân được khen cao hơn nữa thì rất khiêm tốn, thậm chí bằng 0.

STT	Họ tên	Chiến sĩ thi đua cơ sở				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Võ Minh Thiên	x	x			x
2	Huỳnh Minh Toàn	x	x	x		
3	Võ Hoài Thương		x	x		
4	Cao Minh Thiện			x		x
5	Nguyễn Bảo Anh	x	x		x	
6	Nguyễn Quang Tiên		x	x		
7	Trần Ngọc Toàn		x	x	x	
8	Lê Văn Cường		x			x
9	Mai Minh Tấn		x		x	
10	Nguyễn Thị Thùy Linh	x	x	x	x	x

Bảng 2. Thực trạng quá trình thi đua, khen thưởng của cá nhân về mặt chính quyền

STT	Họ và tên	Đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ					
		2017	2018	2019	2020	2021	2022
1	Trịnh Thị Như Lạc	Mức 1	Mức 2	Mức 1	Mức 1	Mức 1	Mức 1
2	Nguyễn Phúc Quốc	Mức 2	Mức 1	Mức 2	Mức 1	Mức 2	Mức 1
3	Nguyễn Ngọc Tuyết	Mức 3	Mức 1	Mức 2	Mức 1	Mức 1	Mức 2
4	Nguyễn Thị Thùy Linh	Mức 2	Mức 1	Mức 1	Mức 1	Mức 2	Mức 2
5	Nguyễn Hoàng Giang	Mức 1	Mức 2	Mức 1	Mức 1	Mức 1	Mức 1
6	Phạm Thị Ngọc Hương	Mức 2	Mức 2	Mức 1	Mức 1	Mức 2	Mức 1
7	Võ Minh Thiên	Mức 1	Mức 1	Mức 1	Mức 2	Mức 1	Mức 1
8	Phan Văn Ý	Mức 1	Mức 2	Mức 1	Mức 1	Mức 1	Mức 1
9	Nguyễn Bảo Anh	Mức 1	Mức 1	Mức 1	Mức 2	Mức 1	Mức 2

Bảng 3. Thực trạng quá trình thi đua, khen thưởng của cá nhân về mặt Đảng

Thực trạng trên là điển hình một số trường hợp bị gián đoạn quá trình thi đua, khen thưởng của cá nhân trong công tác Đảng và công tác chính quyền. Trong đó có trường hợp quá trình khen thưởng công tác Đảng bị đứt đoạn, trong khi quá trình thi đua công tác chính quyền đạt liên tục 05 năm liền (cô Nguyễn Thị Thùy Linh).

Từ thực tiễn công tác thi đua, khen thưởng như trên, người viết nhận thấy có 03 vấn đề cần quan tâm thực hiện trong thời gian tới như sau:

- Thứ nhất, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, quán triệt, kiểm tra, giám sát, phối hợp của Đảng, Chính quyền và Đoàn thể trong công tác thi đua, khen thưởng.

- Thứ hai, thường xuyên quan tâm động viên, tạo môi trường và điều kiện làm việc để viên chức an tâm công tác, toàn tâm, toàn ý gắn bó với công việc được phân công.

- Thứ ba, có biện pháp khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo; nhân rộng, phát triển sản phẩm khoa học đã được phê duyệt nhằm kích thích tinh thần phấn đấu của cá nhân để ngày càng có nhiều sản phẩm khoa học hữu ích.

2. Giải pháp đã đề xuất áp dụng để bồi dưỡng, phát huy thành tích của cá nhân, đảm bảo quá trình thi đua liên tục hướng tới trình khen cao

Từ thực trạng kết quả công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2018 - 2022 và nhận định 03 vấn đề cần quan tâm nêu trên, năm học 2022 - 2023 người viết đã đề xuất và tham mưu Đảng ủy nhà trường ban hành Kế hoạch số 30-KH/ĐU ngày 01/3/2023 về bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đảng viên, viên chức duy trì, phát huy thành tích đã đạt được trong công tác Đảng và công tác chuyên môn, tạo nguồn cá nhân, tập thể đủ tiêu chuẩn trình khen cao hàng năm.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 30-KH/ĐU, người viết đã đề xuất triển khai thực hiện 05 giải pháp như sau:

(1) *Giải pháp thứ nhất:* Đảng ủy - Ban Giám hiệu và Ban chấp hành các đoàn thể của trường tiếp tục quan tâm đến hoạt động truyền thông quán triệt nhận thức

và thống nhất phương pháp triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp.

Trong sinh hoạt thường kỳ hàng tháng của Đảng ủy có các thành viên là Thường trực Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn trường, Bí thư Đoàn trường, Trưởng hoặc Phó các đơn vị trực thuộc Trường, Ban Thường vụ Đảng ủy luôn nhắc nhở các tổ chức, đơn vị về việc triển khai thực Kế hoạch số 30-KH/ĐU ngày 01/3/2023 của Đảng ủy, nắm bắt tình hình thực hiện thông qua báo cáo của các thành viên để có biện pháp tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức, thống nhất phương pháp phối hợp, cộng đồng trách nhiệm trong triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đã đề ra trong kế hoạch.

(2) *Giải pháp thứ hai:* Tăng cường công tác lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng Tiền Giang.

- Trong sinh hoạt lệ kỳ hàng tháng của Đảng và giao ban của Trường, Đảng ủy, Hiệu trưởng nhà trường thường xuyên quán triệt tinh thần Kế hoạch số 30-KH/ĐU ngày 01/3/2023 của Đảng ủy Trường Cao đẳng Tiền Giang về Bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đảng viên, viên chức duy trì, phát huy thành tích đã đạt được trong công tác Đảng và công tác chuyên môn, tạo nguồn cá nhân, tập thể đủ tiêu chuẩn trình khen cao hàng năm.

- Kiểm tra tiến độ thực hiện Kế hoạch số 30-KH/ĐU thông qua báo cáo của các chi bộ, đơn vị trực thuộc. Qua đó kịp thời đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc cho chi bộ, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đảng ủy đặc biệt quan tâm việc tổ chức thực hiện Kế hoạch số 30-KH/ĐU đối với chi bộ 01, chi 07 và chi bộ 08 - là các chi bộ được chọn thí điểm thực hiện Kế hoạch.

(3) *Giải pháp thứ ba:* Tăng cường công tác phối hợp lãnh đạo, tổ chức thực hiện của chi ủy chi bộ và lãnh đạo các đơn vị, đoàn thể trực thuộc Trường.

- Trên cơ sở chỉ đạo, tuyên truyền, quán triệt của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Ban Chấp hành các đoàn thể trong nhà trường, Chi ủy chi bộ, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường và Tổ trưởng Công đoàn thường xuyên phối hợp với nhau, thống nhất phương thức tổ chức thực hiện Kế hoạch số 30-KH/ĐU phù hợp với chi bộ, đơn vị. Quá trình thực hiện nếu gặp vấn đề ngoài thẩm quyền thì kịp thời báo cáo Đảng ủy, Hiệu trưởng nhà trường và Ban Thường vụ các đoàn thể của Trường xem xét, hướng dẫn, giải quyết.

- Chi bộ được chọn thí điểm thực hiện Kế hoạch số 30-KH/ĐU luôn quan tâm, thăm hỏi, động viên đảng viên, viên chức đang có thành tích khen thưởng liên tục, kịp thời nắm bắt tâm tư cũng như những thuận lợi, khó khăn mà cá nhân gặp phải, từ đó có phương hướng giúp đỡ cá nhân phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn để tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Lãnh đạo đơn vị, nhất là các khoa chuyên môn phối hợp với Tổ trưởng Công đoàn thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức để kịp thời phát hiện dấu hiệu tiêu cực và xử lý, không để viên chức vi phạm mới phát hiện.

(4) *Giải pháp thứ tư:* Mỗi cá nhân nêu cao tinh thần phấn đấu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Mỗi cá nhân cần nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, phấn đấu tự học, tự rèn luyện, tích cực nghiên cứu chuyên môn, ứng dụng khoa học công nghệ vào công việc.

- Bằng năng lực chuyên môn, nhiệm vụ ở vị trí việc làm của mình, cá nhân chủ động thực hiện hoặc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động công tác chuyên môn, công tác đoàn thể hoặc các công tác cụ thể khác.

- Cá nhân nếu có đề tài đề nghị công nhận cấp tỉnh hoặc cao hơn cần tích cực nghiên cứu sâu, rộng; mạnh dạn liên hệ chuyên gia để được tư vấn hoàn chỉnh nội dung, tăng sức thuyết phục khi đưa ra Hội đồng xem xét.

(5) *Giải pháp thứ năm:* Công tác quan tâm, động viên, hỗ trợ cụ thể, thiết thực của tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Trường Cao đẳng Tiền Giang.

- Công đoàn và Đoàn thanh niên nhà trường thường xuyên quan tâm, động viên đoàn viên trong thực hiện nhiệm vụ bằng các biện pháp phù hợp với đặc thù của đoàn thể; tạo không khí vui tươi, hài hòa nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho đoàn viên.

- Phối hợp với lãnh đạo đơn vị để đặc biệt quan tâm, động viên các cá nhân đang có quá trình khen thưởng liên tục, hỗ trợ kịp thời khi cá nhân gặp khó khăn trong quá trình phấn đấu.

- Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hoạt động chuyên môn tạo điều kiện cho đoàn viên giao lưu, chia sẻ, học hỏi lẫn nhau để bổ sung kiến thức và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

3. Kết quả mang lại sau một năm triển khai thực hiện các giải pháp

Một là, tập thể lãnh đạo của tổ chức Đảng, Nhà trường và các đoàn thể, nhất là từng đảng viên, viên chức đã nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng. Đồng chí Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng nhà trường luôn quan tâm lãnh đạo sâu sát, định hướng tháo gỡ khó khăn cho đơn vị; thường xuyên nhắc nhở các chi bộ phải phối hợp thật chặt chẽ với lãnh đạo các đơn vị và các đoàn thể tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên, viên chức phát huy năng lực, sáng tạo trong chuyên môn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Từ đó cấp ủy các cấp, lãnh đạo nhà trường và các đoàn thể đã tăng cường công tác lãnh đạo, kiểm

tra, đôn đốc các tập thể và động viên cá nhân phấn đấu phát huy thành tích cá nhân, góp phần vào thành tích chung của tổ chức, đơn vị và nhà trường.

Hai là, kết quả thi đua, khen thưởng viên chức, người lao động năm học 2022 - 2023 và đánh giá, khen thưởng đảng viên năm 2023 tại Trường Cao đẳng Tiền Giang đạt kết quả khả quan.

- Năm học 2022 - 2023 có 30 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở. Trong đó có 09 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở liên tục từ 03 năm (03 năm: 02 viên chức; 04 năm: 01 viên chức; 05 năm: 06 viên chức).

- Năm 2023 có 24 đảng viên được Đảng ủy xếp loại đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong đó có 07 đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ 04 năm trở lên (04 năm: 03 đảng viên, 05 năm: 04 đảng viên).

Ba là, kết quả trình khen cao cũng rất khả quan, cụ thể là:

- Về mặt chính quyền: 10/10 cá nhân Trường đề nghị và được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm học (2021-2022) và (2022-2023); 03 cá nhân được đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh (đến nay chưa có kết quả).

- Về mặt Đảng: Lần đầu tiên kể từ khi thành lập Đảng bộ (2013) đến nay, Đảng bộ Trường Cao đẳng Tiền Giang có 04 đảng viên được Đảng ủy ghi nhận kết quả phấn đấu và công nhận là đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05 năm liền, đủ tiêu chuẩn trình cấp trên khen. Căn cứ kết quả đó, Đảng ủy nhà trường đã hoàn tất thủ tục trình Ban Thường vụ Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp xem xét khen thưởng. Kết quả có 02 đồng chí được Đảng ủy Khối tặng giấy khen đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05 năm liền, 02 đồng chí còn lại không được Đảng ủy Khối công nhận kết quả xếp loại năm 2023 nên không khen thưởng (do 02 đồng chí ấy là Bí thư chi bộ, theo quy định mới thì không được xếp loại cao hơn xếp loại của cấp ủy mà mình là người đứng đầu).

Bốn là, từ kết quả trình khen cao nêu trên cho thấy việc áp dụng các giải pháp do tôi đề xuất đã thật sự mang lại hiệu quả, cán bộ lãnh đạo, quản lý đã quan tâm hơn đến quá trình thi đua của từng cá nhân, có sự bồi dưỡng, động viên cá nhân phấn đấu; từng cá nhân cũng nâng cao ý thức tự phấn đấu, tự rèn luyện, không ngừng học hỏi để sáng tạo, khẳng định năng lực, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

4. Một số kinh nghiệm được rút ra để tiếp tục triển khai thực hiện 05 giải pháp trong thời gian tới

4.1. Kinh nghiệm mang tính khách quan

Thứ nhất, tiêu chuẩn xếp loại đảng viên cần phải ổn định hoặc thay đổi không quá lớn, ít nhất là trong một

nhiệm kỳ để tổ chức đảng, đảng viên có định hướng bồi dưỡng và phấn đấu.

Thứ hai, quy định theo hướng nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cần phải cân nhắc, tập trung vào những vị trí then chốt, có tính quyết định chủ trương, chính sách, hoạt động của đơn vị, những vị trí nhạy cảm có nguy cơ tham nhũng; cần ngoại trừ những vị trí đứng đầu mà nơi đó khó có nguy cơ tham nhũng, người đứng đầu của cấp thấp nhất trong tổ chức.

Bởi thực tế xếp loại chất lượng đảng viên năm 2023 cho thấy, quy định tiêu chuẩn xếp loại đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bị thắt chặt đối với người đứng đầu cấp ủy, kể cả cấp ủy chi bộ trực thuộc - là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức của Đảng. Quy định này đã làm cho quá trình phấn đấu 05 năm liền của 02 đồng chí Bí thư chi bộ trực thuộc bị đứt đoạn tại năm thứ 5 - năm 2023 nên không được đảng cấp trên khen.

4.2. Kinh nghiệm mang tính chủ quan

** Giải pháp thứ nhất, Đảng ủy, Ban Giám hiệu và Ban chấp hành các đoàn thể của trường tiếp tục quan tâm đến hoạt động truyền thông quán triệt nhận thức và thống nhất phương pháp triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp.*

- Thường xuyên quán triệt tinh thần, mục đích Kế hoạch số 30-KH/ĐU ngày 01/3/2023 của Đảng ủy Trường Cao đẳng Tiền Giang về Bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đảng viên, viên chức duy trì, phát huy thành tích đã đạt được trong công tác Đảng và công tác chuyên môn, tạo nguồn cá nhân, tập thể đủ tiêu chuẩn trình khen cao hàng năm.

- Đưa nội dung Kế hoạch số 30-KH/ĐU ngày 01/3/2023 vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của từng tổ chức, từng đơn vị, tránh việc triển khai một lần rồi quên lãng. Khi sinh hoạt, cần trao đổi các giải pháp để thống nhất việc thực hiện.

- Giải thích cho đảng viên, viên chức, người lao động nhận thức được rằng thành tích để được khen thưởng không phải điều gì cao siêu, mà đơn giản là sự nỗ lực của bản thân trong thực hiện nhiệm vụ. Đó có thể là những ý kiến nhỏ để giảm thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả của nghiệp vụ; để khắc phục những hạn chế đã tồn tại trong hoạt động của đơn vị thời gian dài; để tạo sự say mê, hứng thú học tập cho học sinh, sinh viên;...

** Giải pháp thứ hai, công tác lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng Tiền Giang.*

- Trong mỗi kỳ sinh hoạt thường lệ của tổ chức, đơn vị mình, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhắc lại Kế hoạch số 30-KH/ĐU ngày 01/3/2023 của Đảng ủy nhằm kiểm tra tiến độ và nâng cao trách nhiệm tổ chức thực hiện của lãnh đạo từng tổ chức, đơn vị; đồng thời qua đó

nắm bắt những khó khăn, vướng mắc để có định hướng tháo gỡ kịp thời; đặc biệt quan tâm đến các chi bộ được chọn thí điểm thực hiện Kế hoạch số 30-KH/ĐU.

- Văn phòng Đảng ủy, Phòng Tổ chức - Hành chính và Pháp chế là nơi hàng ngày tiếp nhận những thắc mắc, phản ánh của các đơn vị, cá nhân trong nhà trường, kể cả nhân dân ngoài trường. Vì vậy, người làm công tác ở 02 đơn vị này phải thật sự trách nhiệm, nhạy bén, ghi nhận và xử lý thông tin một cách khéo léo nhằm giúp cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng của đảng viên, viên chức, người lao động, giúp cho việc định hướng chủ trương, kế hoạch hoạt động của Đảng và Nhà nước sát hợp hơn, tạo điều kiện cho tập thể, cá nhân phấn đấu.

** Giải pháp thứ ba, công tác phối hợp lãnh đạo, tổ chức thực hiện của chi ủy chi bộ và lãnh đạo các đơn vị, đoàn thể trực thuộc Trường.*

- Chi ủy chi bộ và lãnh đạo đơn vị và Tổ trưởng Công đoàn thường xuyên phối hợp với nhau để có phương thức tổ chức thực hiện Kế hoạch số 30-KH/ĐU phù hợp với chi bộ, đơn vị. Nội dung kế hoạch này cần trở thành nội sinh hoạt thường kỳ của chi bộ, tổ công đoàn và của đơn vị.

- Phối hợp thống kê, tập trung theo dõi, bồi dưỡng những cá nhân đang có quá trình khen thưởng liên tục từ 03 năm trở lên hoặc cá nhân đã có quá trình liên tục 02 năm mà nhận thấy có triển vọng phát triển. Việc theo dõi, bồi dưỡng cá nhân phải đảm bảo sự hài hòa giữa thành tích cá nhân và thành tích tập thể, tránh tình trạng “thuận nâng, nghịch hạ”, không quan tâm đến năng lực, sự cống hiến của cá nhân.

- Các chi bộ có đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục 03 năm, 04 năm cần phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo đơn vị, đoàn thể để tập trung bồi dưỡng, động viên, định hướng phát huy thành tích để đạt được mục tiêu của chi bộ và mục tiêu chung của đảng bộ khi thực hiện Kế hoạch số 30-KH/ĐU. Quá trình bồi dưỡng cần thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, động viên cá nhân để kịp thời nắm bắt tâm tư cũng như những thuận lợi, khó khăn mà cá nhân gặp phải, từ đó có phương hướng giúp đỡ cá nhân phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn để tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

** Giải pháp thứ tư, tinh thần phấn đấu của cá nhân.*

- Mỗi cá nhân phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có tinh thần đổi mới, sáng tạo; khi nảy sinh ý tưởng mới cần tập trung nghiên cứu, trung cầu ý kiến chuyên môn để phát triển thành sản phẩm khoa học, ứng dụng vào thực tế công tác, góp phần nâng cao số lượng, chất lượng sản phẩm khoa học của nhà trường.

- Nhận thức đúng đắn về thành tích để được khen thưởng như đã nêu trong kinh nghiệm ở giải pháp thứ nhất: Đó có thể là những ý kiến nhỏ để giảm thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả của nghiệp vụ; để khắc

phục những hạn chế đã tồn tại trong hoạt động của đơn vị thời gian dài; để tạo sự say mê, hứng thú học tập cho học sinh, sinh viên;... Từ đó mạnh dạn đề xuất những ý kiến cải tiến chuyên môn - kỹ thuật, nghiệp vụ, giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động công tác chuyên môn, công tác đoàn thể hoặc các công tác cụ thể khác.

- Mạnh dạn, kiên trì đăng ký đề tài sáng kiến cấp tỉnh nếu đã có đề tài được công nhận tại Trường. Đề tăng sức thuyết phục khi đưa ra Hội đồng tỉnh xem xét, cá nhân cần tích cực nghiên cứu sâu hơn, nhờ chuyên gia để được tư vấn hoàn chỉnh nội dung đề tài. Thực tế các năm qua cho thấy nhiều cá nhân đăng ký đề tài sáng kiến cấp tỉnh, nếu không đạt dễ nản lòng và năm sau không đăng ký nữa, mặc dù có sáng kiến mới được công nhận cấp Trường. Việc này vô tình đánh mất cơ hội được khen cao của cá nhân, ít nhiều cũng ảnh hưởng đến thành tích chung của nhà trường.

* *Giải pháp thứ năm, công tác quan tâm, động viên, hỗ trợ cụ thể, thiết thực của tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Trường Cao đẳng Tiền Giang.*

- Cũng như những kinh nghiệm rút ra ở các giải pháp trên, việc quan tâm, bồi dưỡng cá nhân để đạt được mục tiêu của Kế hoạch số 30-KH/ĐU cần trở thành nội dung sinh hoạt thường kỳ của từng tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên nhà trường, tránh việc triển khai một lần rồi quên lãng.

- Phối hợp chặt chẽ với chi bộ, phòng, khoa nắm danh sách đối tượng cần bồi dưỡng để có sự quan tâm đặc biệt, hỗ trợ, động viên kịp thời khi cá nhân gặp khó khăn trong quá trình phấn đấu.

* *Công tác đánh giá viên chức, bình xét danh hiệu thi đua.*

- Phải bám sát quy định, tiêu chuẩn xếp loại viên chức, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; kịp thời cập nhật quy định mới để đánh giá đúng tiêu chuẩn, đúng thành tích. Đánh giá công bằng, khách quan, dân chủ là cơ sở quan trọng xây dựng khối đoàn kết, thống nhất và kích thích quá trình phấn đấu của viên chức.

- Cần xem xét thứ tự ưu tiên khi xem xét xếp loại cá nhân ở mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (ưu tiên cho cá nhân có thành tích và đang có quá trình khen thưởng liên tục trong công tác chuyên môn và công tác Đảng) nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc công bằng, không thiên vị.

KẾT LUẬN

Trong báo cáo khoa học của mình, người viết đã trình bày 4 nội dung chính gồm: (1) Thực trạng về kết quả thi đua, khen thưởng và quá trình thi đua, khen thưởng của cá nhân tại Trường Cao đẳng Tiền Giang từ năm 2018 đến năm 2022; (2) Giải pháp đã đề xuất áp dụng để bồi dưỡng, phát huy thành tích của cá nhân, đảm

bảo quá trình thi đua liên tục hướng tới trình khen cao; (3) Kết quả mang lại; (4) Một vài kinh nghiệm rút kiến trong thời gian tới.

Nội dung các giải pháp được nêu trong báo cáo đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường quan tâm, lãnh đạo thực hiện trong công tác thi đua, khen thưởng tại Trường Cao đẳng Tiền Giang trong hơn một năm qua. Với nội dung giải pháp được mô tả như trên và những kinh nghiệm người viết rút ra, hy vọng các giải pháp này sẽ được tiếp tục áp dụng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng trong Đảng bộ và Trường Cao đẳng Tiền Giang thời gian tới./.



ỨNG DỤNG PHẦN MỀM GHI NHỚ GIÚP HỌC SINH, SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG HỌC TIẾNG ANH HIỆU QUẢ

*Nguyễn Thị Cẩm Quyên
Trưởng Khoa Cơ bản
Email: quyennntc@tgc.edu.vn*

TÓM TẮT

Bài viết xoay quanh vấn đề ứng dụng phần mềm ghi nhớ giúp học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Tiền Giang học tiếng Anh hiệu quả. Bằng phương pháp nghiên cứu lý luận về các phương pháp giảng dạy tiếng Anh, phân tích thực trạng, thực nghiệm và tổng kết kinh nghiệm, người viết đã xác lập nội dung chính và đề xuất 02 biện pháp để triển khai thực hiện các nội dung xác lập. Mục tiêu hướng đến là đề xuất giải pháp ứng dụng phần mềm ghi nhớ giúp học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Tiền Giang học tiếng Anh hiệu quả.

Từ khóa: phần mềm ghi nhớ Anki, từ vựng, ngữ pháp.

MỞ ĐẦU

Trong giảng dạy bất cứ một ngôn ngữ nào mà không phải là tiếng mẹ đẻ đối với người học, giảng dạy từ vựng, ngữ pháp đóng một vai trò quan trọng trong truyền thụ và tiếp nhận kiến thức. Việc tra dồi từ mới, cấu trúc mới trong học tập ngoại ngữ nói chung, học tập tiếng Anh nói riêng là hết sức cần thiết. Việc giáo viên tìm ra giải pháp dạy từ vựng sao cho trực quan, sinh động giúp học sinh, sinh viên phát âm đúng, biết nghĩa của từ, từ loại và ghi nhớ được từ trên lớp là cần thiết và việc này đã được giảng viên trường Cao đẳng Tiền Giang nghiên cứu thực hiện đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, vẫn chưa đủ nếu không có giải pháp làm thế nào để học sinh, sinh viên có thể tự học từ vựng, ngữ pháp một cách tự nhiên, thường xuyên, không áp lực, không nặng nề nhưng lại ghi nhớ lâu và ngày càng mở rộng vốn từ, vốn ngữ pháp.

Để đáp ứng yêu cầu trên, việc tìm tòi, nghiên cứu, thử nghiệm và hướng dẫn học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Tiền Giang ứng dụng phần mềm ghi nhớ để học tiếng Anh hiệu quả là hết sức cần thiết.

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, hiện trạng của việc giảng dạy tiếng Anh của trường Cao đẳng Tiền Giang.

Thực tế nhiều năm qua, qua thăm dò ý kiến của các giáo viên đã dạy môn tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Tiền Giang, kết quả cho thấy phần lớn ý kiến giáo viên nhận định rằng một bộ phận không nhỏ học sinh, sinh viên có tâm lý ngại học và không chú tâm đến việc học môn học này, do đó vốn từ vựng của các em khá ít, kiến thức ngữ pháp cũng không chắc chắn, hay nhầm lẫn giữa các cấu trúc với nhau. Bên cạnh đó, cũng có một bộ phận học sinh, sinh viên học tập rất chăm chỉ, hiểu bài, thuộc từ tại lớp, về nhà có ôn lại bài, tuy nhiên học đến chủ đề từ vựng và cấu trúc ngữ pháp của bài khác là các em đã quên không ít từ đã học và nhầm lẫn cấu trúc ngữ pháp mới học với cấu trúc cũ. Từ đó, việc thiếu vốn từ, quên cấu trúc ngữ pháp đã trở thành rào cản lớn cho việc thực hiện tốt các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết của các em. Chính vì vậy việc giảng dạy và học tiếng Anh sao cho hiệu quả là một thách thức đối với giáo viên và học sinh nhà trường.

Để khắc phục tình trạng học sinh, sinh viên học tiếng Anh chưa hiệu quả, học trước quên sau, trước tiên sẽ phải bắt đầu từ việc tìm ra những giải pháp để thu hút học sinh học tập, học đúng cách, học dễ nhớ lâu quên, học để tích lũy được vốn từ, vốn ngữ pháp ngày càng nhiều mới có nền tảng để thực hiện đạt yêu cầu mục tiêu môn học. Vì vậy cần thực hiện giải pháp ứng dụng phần mềm ghi nhớ giúp học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Tiền Giang học tiếng Anh hiệu quả.

2. Ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki để giảng dạy tiếng Anh

2.1. Giới thiệu đôi nét về phần mềm ghi nhớ Anki

2.1.1. Anki là gì?

Anki là một phần mềm học tập dựa trên công nghệ thẻ nhớ (flashcards), giúp người dùng ghi nhớ thông tin hiệu quả hơn thông qua kỹ thuật lặp lại ngắt quãng (spaced repetition). Phần mềm này đặc biệt hữu ích cho việc học ngôn ngữ và nhiều lĩnh vực khác.

2.1.2. Các tính năng chính của Anki

(1) Lặp lại ngắt quãng: Anki sử dụng thuật toán để tự động sắp xếp các thẻ nhớ sao cho người học ôn lại chúng vào những khoảng thời gian tối ưu, giúp ghi nhớ lâu hơn.

(2) Tùy chỉnh thẻ nhớ: Người dùng có thể tạo các thẻ nhớ với nội dung đa dạng, bao gồm văn bản, hình ảnh, âm thanh và video.

(3) Cộng đồng chia sẻ: Anki có một thư viện lớn các bộ thẻ nhớ được chia sẻ bởi cộng đồng, cho phép người dùng tải xuống và sử dụng những bộ thẻ đã được tạo sẵn.

(4) Đa nền tảng: Anki có thể sử dụng trên nhiều thiết bị và hệ điều hành khác nhau như Windows, macOS, Linux, iOS và Android. Dữ liệu của người dùng có thể đồng bộ hóa giữa các thiết bị này.

(5) Hỗ trợ plug-in: Anki cho phép cài đặt các plug-in để mở rộng và tùy chỉnh các chức năng theo nhu cầu của người học.

2.1.3. Lợi ích của việc sử dụng Anki

(1) Tăng hiệu quả học tập: Kỹ thuật lặp lại ngắt quãng giúp tăng cường khả năng ghi nhớ và giảm thiểu việc quên lãng.

(2) Tiết kiệm thời gian: Người học có thể tập trung vào những thông tin cần ôn lại nhiều nhất, thay vì ôn tập toàn bộ nội dung.

(3) Linh hoạt và tùy chỉnh cao: Anki cho phép người dùng tạo ra các thẻ nhớ phù hợp với nhu cầu học tập cá nhân và sử dụng trên nhiều thiết bị khác nhau.

(4) Anki là một công cụ mạnh mẽ cho những ai muốn cải thiện kỹ năng ghi nhớ và học tập một cách hiệu quả.

2.2. Các giải pháp ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki để giảng dạy tiếng Anh

2.2.1. Giải pháp 1: Hướng dẫn học sinh, sinh viên ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki để học từ vựng hiệu quả

Bước 1: Hướng dẫn học sinh, sinh viên đăng ký tài khoản Anki miễn phí

Vào Google nhập địa chỉ: w5n.co/dknho

Vào giao diện Sign up: nhập email/password email và chọn *Sign up*

Kéo đến cuối trang chọn vào dòng *I have read the Terms & Conditions, and agree to be bound by them* và chọn *Continue*.

Vào email học sinh, sinh viên vừa đăng ký, chọn vô

mail AnkiWeb gửi đến, chọn Verify Email.

Bước 2: Hướng dẫn học sinh, sinh viên tải và cài đặt phần mềm ghi nhớ Anki trên điện thoại

Chọn biểu tượng CH Playtrên điện thoại Android hoặc App Store trên điện thoại iPhone

Nhập từ khoá *Anki* vào thanh tìm kiếm và chọn ứng dụng *AnkiDroid*, tiếp theo chọn *Cài đặt*.

Bước 3: Hướng dẫn học sinh, sinh viên phân tách từ vựng

Đối với từ vựng vừa được học trên lớp, giáo viên đã dạy từ, từ loại, nghĩa và phát âm, học sinh sinh viên dễ dàng phân tách từ vựng. Tuy nhiên, đối với những từ mới xuất hiện trong bài đọc, trong chủ đề nghe, nói, viết... học sinh, sinh viên nên thực hiện tra từ vựng để biết từ loại, nghĩa và phát âm của từ. Học sinh, sinh viên thực hiện phân tách từ như sau:

Vào địa chỉ dictionary.cambridge.org hoặc vào Google dịch, nhập từ vựng tiếng Anh cần tra cứu vào thanh tìm kiếm.

Chọn vào biểu tượng loa để nghe phát âm, nghe từ được đọc bao nhiêu âm thì tách từ thành bấy nhiêu phần.

Ví dụ: grandmother(n) bà → tách thành 3 phần **grand/ mo/ther**.

Chú ý những từ có âm đuôi nên tách thành 1 phần riêng.

Ví dụ: aunt(n) cô, dì → tách thành 2 phần: **aun/t**

Bước 4: Hướng dẫn học sinh, sinh viên tạo thẻ flashcard từ vựng trên ứng dụng Anki

Vào phần mềm Anki đã được cài đặt trên điện thoại
Chọn biểu tượng hình tròn màu xanh có dấu cộng ở chính giữa nằm ở vị trí góc phải bên dưới màn hình

Chọn *Tạo bộ thẻ*, đặt tên cho bộ thẻ flashcard là *Từ vựng Tiếng Anh*.

Chọn bộ thẻ *Từ vựng tiếng Anh*, chọn biểu tượng hình tròn có dấu cộng bên góc phải bên dưới màn hình, chọn *Thêm ghi chú*.

Tiếp đến, vào mục *Loại* chọn *Cloze*, sau đó vào mục *Vấn bản* dán những từ đã được phân tách vào.

Chọn từng đoạn của từ, phủ khối, xuất hiện thanh công cụ, chọn *Close deletion*, chọn tuần tự cho đến khi hết các phần từ đã được phân tách và từng từ trong nghĩa của từ. Thực hiện đến khi hết các từ cần học của một chủ đề.

Bước 5: Hướng dẫn học sinh, sinh viên học từ vựng bằng ứng dụng Anki

Vào bộ thẻ *Từ vựng Tiếng Anh*, chọn *Bắt đầu học*

Khi từ vựng xuất hiện, học sinh, sinh viên nhớ và nhắm lại phần khuyết của từ (viết ra giấy càng tốt)

Chọn *Hiện đáp án*

Chọn 1 trong 4 thẻ tự đánh giá gồm: *10 phút HỌC LẠI* nếu học sinh, sinh viên chưa nhớ chắc hoặc nhớ chưa đúng; *1 ngày KHÓ* nếu bạn thấy từ khó; *1 ngày*

1 ngày TỐT nếu bạn đã học tốt và *1 ngày DỄ* nếu bạn thấy đã nhớ từ dễ dàng.

Phần mềm sẽ chọn lọc và hiển thị lại từ mà nó thấy người học chưa thuộc để người học được ôn lại thường xuyên cho đến khi thuộc và nhớ từ mà không bị quá tải.

Ví dụ: thông thường nếu bạn tự đánh giá TỐT lần 1: 10 phút sau hỏi lại; TỐT lần 2: 1 ngày sau hỏi lại; TỐT lần 3: 4 ngày sau hỏi lại.

Từ việc ứng dụng phần mềm này để học từ vựng, học sinh, sinh viên mở rộng được vốn từ đáng kể, từ đó học sinh, sinh viên hứng thú học tập môn tiếng Anh, tự tin tham gia rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, từ đó nâng cao kết quả học tập môn học.

2.2.2 Giải pháp 2: Hướng dẫn học sinh, sinh viên ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki để học ngữ pháp

Vào phần mềm Anki, chọn biểu tượng hình tròn màu xanh có dấu cộng ở chính giữa nằm ở vị trí góc phải bên dưới màn hình.

Chọn *Tạo bộ thẻ flashcard*, đặt tên cho bộ thẻ là *Ngữ pháp tiếng Anh*.

Chọn bộ thẻ *Ngữ pháp tiếng Anh*, chọn biểu tượng hình tròn có dấu cộng bên góc phải bên dưới màn hình, chọn *Thêm ghi chú*.

Tiếp đến, vào mục *Loại* chọn *Cloze*, sau đó vào mục *Vấn bản* dán những điểm ngữ pháp cần ghi nhớ vào.

Chọn điểm ngữ pháp trọng tâm cần ghi nhớ trong câu, phủ khối, xuất hiện thanh công cụ, chọn *Close deletion*, chọn tuần tự cho đến khi hết các điểm ngữ pháp trọng tâm cần ghi nhớ. Thực hiện đến khi hết các điểm ngữ pháp cần học của 1 chủ đề.

Sau khi đã thiết kế các thẻ flashcard học ngữ pháp, học sinh, sinh viên học ngữ pháp theo các bước như học từ vựng.

3. Kết quả bước đầu khi ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki dạy tiếng Anh

Thứ nhất, ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki giúp học sinh, sinh viên có thể tự học từ vựng một cách tự nhiên, thường xuyên, không áp lực, không nặng nề nhưng lại ghi nhớ lâu và ngày càng mở rộng vốn từ. Phần mềm này đã tạo một không gian học tập từ vựng tiếng Anh vừa thoải mái, tiện lợi, miễn phí nhưng lại mang lại hiệu quả cao. Học sinh, sinh viên nắm chắc từ vựng, nhớ thật lâu, ngày càng mở rộng vốn từ.

Thứ hai, bằng việc ứng dụng phần mềm ghi nhớ giúp học sinh, sinh viên học ngữ pháp, giáo viên đã giúp học sinh, sinh viên tự tin vận dụng được từ vựng tiếng Anh đã học vào các cấu trúc câu để rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Kết quả mang lại là học sinh, sinh viên vận dụng tốt từ vựng vào các mẫu câu trong chương trình giảng dạy, rèn luyện tốt các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và đạt kết quả tốt môn học tiếng Anh theo chương trình do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định.

Hơn thế nữa, việc ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki đã mang đến cơ hội tự học tiếng Anh một cách thường xuyên, tiết kiệm thời gian, chi phí, từ đó tạo nền tảng cơ bản cho các em trao dồi, học tập tiếng Anh nâng cao phục vụ cho việc học tập và làm việc sau này.

Hiệu quả rõ rệt của giải pháp này là giúp các học sinh, sinh viên học tập đạt kết quả cao môn học tiếng Anh. Thực tế ứng dụng giải pháp này từ năm học 2022 – 2023 đến nay cho thấy kết quả học tập môn tiếng Anh đạt tỉ lệ học sinh, sinh viên hoàn thành môn học trên 95% so với số học sinh, sinh viên dự học. Ngoài ra, kết quả kiểm tra từ vựng tiếng Anh của học sinh, sinh viên trước khi áp dụng các giải pháp có từ 11,77% đến 61,54% học sinh, sinh viên/ lớp ghi nhớ chỉ 04/10 từ vựng, cấu trúc ngữ pháp/ chủ đề đã học; hầu như rất ít học sinh, sinh viên ghi nhớ 10/10 từ vựng, cấu trúc ngữ pháp/ chủ đề đã học. Tuy nhiên, kết quả kiểm tra đầu ra có 100% học sinh, sinh viên ghi nhớ trên 05/10 từ vựng, cấu trúc ngữ pháp/ chủ đề đã học, trong đó, đáng chú ý có hơn 50% học sinh, sinh viên ghi nhớ 10/10 từ vựng, cấu trúc ngữ pháp/chủ đề đã học.

4. Đề xuất ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki trong dạy tiếng Anh.

4.1. Đề xuất những nội dung cần lưu ý khi ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki trong dạy tiếng Anh

Thứ nhất, phần mềm Anki có thể sử dụng cả trên điện thoại và máy tính, tuy nhiên đối với học sinh, sinh viên, để tăng cường hiệu quả việc dùng phần mềm ghi nhớ Anki, học sinh, sinh viên nên cài và sử dụng phần mềm này trên điện thoại. Như vậy, các em sẽ tiện mang theo bên mình để nhận thông báo nhắc và thực hiện việc học tập từ vựng được tiện lợi mọi lúc, mọi nơi.

Thứ hai, để việc học từ vựng không bị quá tải, trung bình học sinh, sinh viên chỉ nên thực hiện thêm khoảng 5 đến 10 từ vựng một lần vào thẻ ghi chú trên phần mềm Anki, tuần thực hiện 2 đến 3 lần, tùy nhu cầu học từ vựng trên lớp cũng như của cá nhân học sinh, sinh viên.

Thứ ba, thay vì chỉ tạo các thẻ flashcard trên ứng dụng Anki để học từ vựng riêng lẻ, học sinh, sinh viên nên tạo thêm các thẻ học từ vựng kèm với câu minh họa để biết được cách dùng của từ trong câu, việc này càng góp phần cho việc nhớ từ vựng lâu hơn.

Thứ tư, khi tạo các thẻ flashcard học ngữ pháp, chỉ đưa 1 điểm ngữ pháp nhỏ vào 1 thẻ, ví dụ chỉ riêng học thì quá khứ đơn thì mỗi cách dùng sẽ được tạo thành 1 thẻ riêng, mỗi loại cấu trúc (khẳng định, phủ định, nghi vấn) là một thẻ riêng. Từ được chọn để ẩn và ghi nhớ phải là từ khóa của điểm ngữ pháp, không nên chọn cụm từ cần ghi nhớ quá dài sẽ làm học sinh, sinh viên có tâm lý khó nhớ dẫn đến ngại học. Đặc biệt chú ý đối với các thẻ ghi nhớ cấu trúc câu, nên đi kèm với ít nhất 1 thẻ ví dụ minh họa dạng bài tập.

Thứ năm, một kinh nghiệm khác trong quá trình học các thẻ từ vựng, ngữ pháp đã được tạo, học sinh, sinh viên không nên chỉ ngâm đáp án, nêu đáp án mà cần thiết phải viết ra đáp án. Tùy điều kiện, học sinh, sinh viên có thể chọn 1 trong 2 hình thức viết: viết thật như viết trên giấy, viết lên bảng... và viết giả như dùng ngón tay viết lên mặt bàn, lên lòng bàn tay... Việc vừa ngâm đáp án, vừa nêu đáp án và vừa viết đáp án sẽ giúp người học nhớ nhanh và nhớ lâu hơn là chỉ ngâm hoặc nêu đáp án mà không viết.

Thứ sáu, việc ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki để học tiếng Anh đòi hỏi phải kết hợp song song cả hai việc học từ vựng và học ngữ pháp, nếu không sẽ không đủ kiến thức để học sinh, sinh viên vận dụng vào rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Cần nhớ rằng, học một ngôn ngữ là để giao tiếp, nếu chỉ ghi nhớ được từ vựng hoặc ngữ pháp thì không đủ điều kiện để người học rèn luyện, hình thành kỹ năng giao tiếp.

Thứ bảy, ngoài việc sử dụng phần mềm ghi nhớ Anki để học từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh học sinh, sinh viên cũng có thể sử dụng phần mềm này để học các khối kiến thức lý thuyết, công thức... của các môn học, môn khác. Phần mềm này không chỉ áp dụng cho học sinh, sinh viên mà còn có thể áp dụng cho người đi làm có nhu cầu học tập hoặc ghi nhớ công việc, ghi nhớ văn bản...

Ngoài ra, một vấn đề cần lưu ý là giáo viên cần thực hiện thăm dò ý kiến học sinh, sinh viên sau khi ứng dụng các giải pháp hoặc sau khi kết thúc môn học để thông qua các ý kiến đóng góp của học sinh, sinh viên, có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp hơn cho các lớp dạy tiếp theo.

4.2. Đề xuất áp dụng các giải pháp

Các giải pháp này có thể áp dụng cho tất cả các giảng viên dạy tiếng Anh khác trong các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp có giảng dạy môn Tiếng Anh với những hướng dẫn, cách thực hiện mà người viết đã mô tả trong bài báo. Việc thực hiện đơn giản, tiết kiệm nhưng mang lại hiệu quả cao, mở ra một cơ hội thiết thực cho việc học từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh cũng như các kiến thức khác của học sinh, sinh viên.

Bên cạnh việc ứng dụng sáng kiến này trong giảng dạy từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh, có thể tận dụng giải pháp ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki cho các môn học khác có kiến thức lý thuyết, công thức, cấu trúc... đều mang đến kết quả dễ học mà lại nhớ rất lâu.

KẾT LUẬN

Trong báo cáo khoa học của mình, người viết đã trình bày 4 nội dung chính gồm: (1) Đặc điểm, hiện trạng của việc giảng dạy tiếng Anh của trường Cao đẳng Tiền Giang; (2) Ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki để giảng dạy tiếng Anh; (3) Kết quả bước đầu khi ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki dạy tiếng Anh; (4) Đề xuất ứng dụng phần mềm ghi nhớ Anki trong dạy tiếng Anh.

Nội dung trình bày trong báo cáo khoa học này được người viết khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn những năm qua để đề xuất giải pháp ứng dụng phần mềm ghi nhớ giúp học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Tiền Giang học tiếng ngày một hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://fptshop.com.vn/tin-tuc/giai-tri/tai-an-ki-170892>.

2. <https://youtu.be/miPN5kIyHnE?si=0KjISXeEJjv-jpoV0>.

3. https://youtu.be/ahbZYmcWl7c?si=b8_t2jMsX-DUj7LZX.



ỨNG DỤNG PHẦN MỀM GOOGLE SITES THIẾT KẾ TRANG WEB HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10

Lê Minh Khoa

Giảng viên Khoa Cơ bản

Email: leminhkhoa2909@gmail.com

TÓM TẮT

Sáng kiến kinh nghiệm này tập trung vào việc ứng dụng phần mềm Google Sites để thiết kế một trang web học tập toàn diện cho môn Địa lí 10. Trang web này được xây dựng nhằm mục đích khắc phục những hạn chế của phương pháp dạy học truyền thống, đồng thời tận dụng lợi thế của công nghệ thông tin để tạo ra một môi trường học tập tương tác, sinh động và hiệu quả. Thông qua việc tích hợp đa dạng các tài liệu học tập, bài giảng điện tử, bài tập tương tác, trò chơi giáo dục và các công cụ hỗ trợ học tập khác, trang web này đã chứng minh được tính hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng dạy và học môn Địa lí 10.

Từ khóa: Google Sites, trang web học tập, Địa lí 10, đổi mới phương pháp dạy học, công nghệ thông tin trong giáo dục

MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh hiện nay, việc đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục

là một yêu cầu cấp thiết. Môn Địa lí 10, với đặc thù là khối lượng kiến thức lớn, trừu tượng và đòi hỏi khả năng tư duy không gian, đặc biệt cần có sự đổi mới để tăng tính hấp dẫn, kích thích sự sáng tạo và nâng cao hiệu quả học tập của học sinh. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy môn học này vẫn còn nhiều hạn chế như:

- Phương pháp dạy học chủ yếu là truyền thống, ít tạo cơ hội cho học sinh tương tác và thực hành.

- Tài liệu học tập còn hạn chế, chủ yếu là sách giáo khoa, thiếu sự đa dạng và phong phú.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa hiệu quả, chưa khai thác hết tiềm năng của các công cụ hỗ trợ học tập.

Từ những hạn chế trên, việc ứng dụng Google Sites – một công cụ miễn phí, dễ sử dụng và có nhiều ưu điểm trong thiết kế trang web học tập – được xem là một giải pháp tiềm năng để đổi mới phương pháp dạy và học môn Địa lí 10.

NỘI DUNG

1. Mục đích nghiên cứu

Sáng kiến kinh nghiệm này được thực hiện với mục đích:

- Chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn về cách sử dụng Google Sites để thiết kế trang web học tập Địa lí 10 hiệu quả.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, chuyển từ phương pháp truyền thống sang phương pháp lấy học sinh làm trung tâm.

- Nâng cao chất lượng dạy và học môn Địa lí 10 thông qua việc cung cấp đa dạng các tài liệu học tập, bài giảng điện tử, bài tập tương tác...

- Phát triển năng lực tự học và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho học sinh.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Học sinh lớp 10 tại Trường Cao đẳng Tiền Giang.

Phạm vi nghiên cứu: Tập trung vào việc ứng dụng Google Sites để thiết kế trang web học tập môn Địa lí 10, bao gồm các nội dung như thiết kế giao diện, xây dựng nội dung, tích hợp các công cụ hỗ trợ học tập và đánh giá hiệu quả sử dụng.

3. Cơ sở lý luận

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lí 10 dựa trên các nguyên tắc giáo dục như:

- Đảm bảo tính khoa học và tính vừa sức: Nội dung trên trang web được thiết kế khoa học, logic, phù hợp với trình độ và khả năng của học sinh.

- Đảm bảo tính hệ thống và tính thực tiễn: Kiến thức được trình bày một cách có hệ thống, liên kết với thực tế cuộc sống, giúp học sinh dễ dàng tiếp thu và vận dụng.

- Đảm bảo tính giáo dục: Trang web không chỉ cung cấp kiến thức mà còn giáo dục các giá trị, kỹ năng sống cho học sinh.

Đảm bảo tính tự lực và phát triển tư duy: Trang web khuyến khích học sinh tự khám phá, tìm tòi, sáng tạo và phát triển tư duy độc lập.

4. Thực trạng dạy và học Địa lí 10

Thực trạng dạy và học Địa lí 10 tại trường Cao đẳng Tiền Giang còn tồn tại nhiều hạn chế:

- Phương pháp dạy học chủ yếu là truyền thống, ít sử dụng các phương pháp tích cực, học sinh còn thụ động trong quá trình học tập.
- Tài liệu học tập còn hạn chế, chủ yếu là sách giáo khoa, chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng của các công cụ hỗ trợ học tập.

5. Giải pháp ứng dụng Google Sites

- Giới thiệu Google Sites: Là một công cụ miễn phí của Google, cho phép người dùng tạo trang web dễ dàng mà không cần kiến thức về lập trình.
- Ưu điểm của Google Sites: Dễ sử dụng, giao diện trực quan, nhiều mẫu giao diện có sẵn, tích hợp với các dịch vụ khác của Google (Drive, YouTube, Docs...), cho phép chia sẻ và cộng tác dễ dàng.

Các bước thiết kế trang web:

- Lập kế hoạch: Xác định mục tiêu, đối tượng, nội dung và cấu trúc của trang web.
- Thiết kế giao diện: Chọn mẫu giao diện phù hợp, tùy chỉnh màu sắc, phông chữ, hình ảnh...
- Xây dựng nội dung: Tạo các trang con, thêm văn bản, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, tài liệu học tập, bài tập tương tác, trò chơi giáo dục...
- Tích hợp các công cụ hỗ trợ: Thêm lịch, biểu mẫu, bản đồ, khảo sát trực tuyến...
- Xuất bản và chia sẻ trang web: Kiểm tra và chỉnh sửa nội dung, sau đó xuất bản trang web để mọi người có thể truy cập.

6. Kết quả đạt được

Giáo viên:

- Tiết kiệm thời gian soạn giảng, chấm bài.
- Dễ dàng quản lý và cập nhật tài liệu học tập.
- Tăng cường tương tác với học sinh thông qua các công cụ trực tuyến.
- Nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Học sinh:

- Tiếp cận tài liệu học tập đa dạng, phong phú.
- Học tập mọi lúc, mọi nơi thông qua các thiết bị có kết nối internet.
- Tăng cường tính tự học, chủ động và sáng tạo trong học tập.
- Cải thiện kết quả học tập.

KẾT LUẬN

Sáng kiến kinh nghiệm “Ứng dụng Google Sites thiết kế trang web học tập Địa lí 10” đã chứng minh tính khả thi và hiệu quả trong việc đổi mới phương pháp dạy và học. Việc sử dụng công cụ này không chỉ giúp nâng

cao chất lượng dạy và học mà còn góp phần phát triển năng lực tự học, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho học sinh, đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện đại.

Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tốt nhất, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên, học sinh và nhà trường. Giáo viên cần đầu tư thời gian và công sức để xây dựng nội dung chất lượng, cập nhật thông tin thường xuyên và hướng dẫn học sinh sử dụng trang web hiệu quả. Học sinh cần tích cực tham gia vào các hoạt động trên trang web, tự giác học tập và phản hồi ý kiến đóng góp để giáo viên cải thiện chất lượng trang web.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT, Sách giáo khoa Địa lí 10 - Chân trời sáng tạo, NXB Giáo Dục.
2. Trần Thị Ngọc Ánh - Phạm Chiến Trường (2022), Đề xuất quy trình ứng dụng Google Sites xây dựng hồ sơ học tập điện tử trong dạy học, Trường Đại học Sư Phạm, Đại học Huế
3. <https://sites.google.com/>



SỬ DỤNG PHẦN MỀM MÔ PHÒNG CAdE_SIMU *trong giảng dạy mô đun* **TRANG BỊ ĐIỆN**

Văn Bá Cường

Trưởng Khoa Điện - Điện tử

Email: cuongvb@tgc.edu.vn

TÓM TẮT

Bài viết này trình bày các nội dung liên quan đến việc sử dụng phần mềm thiết kế và mô phỏng mạch điện CAdE_SIMU trong giảng dạy các mô đun Trang bị điện trong các chương trình đào tạo thuộc khoa Điện - Điện tử. Bằng phương pháp nghiên cứu sử dụng phần mềm kết hợp với kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy, người viết trình bày các lợi ích khi sử dụng phần mô phỏng và đề xuất triển khai áp dụng trong giảng dạy các mô đun Trang bị điện. Mục tiêu hướng đến của đề xuất là tạo cho người học thấy hứng thú trong học tập, dễ dàng tiếp cận các nội dung kiến thức và kỹ năng thực hành của bài học, kích thích khả năng tư duy sáng tạo.

Từ khóa: sử dụng phần mềm CAdE_SIMU

MỞ ĐẦU

Phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao trực tiếp tham gia sản xuất, thích ứng với quá trình hội nhập quốc tế và những đòi hỏi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Trường Cao đẳng Tiền Giang đã có những bước phát triển cả về quy mô, chất lượng đào tạo, người học sau tốt nghiệp từng bước đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, cũng còn nhiều thách thức đặt ra, nhất là sự phát triển của công nghệ số đòi hỏi cơ sở GDNN phải thay đổi về phương thức giảng dạy, học tập và quản lý.

Chuyển đổi số trong GDNN, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học, phương pháp dạy học là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập. Trong đào tạo các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, các phần mềm mô phỏng hỗ trợ rất tốt cho công tác giảng dạy của giảng viên cũng như trong học tập của học sinh sinh viên (HSSV). Sử dụng các phần mềm mô phỏng trong giảng dạy giúp cho HSSV dễ tiếp cận các nội dung kiến thức; thuận lợi trong việc tự học, tự rèn luyện kỹ năng; nâng cao trải nghiệm của HSSV và giảng viên; góp phần giảm chi phí đầu tư cho thiết bị và vật tư giảng dạy.

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, thực trạng việc giảng dạy các mô đun Trang bị điện

Các mô đun Trang bị điện (bao gồm Trang bị điện 1, Trang bị điện 2, Trang bị điện cơ bản) có trong chương trình đào tạo các nghề như: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử, Các mô đun này cung cấp cho HSSV các kiến thức và kỹ năng về thiết kế, lắp đặt hệ thống trang bị điện cho các máy sản xuất. Đây là mô đun chuyên ngành và được sử dụng rất nhiều trong thực tế, HSSV sau khi hoàn thành mô đun này có khả năng thiết kế, lắp đặt được mạch trang bị điện cơ bản cho các máy sản xuất. Về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy các mô đun này, nhà trường có hai phòng thực hành (phòng thực hành Trang bị điện 1 và Trang bị điện 2) cơ bản đáp ứng tốt công nhu cầu giảng dạy và học tập.

Về phương thức giảng dạy các mô đun này, phần lớn giảng viên thường thực theo trình tự như sau: hướng dẫn HSSV tìm hiểu sơ đồ mạch điện, tìm hiểu các trang bị điện có trong mạch, tìm hiểu nguyên lý hoạt động của mạch điện. Sau đó, giảng viên hướng dẫn HSSV thực hành trực tiếp trên mô hình thực hành, HSSV thực hiện đấu dây trên mô hình thực hành theo từng bước trong bảng quy trình thực hiện và theo hướng dẫn của giảng viên. Ngoài ra, giảng viên cũng có thể đặt ra các yêu cầu kỹ thuật (bài tập tương tự) để HSSV thiết kế mạch điện. với cách giảng dạy này, giảng viên truyền đạt được đầy đủ các nội dung kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành của bài học cho HSSV; giảng viên

hoàn thành được nội dung giảng dạy theo thời gian được phân bổ; HSSV hình thành được kỹ năng lắp mạch điện theo mục tiêu của bài học đặt ra (do thao tác lắp mạch điện được thực hiện trực tiếp trên các thiết bị, dụng cụ thật).

Tuy nhiên, phương pháp giảng dạy này có các hạn chế như sau:

- Đa số HSSV khó tiếp thu được nội dung lý thuyết như: đọc sơ đồ mạch điện, phân tích nguyên lý làm việc của mạch điện do HSSV không nắm vững các kiến thức cơ sở có liên quan.

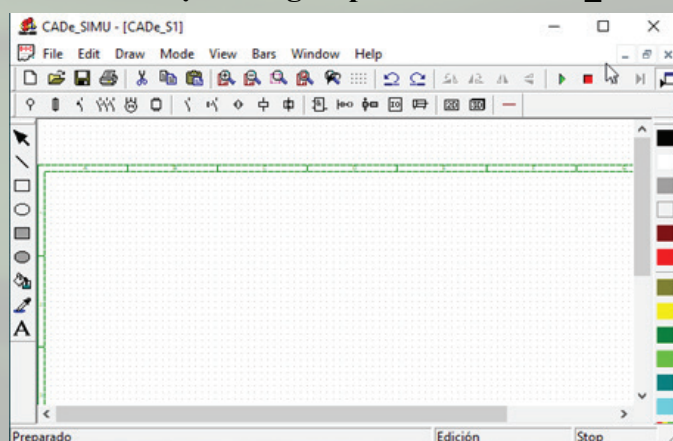
- Không rèn luyện được khả năng tư duy, suy nghĩ, khả năng liên kết các kiến thức đã học lại với nhau để thực hiện thiết kế mạch điện. Mặt khác, không có phương tiện, công cụ hỗ trợ để HSSV kiểm tra mạch điện của mình thiết kế có hoạt động đúng theo yêu cầu kỹ thuật không.

- Về thực hành, HSSV có thể chỉ lắp được mạch điện đúng theo sơ đồ đã được học, chưa có khả năng kiểm tra, xác định các hư hỏng của mạch điện (do chưa hiểu rõ nguyên lý làm việc của các thiết bị điện, khí cụ điện có trong mạch); có thể dẫn đến hư hỏng thiết bị khi kỹ năng đọc sơ đồ mạch điện, kỹ năng đấu dây theo sơ đồ mạch điện của HSSV chưa tốt (xác định các vị trí đấu dây trên thiết bị thật không đúng theo sơ đồ mạch điện).

- Về chi phí đào tạo: do thời gian thực hành trực tiếp trên mô hình, thiết bị nhiều nên cần nhiều vật tư, thiết bị (thay thế khi xảy ra hư hỏng), dẫn đến chi phí đào tạo cao.

2. Giải pháp đã áp dụng

2.1. Giới thiệu chung về phần mềm CADe_SIMU



Hình 1: Giao diện phần mềm CADe_SIMU

Phần mềm CADe_SIMU là một phần mềm vẽ mạch điện và mô phỏng mạch điện miễn phí, được sử dụng để thiết kế, biên soạn và thiết lập các mô hình điện và mô hình hệ thống. Nó cung cấp các tính năng và công cụ hỗ trợ thiết kế như các thanh công cụ và điều khiển, các thiết lập điện công suất, điều khiển động cơ và điều khiển bộ điều khiển. Nó còn có các tính năng về phân tích và tính toán như: tính toán động cơ, điện

công suất và tính toán tín hiệu điện. Ngoài ra, phần mềm còn cung cấp các tính năng chuyên nghiệp hơn như thiết kế mô hình, soạn thảo và thiết lập giao diện người dùng và tạo ra các tài liệu vẽ điện.

Phần mềm giúp người học dễ dàng sử dụng và tạo ra các sơ đồ điện, hệ thống điện để thể hiện những ý tưởng của người học. Người học có thể tạo ra các sơ đồ điện từ các đối tượng cơ bản như các hình chữ nhật, tròn, tam giác, cũng có thể tạo ra các đối tượng phức tạp hơn như các đường cong, các đường thẳng, các đường zigzag và nhiều hơn thế nữa. Người học cũng có thể tạo ra các mẫu để thể hiện các ý tưởng của mình.

Qua nhiều phiên bản, hiện nay CADe_SIMU V4.0 đã được hỗ trợ rất nhiều, đa dạng hơn với các trạng thái 2D, 3D. Chương trình ở chế độ mô phỏng sẽ hiển thị trạng thái của từng thành phần điện khi nó được kích hoạt, cũng như làm nổi bật các dây dẫn điện khi có dòng điện chạy qua.

Những tính năng cơ bản của phần mềm CADe_SIMU:

- Phần mềm cung cấp các chức năng tiện lợi khi vẽ sơ đồ mạch điện công nghiệp.

- Hỗ trợ đầy đủ các thiết bị công nghiệp như: CB, Relay, MCCB, Wire, Contactor, Aptomat...

- Phần mềm rất hữu ích đối với HSSV khi bắt đầu tiếp cận với việc thiết kế, vẽ các mạch trang bị điện và kiểm tra kết quả thiết kế (bằng cách chạy trình mô phỏng). Phù hợp cho việc chạy mô phỏng mạch điện công nghiệp khi điều kiện về thiết bị chưa đáp ứng đủ, chi phí mua vật tư giảng dạy hạn hẹp.

- Là phần mềm gọn nhẹ, có thể chạy trực tiếp mà không cần cài đặt, dễ sử dụng.

- Phần mềm giúp cho giảng viên và HSSV thực hiện thiết kế, vẽ sơ đồ mạch điện điều khiển trong công nghiệp khá dễ dàng, thực hiện mô phỏng để kiểm tra kết quả hoạt động của mạch cùng như kiểm tra trạng thái làm việc của các thiết bị điện.

Với phiên bản 4.0, CADe_SIMU có thể sử dụng trong các lĩnh vực:

- Về điện công nghiệp: CADe_SIMU hỗ trợ hầu như toàn bộ các kí hiệu của các loại khí cụ điện, với môn Trang bị điện chúng ta hoàn toàn có thể thiết kế mà mô phỏng hệ thống trên CADe_SIMU một cách dễ dàng, rất trực quan và thực tế.

- Về điện tử: có thể thiết kế các mạch số, mạch chuyển đổi công suất, điều khiển

động cơ, lập trình điều khiển bằng vi điều khiển Arduino.

- Về Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa: CADe_SIMU hỗ trợ lập trình điều khiển thiết bị tự động như: PLC, PLC-Logo, PLC-Zen. Ngoài ra, có thể kết hợp với phần mềm PC_SIMU để thiết kế và mô phỏng hệ thống điều khiển tự động một cách trực quan.

2.2. Áp dụng giải pháp vào giảng dạy

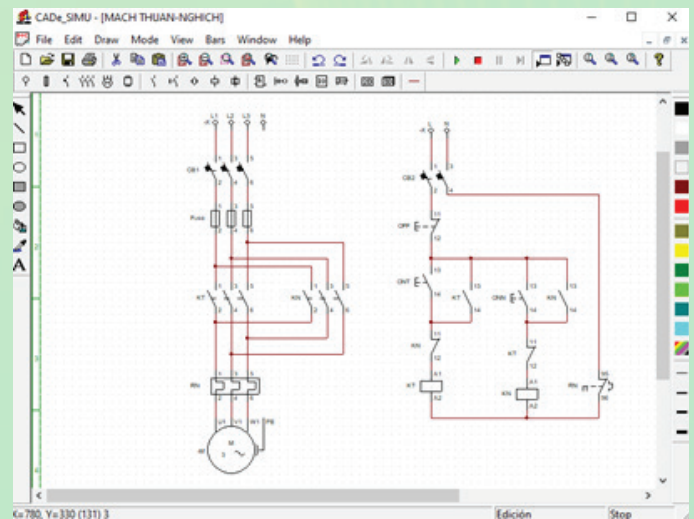
Đối với dạy lý thuyết cơ sở

Trong giảng dạy lý thuyết, giảng viên sử dụng trình mô phỏng của phần mềm CADe_SIMU để hướng dẫn HSSV tìm hiểu nguyên lý làm việc của mạch điện, trực quan được trạng thái đóng - ngắt của các thiết bị điện, kiểm tra tìm ra được lỗi trong thiết kế mạch điện.

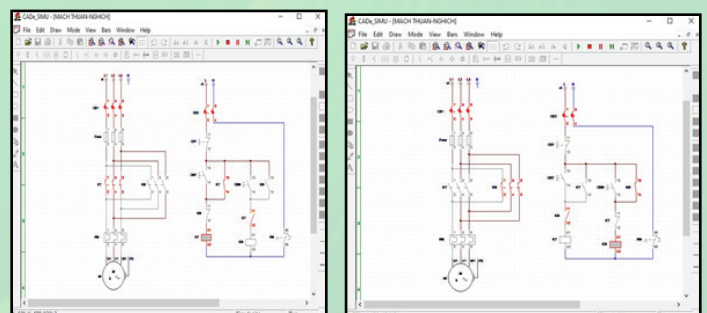
Ví dụ: hướng dẫn HSSV tìm hiểu nguyên lý hoạt động của mạch đảo chiều quay gián tiếp động cơ không đồng bộ ba pha.

Sơ đồ mạch động lực và mạch điều khiển hoàn chỉnh sau khi nhập vào phần mềm như trên hình H2.

Giảng viên hướng dẫn HSSV tìm hiểu nguyên lý hoạt động của mạch điện, nhận diện được trạng thái hoạt động của các thiết bị điện có trên sơ đồ mạch điện (các thiết bị được tác động sẽ có màu đỏ). Trạng thái làm việc của mạch điện điều khiển động cơ quay theo chiều thuận và chiều nghịch lần lượt như trên hình H3 và hình H4, khi relay nhiệt tác động như trên hình H5.

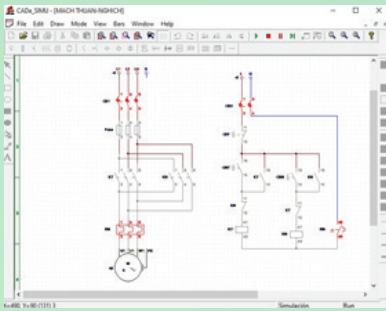


Hình 2: Mạch điều khiển đảo chiều quay trên cửa sổ làm việc của phần mềm

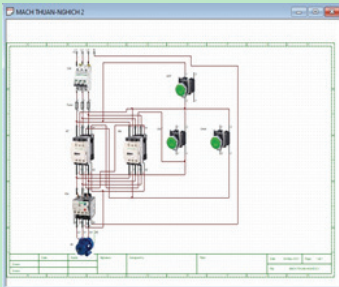


Hình 3: Trạng thái làm việc của mạch điện điều khiển động cơ qua chiều thuận
Hình 4: Trạng thái làm việc của mạch điện điều khiển động cơ qua chiều nghịch

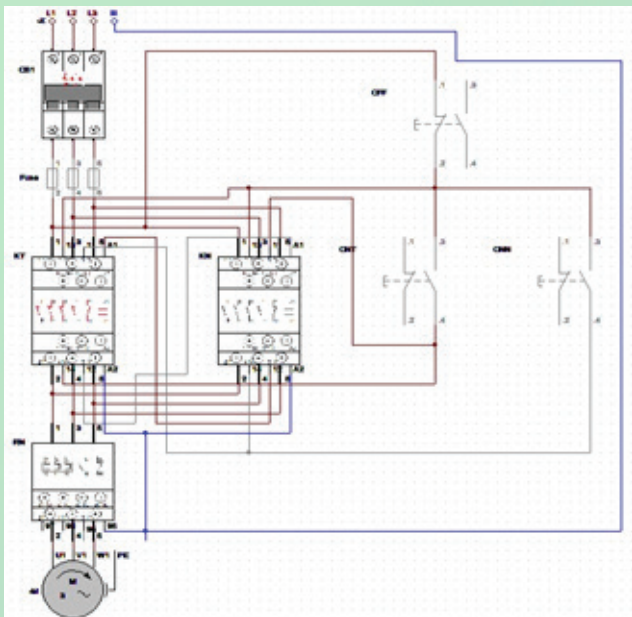
Để giải thích về trường hợp động cơ bị quá tải, relay nhiệt tác động để dừng động cơ, giảng viên chỉ cần click con trỏ vào phần tử relay nhiệt (RN) trên sơ đồ mạch điện, HSSV sẽ nhìn thấy được trạng thái tác động cắt mạch điện của relay nhiệt như trên hình 5.



Hình 5: Trạng thái làm việc của mạch điện khi RN tác động



Hình 6: Mạch điện được vẽ dưới dạng 3D



Hình 7: Mạch điện đang hoạt động ở chế độ hiển thị trạng thái làm việc của các tiếp điểm

3. Kết quả đang mang lại

Việc áp dụng các phần mềm mô phỏng như CADE_SIMU vào quá trình giảng dạy mang lại hiệu quả tích cực cho giảng viên và người học như sau:

Đối với HSSV:

- Thực hành mô phỏng trên môi trường 3D giúp cho HSSV hiểu rõ hơn về các quy trình và thiết bị trong nghề một cách thực tế. Từ đó, HSSV tiếp cận nhanh được các nội dung về kiến thức, dễ tiếp thu được các kiến thức về nguyên lý hoạt động của mạch điện, cơ chế làm việc của các thiết bị điện có trong sơ đồ mạch điện; rèn luyện được kỹ năng đấu dây mạch điện theo sơ đồ nguyên lý, kỹ năng kiểm tra chẩn đoán các hư hỏng trong mạch điện.

Đối với dạy thực hành:

Trong dạy thực hành, giảng viên hướng dẫn HSSV sử dụng công cụ 3D để đấu dây mạch điện theo sơ đồ nguyên lý đã thiết kế như trên hình H6. HSSV vẫn xem được trạng thái làm việc của các thiết bị điện dưới dạng 2D như trên hình H7 (màu đỏ cho biết thiết bị đang hoạt động).

- Tăng tính tương tác trong lớp học: giảng viên và sinh viên tương tác trực tiếp với các mô hình và các kỹ thuật điều khiển tự động thông qua các giao diện đồ họa trực quan. Điều này giúp tăng tính tương tác trong lớp học, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các khái niệm và kỹ thuật trong lĩnh vực: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

- Nâng cao kỹ năng về phân tích và thiết kế hệ thống: Điện, Điện tử, Điều khiển tự động; giúp HSSV có cơ hội phát triển kỹ năng phân tích và thiết kế hệ thống điều khiển tự động.

- Sử dụng phần mềm CADE_SIMU trong giảng dạy cho phép HSSV kiểm tra tính tương thích và độ tin cậy của mạch điện điều khiển trước khi triển khai lắp đặt trên thiết bị thật.

- Tăng cường hiệu suất học tập: HSSV có thể thực hành bất cứ khi nào cần thiết mà không cần phải vào phòng thực hành của nhà trường (sử dụng máy tính cá nhân).

- Thúc đẩy sự sáng tạo: môi trường mô phỏng cho phép HSSV thử nghiệm các ý tưởng mới (không gây ra sự cố, hư hỏng thiết bị) và tìm được giải pháp sáng tạo cho các vấn đề trong nghề.

Đối với giảng viên: xây dựng được nội dung bài giảng sinh động, khai thác được tối đa thiết bị nhằm giúp HSSV đạt được những kỹ năng cốt lõi của bài học.

Đối với nhà trường: giảm được chi phí vật tư giảng dạy, chi phí sửa chữa thiết bị (do HSSV hình thành được kỹ năng đấu dây mạch điện trên phần mềm nên khi thực hiện lắp mạch điện thực tế thì ít xảy ra sai sót dẫn đến hư hỏng thiết bị).

4. Đề xuất triển khai áp dụng

- Về việc áp dụng vào giảng dạy: với sự hỗ trợ khá đa dạng các lĩnh vực của CADE_SIMU và sự đơn giản, dễ tiếp cận; với các ưu điểm như trên có thể thấy việc triển khai áp dụng phần mềm CADE_SIMU, phần mềm PC_SIMU vào trong giảng dạy sẽ mang lại nhiều lợi ích cho giảng viên và HSSV trong các lĩnh vực Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, nhất là áp dụng vào giảng dạy các mô đun Trang bị điện.

- Về đội ngũ giảng viên: tích cực nghiên cứu, sử dụng các phần mềm trên để áp dụng vào trong giảng dạy, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo nghề, giúp giảm thiểu chi phí vật, tư thiết bị thực hành, đảm bảo an toàn trong quá trình thực hành.

- Về cơ sở vật chất: nhà trường chỉ cần đầu tư thêm một phòng thực hành mô phỏng với khoảng 20 máy tính.

KẾT LUẬN

Trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ 4, với yêu cầu chuyển đổi số mạnh mẽ thì việc áp dụng các

thành tựu khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin vào trong công tác giảng dạy (nhất là trong GDNN) là rất cần thiết. Phần mềm thiết kế và mô phỏng mạch điện công nghiệp CADe_SIMU và phần mềm mô phỏng trực quan PC_SIMU được áp dụng trong giảng dạy các mô đun Trang bị điện không những làm cho HSSV thấy thú vị, tư duy sáng tạo hơn vì tính trực quan sinh động của nó mà còn mang tính thực tế, không còn thuần túy mang tính hàn lâm, đặc biệt là trong môi trường giáo dục nghề nghiệp. Sử dụng phần mềm mô phỏng trong giảng dạy và học tập còn giúp cho HSSV dễ dàng tiếp cận nội dung kiến thức, kỹ năng thực hành, HSSV có thể tự rèn luyện kỹ năng mà không cần phải thực hiện tại phòng thực hành. Ngoài ra, việc áp dụng phần mềm CADe_SIMU trong dạy thực hành nghề còn mang lại nhiều lợi ích về mặt an toàn, tiết kiệm được chi phí đào tạo, bảo đảm và nâng cao được chất lượng đào tạo, HSSV dễ tiếp cận với môi trường lao động hiện đại.

Với các lợi ích của việc áp dụng phần mềm mô phỏng trong giảng dạy như trình bày ở trên; với tính gọn, nhẹ, dễ sử dụng; đặc biệt là phần mềm miễn phí nên không khó để áp dụng các phần mềm này vào trong giảng dạy các mô đun Trang bị điện cũng như các mô đun khác có tích hợp trong phần mềm như: PLC, Logo, Vi điều khiển, Điện - khí nén,....

Đề tạo điều kiện cho HSSV tiếp cận được môi trường học tập hiện đại, nhất là trong thời kỳ chuyển đổi số mạnh mẽ, toàn diện cũng như giảm thiểu được chi phí đào tạo trong xu hướng nhà trường phải thực hiện tự chủ kinh phí hoạt động, đề nghị Ban giám hiệu Nhà trường cho phép khoa Điện - Điện tử triển khai áp dụng trong giảng dạy các mô đun Trang bị điện trong các chương trình đào tạo do khoa đảm trách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Thành Sung - CADe_SIMU phần mềm ứng dụng đa năng trong giảng dạy - Nội san số 12/2022 Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thùy Dung - Tài liệu học tập Vẽ thiết kế điện - Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp.
- Trang web cade-simu.com.
- Trang web software.realteq.edu.vn/2021/09/phan-mem-pc-simu.html.



CẢI TIẾN, MỞ RỘNG CÁC MÔ ĐUN ỨNG DỤNG TRÊN MÔ HÌNH THỰC HÀNH VI ĐIỀU KHIỂN



Trần Hoàng Phúc
Giảng viên Khoa Điện - Điện tử
Email: thphuc31@gmail.com

Nguyễn Hữu Tuyên
Phó Trưởng Khoa Điện - Điện tử
Email: tuyennh@tvc.edu.vn

TÓM TẮT

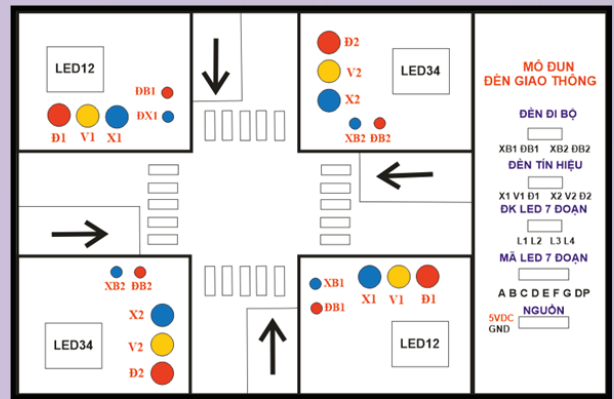
Trong bài viết này nhóm tác giả thực hiện cải tiến mô hình thực hành Vi điều khiển đã được trang bị trước đây tại Phòng thực hành Logo và Vi điều khiển nhưng do quá trình đổi mới của công nghệ và để phù hợp với các ứng dụng thực tế của Vi điều khiển hiện nay. Trong quá trình giảng dạy thực tiễn nhóm tác giả đã xây dựng một số ứng dụng thực tế kết hợp với các mô hình hiện có được trang bị tại phòng thực hành nhằm đáp ứng được nhu cầu giảng dạy cũng như từng bước nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy mô đun Vi điều khiển tại Trường Cao đẳng Tiền Giang.

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, thực trạng vấn đề giảng dạy thực hành mô đun Vi điều khiển

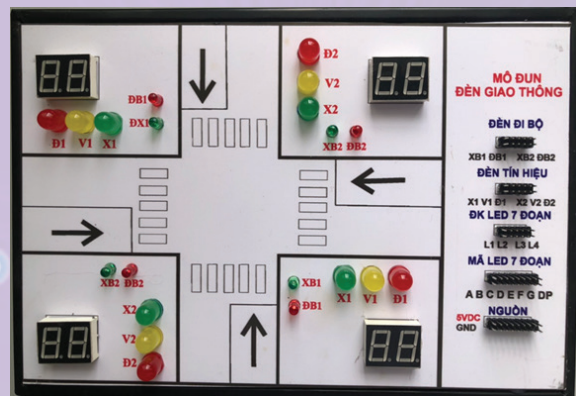
Hiện nay, công tác giảng dạy mô đun Vi điều khiển tại các lớp thuộc khoa Điện - Điện tử cơ bản đáp ứng được mục tiêu đào tạo đề ra, đội ngũ giảng viên được phân công giảng dạy có chuyên môn sâu, vững tay nghề và có nghiệp vụ sư phạm tốt; mô hình, thiết bị phục vụ giảng dạy cho mô đun cũng được lãnh đạo khoa quan tâm đề xuất mua sắm.

Bản vẽ thiết kế mô đun trên phần mềm CorelDraw:



Hình 2. Bản vẽ mô đun đèn giao thông trên phần mềm CorelDraw

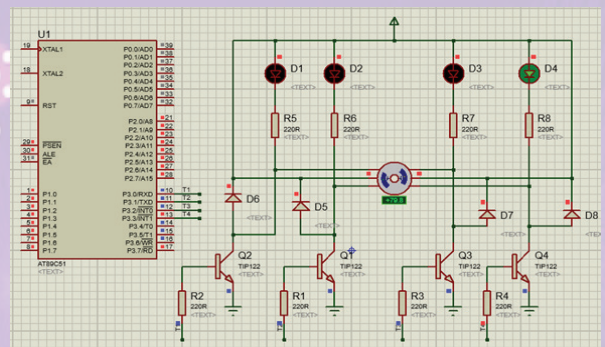
Sản phẩm mô đun hệ thống tín hiệu đèn giao thông thực tế:



Hình 3. Mô đun đèn giao thông

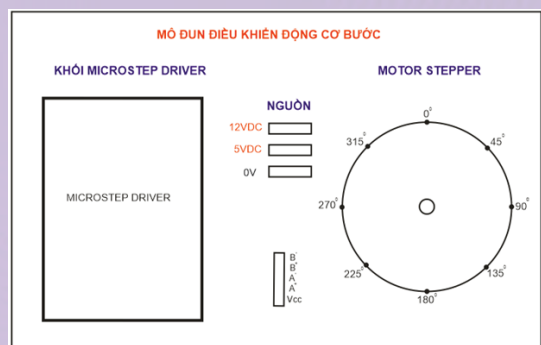
Mô đun điều khiển động cơ bước (Motor Stepper)

Sơ đồ mô phỏng:



Hình 4. Mạch mô phỏng điều khiển động cơ bước

Bản vẽ thiết kế mô đun trên phần mềm CorelDraw:



Hình 5. Bản vẽ mô đun điều khiển động cơ bước trên phần mềm CorelDraw

Tuy nhiên, qua trực tiếp thực hiện công tác giảng dạy và khảo sát tính hiệu quả giảng dạy mô đun Vi điều khiển trong các năm qua, nhóm tác giả nhận thấy thực trạng giảng dạy mô đun Vi điều khiển vẫn còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Các mô hình thực hành vi điều khiển được trang bị tại phòng thực hành vi điều khiển vẫn còn thiếu các ứng dụng sát với thực tế, thiếu tính thu hút khả năng tìm tòi học hỏi của HSSV, chưa đảm bảo đầy đủ tính năng thực hành so với chương trình đào tạo đặt ra.

- Hiệu quả giảng dạy chưa cao do trong quá trình thực hành HSSV chủ yếu được rèn luyện về mặt kỹ năng lập trình điều khiển trên máy tính và qua sát ngõ ra trên vi điều khiển thông qua các led là chính.

- Việc đánh giá kết quả sản phẩm của HSSV chủ yếu dựa trên kết quả mô phỏng trên phần mềm proteus (do các mô hình chưa có các mô đun ứng dụng thực tế). Điều này sẽ dẫn đến việc hạn chế về kỹ năng đo kiểm, đấu nối mạch điện tử thực tế.

- Các bài tập thực hành được triển khai rèn luyện còn ở dạng cơ bản, giảng viên khó mở rộng các bài tập nâng cao do mô hình đã cũ chưa có tích hợp nhiều các mô đun ứng dụng...điều này sẽ gây hạn chế về chuyên môn cho các học sinh, sinh viên sau khi ra trường, tiếp cận công nghệ mới vào thực tế sản xuất ở doanh nghiệp.

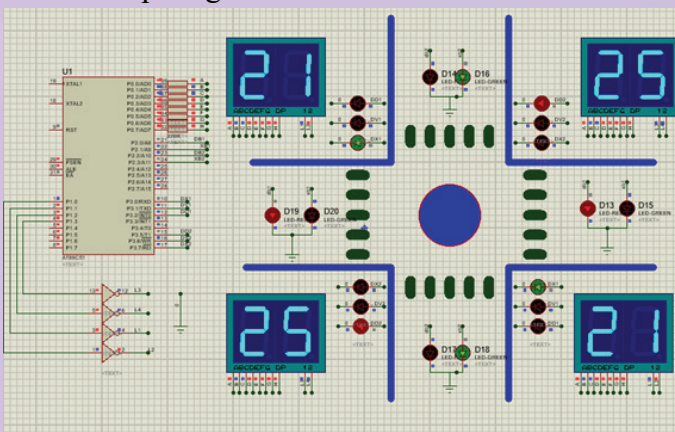
2. Giải pháp đã áp dụng

Từ những hạn chế trên và để kịp thời đáp ứng nhu cầu giảng dạy của giảng viên và học tập của học sinh, sinh viên cũng như đáp ứng được mục tiêu đào tạo về kỹ năng mà mô đun Vi điều khiển đã đề ra, nhóm tác giả đã tìm tòi, nghiên cứu, nội dung chương trình đào tạo mô đun Vi điều khiển cơ bản và nâng cao để từ đó thiết kế, chế tạo thêm các ứng dụng mở rộng trên mô hình thực hành Vi điều khiển đã có và áp dụng vào giảng dạy thực hành mô đun Vi điều khiển cho các nghề mà khoa đang đào tạo hiện nay.

Các mô đun thực hành mở rộng mà nhóm tác giả đã thực hiện

Mô đun đèn giao thông

Sơ đồ mô phỏng:



Hình 1. Mạch mô phỏng đèn giao thông trên phần mềm Proteus

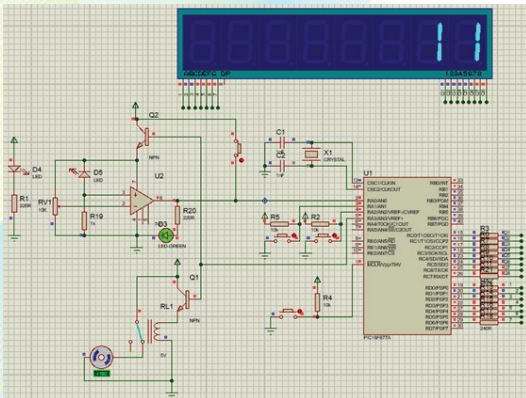
Sản phẩm mô đun điều khiển động cơ bước:



Hình 6. Mô đun điều khiển động cơ bước

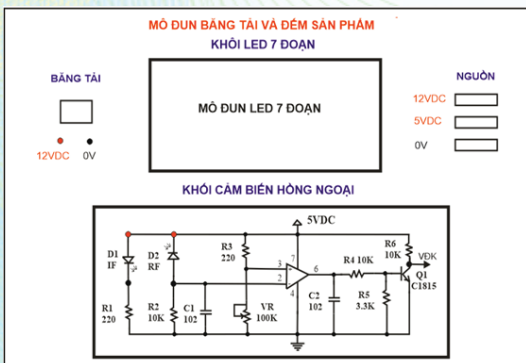
Mô đun băng tải và đếm sản phẩm

Sơ đồ mô phỏng:



Hình 7. Mạch mô phỏng băng tải và đếm sản phẩm

Bản vẽ thiết kế mô đun trên phần mềm CorelDraw:



Hình 8. Bản vẽ mô đun băng tải và đếm sản phẩm trên phần mềm CorelDraw

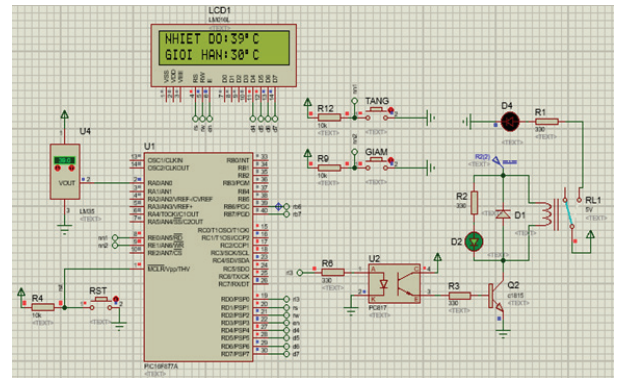
Sản phẩm mô đun băng tải và đếm sản phẩm thực tế:



Hình 9. Mô đun băng tải và đếm sản phẩm

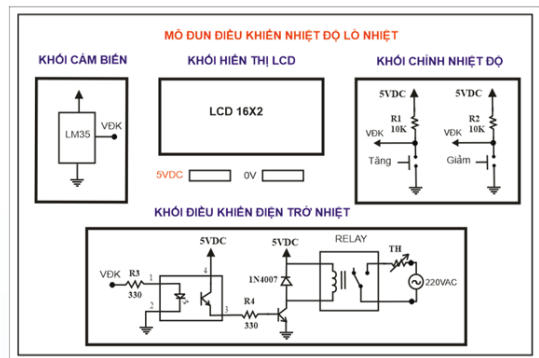
Mô đun điều khiển nhiệt độ lò nhiệt

Sơ đồ mô phỏng:



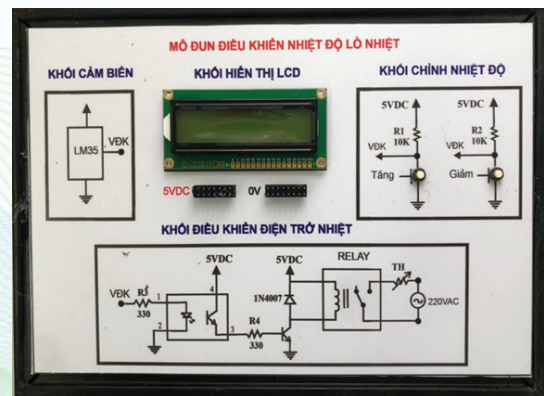
Hình 10. Mạch mô phỏng điều khiển nhiệt độ lò nhiệt

Bản vẽ thiết kế mô đun trên phần mềm CorelDraw:



Hình 11. Bản vẽ mô đun điều khiển nhiệt độ lò nhiệt trên phần mềm CorelDraw

Sản phẩm mô đun điều khiển nhiệt độ lò nhiệt:



Hình 12. Mô đun điều khiển nhiệt độ lò nhiệt

Quá trình thử nghiệm áp dụng giảng dạy thực tế
 Trong năm học 2023-2024, nhóm tác giả đã đưa vào sử dụng các mô đun ứng dụng do nhóm tác giả nghiên cứu, phát triển vào giảng dạy thử nghiệm mô đun vi điều khiển cho 3 lớp với 2 cấp trình độ là cao đẳng và trung cấp, cụ thể như sau: nghề Điện công nghiệp, trình độ cao đẳng có 2 lớp ĐCN22A1, ĐCN22A2 (35 SV); nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử có 1 lớp trung cấp là CKĐ22C1 (20HS). Qua kết quả thử nghiệm đã mang lại hiệu quả bước đầu rất đáng phấn khởi.

Trong quá trình học, các mạch ứng dụng mở rộng sẽ

được học sinh, sinh viên vẽ lại sơ đồ nguyên lý trên phần mềm Proteus sau đó nạp chương trình đã được lập trình vào kiểm tra kết quả trên máy tính chỉnh sửa trực tiếp chương trình nếu còn sai sót, sau đó học sinh, sinh viên có thể kết nối trực tiếp các mạch ứng với mô hình vi điều khiển để quan sát kết quả thực tế trên mạch đó.

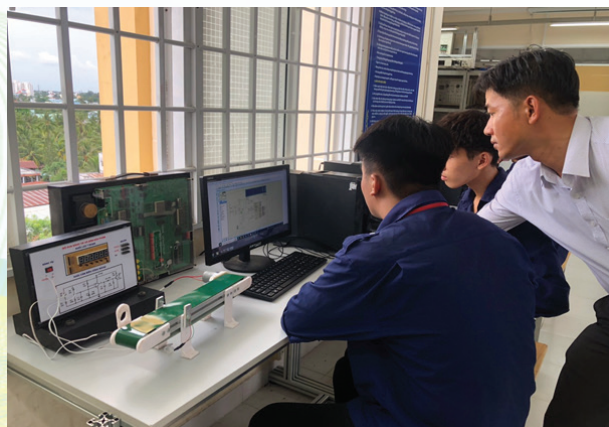
Việc kết nối mạch được thực hiện thông qua hệ thống jack cắm có sẵn trên mô hình sẽ vừa đảm bảo hình thành kỹ năng lắp, đo kiểm mạch điện tử cho HSSV vừa đảm bảo an toàn về điện cho người sử dụng. Một số hình ảnh giảng dạy thực tế trên các lớp:



Hình 13. Thực hiện giảng dạy mô đun Kỹ thuật Vi điều khiển lớp ĐCN22A1



Hình 14. Thực hiện giảng dạy mô đun Kỹ thuật Vi điều khiển lớp ĐCN22A2



Hình 15. Thực hiện giảng dạy mô đun Vi điều khiển cơ bản lớp CKĐ22C1

3. Kết quả mang lại.

Qua việc nghiên cứu, chế tạo ra các mô đun ứng dụng và trải qua quá trình áp dụng giảng dạy thực tế cho các lớp ĐCN22A1, ĐCN22A2, CKĐ22C1 trong thời gian qua đã mang lại những hiệu quả nhất định như:

- Một số mô đun ứng dụng được nhóm tác giả triển khai vào giảng dạy bước đầu đã giúp học sinh, sinh viên dễ tiếp thu bài học hơn và kích thích khả năng tìm tòi học hỏi, tự nghiên cứu của học sinh, sinh viên.
- Học sinh, sinh viên tiếp thu nhanh nội dung kiến thức và kỹ năng thực hành mà giảng viên cần truyền đạt do được trực tiếp thao tác trên các thiết bị thật trên mô hình.
- Tạo được sự hứng thú, tích cực cho học sinh, sinh viên khi tham gia học thực hành do các mô đun ứng dụng được tích hợp gần với thực tế sản xuất.
- Giảng viên có thể linh hoạt thiết kế nhiều bài tập thực hành thông qua các mô đun ứng dụng kết hợp với mô hình.
- Giúp nhà trường giảm được kinh phí mua sắm thiết bị, vật tư thực hành.
- Nâng cao được hiệu quả giảng dạy mô đun Vi điều khiển.

Để đạt được những kết quả như trên nhóm tác giả đã trải qua một thời gian dài khảo sát thực tế hiệu quả giảng dạy mô đun Vi điều khiển. Từ đó, nhóm đã nghiên cứu để thiết kế, chế tạo ra các mô đun ứng dụng hình thực hành vi điều khiển phục vụ đầy đủ các tính năng mô hình giảng dạy thực hành, đảm bảo thiết bị sát thực tế và công nghệ mới.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở đánh giá những thực trạng, hạn chế về thiết bị đào tạo của nhà trường và những hạn chế về hiệu quả trong quá trình giảng dạy thực hành mô đun Vi điều khiển thời gian qua, nhóm tác giả đã thực hiện sáng kiến cải tiến kỹ thuật này nhằm nghiên cứu và chế tạo ra kịp thời các mô đun ứng dụng thực hành Vi điều khiển đưa vào giảng dạy. Với sáng kiến mà nhóm đã áp dụng thử nghiệm thực tế thời gian qua cho các nghề Điện công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử đã mang lại những hiệu quả rất tích cực, nhóm tác giả nhận thấy rằng: có được các mô đun ứng dụng sẽ giúp cho giảng viên có thể thiết kế nhiều bài giảng sinh động, sát thực tế, lôi cuốn người học hơn; học sinh, sinh viên sẽ sẽ có thêm phương tiện để rèn luyện nhiều kỹ năng thực hành và tiếp cận được với nhiều công nghệ mới ngoài thực tế; chất lượng, hiệu quả đào tạo mô đun vi điều khiển sẽ được nâng lên... Các mô đun ứng dụng mở rộng trên mô hình vi điều khiển được nhóm tác giả nghiên cứu, chế tạo hoàn toàn mới, chưa có trên thị trường thương mại hiện nay và rất hữu ích đối với giảng viên và học sinh, sinh viên chuyên ngành đào tạo nghề Điện công nghiệp, Công nghệ kỹ

thuật điện, điện tử và Điện tử công nghiệp.

Việc nghiên cứu, chế tạo và sử dụng mô đun ứng dụng thực hành Vi điều khiển vào quá trình giảng dạy thực hành mô đun Vi điều khiển là rất cần thiết, phù hợp với chương trình đào tạo của các nghề thuộc khoa Điện – Điện tử đang áp dụng hiện tại và sẽ còn hữu dụng trong nhiều năm tới. Mô hình này dễ chế tạo, có chi phí thấp, hiệu quả sử dụng cao. Do đó, nhóm tác giả đề xuất lãnh đạo nhà trường cần xem xét nhân rộng ra thêm nhiều mô hình để đáp ứng nhu cầu giảng dạy thực hành, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của trường chúng ta hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Mạnh Thắng (2016), Vi xử lý và Vi điều khiển nguyên lý và ứng dụng, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Đình Phú (2017), Giáo trình thực hành Vi điều khiển PIC, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ GIẢM CHI PHÍ ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN BẰNG VIỆC THIẾT KẾ CHẾ TẠO MÔ HÌNH ĐO LƯỜNG ĐIỆN TỬ NHỮNG THIẾT BỊ, VẬT TƯ KHÔNG DÙNG TỚI TẠI PHÒNG THỰC HÀNH ĐO LƯỜNG ĐIỆN

*Lê Thanh Hải
Cao Minh Thiện*

*Giảng viên Khoa Điện - Điện tử
Email: lethanhhaicdtg@gmail.com*

TÓM TẮT

Bài viết xoay quanh vấn đề nghiên cứu, chế tạo thiết bị dạy học áp dụng cho giảng dạy mô đun Đo lường điện với kinh phí thấp. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, khảo nghiệm thực tế và tổng kết thực tiễn, nội dung chính của sáng kiến này là nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” để áp dụng vào giảng dạy mô đun Đo lường điện nhằm tạo được sự hứng thú trong công tác giảng dạy của giảng viên và học tập, rèn luyện của học sinh sinh viên.

Từ khóa: Đo lường các đại lượng điện cơ bản.

MỞ ĐẦU

Từ thực trạng số lượng mô hình thực hành Đo lường điện hiện có tại Trường Cao đẳng Tiền Giang chưa đáp ứng được với nhu cầu đào tạo của mô đun Đo lường điện với các lý do như: số HSSV (học sinh sinh viên) trên 1 lớp trung bình khoảng 20 HSSV nhưng mô hình Đo lường chỉ từ 2 đến 3 mô hình khi rèn luyện 1 kỹ năng, ước tính khoảng 7 tới 10 HSSV trên 1 mô hình. Điều này ảnh hưởng rất lớn tới khả năng rèn luyện, tư duy của người học ngoài ra còn ảnh hưởng tới việc rèn luyện thái độ tác phong học tập của người học. Điều đó phần nào ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo của trường. Từ những hạn chế trên, việc nghiên cứu, thiết kế thêm mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” để việc giảng dạy đáp ứng được mục tiêu của bài học cũng như mục tiêu của mô đun Đo lường điện là điều cấp thiết. Trong điều kiện nhà trường phải tiết kiệm kinh phí tối đa do cơ chế tự chủ tài chính nhưng phải đảm bảo chất lượng đào tạo. Tác giả cũng biết hoàn cảnh hiện giờ nếu xin kinh phí để mua thêm mô hình hoặc làm mô hình (khoảng 30 triệu/ 1 mô hình) là rất khó nên đã quyết định thiết kế và chế tạo mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” từ những vật liệu tái sử dụng với kinh phí thấp.

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, thực trạng vấn đề giảng dạy mô đun Đo lường điện tại khoa Điện - Điện tử

Trong những năm qua, công tác giảng dạy mô đun Đo lường điện cho các lớp HSSV thuộc khoa Điện - Điện tử được thực hiện tương đối tốt, đội ngũ giảng viên được phân công giảng dạy có kiến thức chuyên môn sâu, có kỹ năng nghề đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, có nghiệp vụ sư phạm tốt; các mô hình, thiết bị phục vụ giảng dạy tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên và rèn luyện kỹ năng cho HSSV.

Tuy nhiên, về số lượng mô hình “Đo lường điện” chưa đáp ứng được yêu cầu rèn luyện kỹ năng cho HSSV như mục tiêu của bài học đặt ra. Với số HSSV là 7 tới 10 HSSV trên 1 mô hình thì các thao tác thực hành của HSSV trên mô hình chỉ được thực hiện như sau:

- Một bạn thực hiện các bạn khác quan sát, sau đó luân phiên với nhau và tiến hành đến hết nhóm. Như thế thì thời gian thao tác rèn luyện chỉ 1 phần nhỏ thời gian học.
- Mỗi bạn làm một công đoạn. Như thế thì mục tiêu kiến thức và kỹ năng có thể không đảm bảo.
- Thời gian chết của HSSV là quá lớn.

Với các thao tác như trên dễ gây nhàm chán, khả năng rèn luyện nhiều kỹ năng cho HSSV là thấp. Mặt khác, khi HSSV có nhiều thời gian rảnh thì phát sinh một số tiêu cực trong học tập như sử dụng điện thoại,

nói chuyện riêng, làm các việc không theo hướng dẫn gây hư hao thiết bị...

- Các mô hình hiện có sử dụng mức điện áp cao nên khi rèn luyện các nội dung cơ bản gây nguy hiểm không cần thiết.

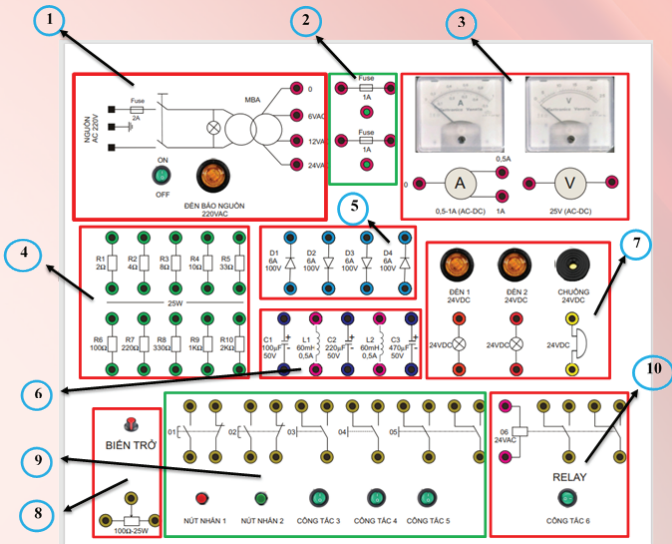
Từ những hạn chế như đã nêu ở trên, tác giả nhận thấy cần phải thiết kế mô hình thực hành để đáp ứng được nhu cầu giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV nhằm đáp ứng được mục tiêu của bài học cũng như mục tiêu của mô đun Đo lường điện đã đề ra.

Từ kinh nghiệm thực tiễn trong công tác giảng dạy, tìm hiểu, nghiên cứu, tác giả đã thiết kế, thử nghiệm và hoàn chỉnh mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” để phục vụ cho việc giảng dạy được tốt hơn, đáp ứng được mục tiêu đề ra.

2. Mô hình đã áp dụng

2.1. Giới thiệu mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản”

Mô hình được thiết kế gồm có 10 khối chức năng cụ thể như hình 1:



Hình 1: Mô hình Đo lường các đại lượng điện cơ bản

+ Khối số 1 là khối nguồn: Nguồn điện cấp vào mô hình là điện áp 220VAC sẽ qua thiết bị đóng cắt và bảo vệ CB sau đó thông qua máy biến áp để giảm điện áp xuống các mức 6VAC, 12VAC, 24VAC. Với mức điện áp trên thì mô hình rất an toàn khi sử dụng và giảm mức độ tiêu thụ điện khi thực hành.

+ Khối số 2 là khối bảo vệ cho mạch điện: Được thiết kế với 2 cầu chì ống với mức dòng điện cho phép tối đa 1A. Khi thực hành được lắp nối tiếp vào mạch điện nhằm bảo vệ cho các phần tử khác trên mô hình tránh gặp sự cố hư hỏng khác khi lắp sai mạch.

+ Khối số 3 là khối đồng hồ đo: Được thiết kế 2 dụng cụ đo phổ biến nhất là Ampe kế và Vôn kế. Với Ampe kế thì có 2 giới hạn đo là 0.5A và 1A tùy thuộc vào mạch điện mà chọn cho phù hợp để đạt kết quả chính xác nhất.

+ Khối số 4 là khối tải thuần trở: Được thiết kế với 10 giá trị điện trở thông dụng khác nhau. Với công suất tối đa 25W và các điện trở được chọn là loại có tản nhiệt đảm bảo không bị cháy khi thực hành thời gian dài.

+ Khối số 5 là khối chỉnh lưu: Được thiết kế với 4 điốt chịu được 6A và 100V cho phép chỉnh lưu từ điện AC sang DC.

+ Khối số 6 là khối tải cảm kháng và dung kháng: Được thiết kế với 2 cuộn cảm kháng 60mH - 0,5A và 3 tụ điện 100μF, 220μF, 470 μF - 50V.

+ Khối số 7 là khối tải thông dụng: Được thiết kế 2 đèn 24VDC và chuông 24VDC.

+ Khối số 8 là khối tải trở không cố định: Được thiết kế với biến trở thay đổi từ 0Ω đến 100Ω, 25W. Giúp thay đổi thông số của mạch một cách trực quan hơn.

+ Khối số 9 là khối điều khiển đóng cắt mạch: Được thiết kế với nhiều nút nhấn và công tắc khác nhau.

+ Khối số 10 là khối relay điều khiển: Được thiết kế để học viên biết cách đo kiểm thiết bị điều khiển trong thực tế.

2.2 Áp dụng mô hình vào giảng dạy

Mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” được sử dụng để dạy lý thuyết, thực hành hoặc theo phương pháp tích hợp cho các môn học, mô đun nghề Điện công nghiệp, Điện lạnh, Điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử ở trình độ trung cấp và cao đẳng hoặc trình độ cao hơn. Bao gồm:

- Môn học: Khí cụ điện;

- Mô đun: Đo lường điện

+ Đối với giảng viên:

- Giải thích cho học viên những kiến thức về kết cấu và nguyên lý hoạt động các mạch điện đo lường của hệ thống đo lường điện;

- Sử dụng mô hình để giới thiệu, thao tác mẫu việc kiểm tra, đo kiểm và đấu nối các mạch điện trong quá trình giảng dạy;

- Với những bài tập nâng cao, giảng viên tạo ra những sự cố để học viên tư duy, phán đoán và đề ra phương án xử lý.

+ Đối với học viên:

- Củng cố kiến thức về kết cấu và nguyên lý hoạt động;

- Thực hành kiểm tra, đo kiểm và đấu nối các mạch điện riêng rẽ theo từng bài học như: Mạch điện dân dụng, mạch điện RLC,...

- Với các bài tập nâng cao, học viên tư duy, phán đoán tìm ra những hư hỏng và đề ra các phương pháp đo kiểm khắc phục.

- Qua quá trình thực tập trên mô hình, học viên kiểm tra, đo kiểm, đấu nối được các mạch điện thực tế.

3. Kết quả mang lại

Sản phẩm đã được nhóm tác giả ứng dụng vào thực tế

giảng dạy và kiểm nghiệm khả năng đáp ứng mục tiêu của mô đun Đo lường điện. Kết quả đạt được mục tiêu đặt ra ban đầu. Hình ảnh thực tế mô hình:



Hình 2: Mô hình Đo lường các đại lượng điện cơ bản thực tế

Với việc áp dụng mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” vào giảng dạy thực hành nhóm tác giả nhận thấy sản phẩm đã mang lại những hiệu quả tích cực như sau:

- *Đối với HSSV:* Tiếp cận nhanh được các nội dung về kiến thức liên quan, thao tác đấu dây mạch điện theo sơ đồ nguyên lý. Từ đó, tạo được sự hứng thú cho HSSV trong học kiến thức lý thuyết và rèn luyện kỹ năng thực hành, hình thành được kỹ năng lắp mạch điện theo sơ đồ nguyên lý, đo kiểm tra và nhận định được kết quả đúng - sai từ mạch điện thực tế.

- *Đối với giảng viên:* có thể xây dựng nhiều nội dung thực hành, khai thác được tối đa thiết bị nhằm giúp HSSV đạt được những kỹ năng cốt lõi của bài học.

4. Đề xuất triển khai áp dụng

Với việc nghiên cứu, thiết kế mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” (như trên hình 1) và áp dụng vào giảng dạy thực tế đã mang lại những hiệu quả ban đầu rất tích cực như trình bày ở trên. Tác giả đề xuất với lãnh đạo khoa Điện - Điện tử cũng như Ban giám hiệu nhà trường các nội dung sau:

- *Đối với việc sử dụng mô hình vào giảng dạy mô đun Đo lường điện:* cho phép triển khai cho giảng viên áp dụng vào giảng dạy cho HSSV.

- *Đối với việc làm mô hình dạy học:* đề nghị Ban Giám hiệu nhà trường có chế độ chính sách khuyến khích hơn nữa để thu hút, tạo động lực cho lực lượng giảng viên của nhà trường tích cực tham gia vào làm mô hình, thiết bị dạy học cũng như công tác nghiên cứu khoa học.

KẾT LUẬN

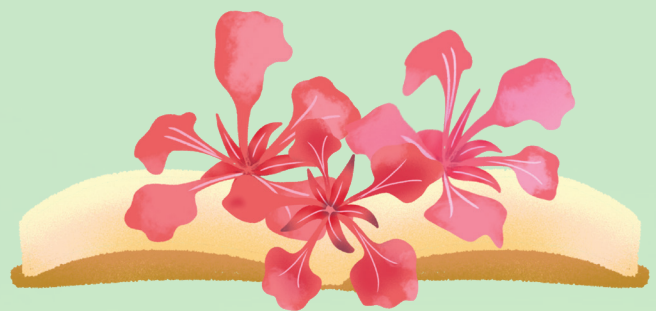
Sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã trình bày lại các nội dung mà nhóm đã nghiên cứu thực hiện để thiết kế, chế tạo mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” (như trên hình 1) và các kết quả đã đạt được trong việc áp dụng vào giảng dạy thực tế tại khoa Điện - Điện tử

Sáng kiến cải tiến này bước đầu đã giúp cho giảng viên có được bài giảng sinh động hơn, sát với thực tế và lôi cuốn người học hơn; HSSV dễ tiếp thu được kiến thức và có thêm thiết bị để rèn luyện nhiều kỹ năng thực hành. Từ đó giúp cho công tác giảng dạy có thể đạt được mục tiêu của bài học đặt ra cũng như mục tiêu chung của mô đun Đo lường điện.

Với những hiệu quả tích cực đã mang lại, việc sử dụng mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” để áp dụng vào quá trình giảng dạy là rất cần thiết. Tác giả mong muốn tất cả giảng viên giảng dạy mô đun Đo lường điện áp dụng mô hình “Đo lường các đại lượng điện cơ bản” để rèn luyện kỹ năng cho HSSV. Qua đó, chất lượng dạy và học mô đun Đo lường điện ngày càng được nâng cao, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Đo lường điện năm 2017 của Trường Cao đẳng Tiền Giang.
2. Tài liệu hướng dẫn thực hành Mô hình mạch điện 1 chiều của Trung tâm phát triển công nghệ và tự động hóa (CITA).
3. Tài liệu hướng dẫn thực hành Mô hình Mạch điện xoay chiều 1 pha, 3 pha của Trung tâm phát triển công nghệ và tự động hóa (CITA).



XÂY DỰNG VÀ CẢI TIẾN MÔ HÌNH THỰC HÀNH TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG

Nguyễn Thanh Phong
Giảng viên Khoa Điện - Điện tử
Email: phongnt@tgc.edu.vn

TÓM TẮT

Bài viết xoay quanh vấn đề nghiên cứu xây dựng, cải tiến và phát triển mô hình thực hành trong Trường Cao đẳng Tiền Giang. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, quan sát quá trình sử dụng thiết bị thực hành và thực nghiệm người viết đề xuất nội dung cài tạo mô hình thực hành bảo vệ rơ le thành mô hình thực hành trang bị điện. Mục tiêu nhằm nâng cao kỹ năng lắp mạch, giúp phát huy tính tích cực, tính tự giác, tính năng động, khả năng làm việc độc lập của người học phán đoán và khắc phục được những nguyên nhân, hư hỏng và công tác chuẩn bị giảng dạy (chuẩn bị thiết bị, mô hình, dụng cụ, vật tư,...) nhằm đạt được các mục tiêu của chương trình đào tạo đã đề ra. Từ đó góp phần nâng cao được chất lượng đào tạo của nhà trường.

MỞ ĐẦU

Trong quá trình giảng dạy tại đơn vị bản thân tôi nhận thấy còn có một số vấn đề tồn tại cần được cải thiện như: (1) Học viên nghề điện công nghiệp học mô đun trang bị điện đông và học viên nghề điện lạnh, cơ khí học qua ban môn trang bị điện cơ bản cũng đông. Hiện tại phòng thực hành vẫn còn thiếu mô hình; (2) Mô hình bảo vệ rơ le không còn phù hợp cho việc giảng dạy vì mô đun bảo vệ rơ le đã được thống nhất đưa ra khỏi chương trình đào tạo nghề; (3) Thái độ, kỹ năng của học sinh sinh viên còn thụ động chưa có tính tích cực trong quá trình thực hành; (4) Định mức chi phí mua sắm vật tư giảng dạy thực hành qua các năm học còn cao do linh kiện và thiết bị bị hư hao trong quá trình thực hành; (5) Các mô hình hiện có không đáp ứng đủ các bài tập để học sinh sinh viên thực hành và không thực tiễn theo phát triển khoa học kỹ thuật.

Cải tiến thành mô hình trang bị điện mục đích nhằm áp dụng vào giảng dạy mô đun trang bị điện và trang bị điện cơ bản tạo được sự hứng thú trong công tác giảng dạy của giảng viên và học tập, rèn luyện của học sinh sinh viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng cho học sinh sinh viên (HSSV).

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, hiện trạng và vấn đề được nói trong đề tài

1.1. Đặc điểm

Ở các bậc học phổ thông, học sinh chỉ cần vững kiến thức thầy cô dạy trên lớp và làm bài tập được giao, giáo viên liên tục có những bài kiểm tra, đánh giá dành cho học sinh. Tuy nhiên khi học tại Trường Cao đẳng thì yêu cầu hoạt động học tập của sinh viên đã khác hẳn, trong đó tự thực hành là phương pháp, cách thức cơ bản mà sinh viên, học sinh phải thực hiện thường xuyên để rèn luyện kỹ năng nghề. Tuy nhiên các mô đun thực hành tại trường chỉ đào tạo riêng biệt từng mô đun, nên làm hạn chế khả năng tự nghiên cứu và sáng tạo ở sinh viên, học sinh, và đặc biệt là ứng dụng kiến thức cơ bản đó vào các dây chuyền thực tiễn rất khó khăn. Do vậy, giáo viên, giảng viên phải đóng vai trò là người hướng dẫn, cung cấp tài liệu, hướng dẫn đề tài, giúp sinh viên, học sinh phải tự biết cách sắp xếp thời gian và trình tự nghiên cứu những kiến thức cơ bản và mở rộng tìm hiểu những vấn đề liên quan thực tiễn, từ đó nâng cao khả năng sáng tạo, vận dụng kiến thức ở người học và chất lượng đào tạo, Ngoài ra để HSSV dễ dàng tiếp cận và lĩnh hội các kiến thức và vận dụng chúng vào thực tiễn cần phải có các mô hình tiếp cận công nghệ và ứng dụng trong sản xuất thực tiễn nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Trong những năm qua số lượng HSSV các lớp thuộc khoa Điện - Điện tử tăng, công tác giảng dạy mô đun trang bị điện (trang bị điện 1 có thời lượng là 120 giờ, trang bị điện 2 có thời lượng là 105 giờ) và mô đun trang bị điện cơ bản (có thời lượng là 45 giờ và 60 giờ) gặp nhiều khó khăn vì thiếu phòng thực hành, một số lớp phải học ở phòng thực hành truyền động điện và bảo vệ rơ le. Các mô hình, thiết bị phục vụ giảng dạy chưa đầy đủ chỉ cơ bản đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên và rèn luyện kỹ năng của HSSV.

1.2. Hiện trạng

Với thiết kế của mô đun thực hành bảo vệ rơ le, các thao tác thực hành khi học mô đun trang bị điện và trang bị điện cơ bản của HSSV trên mô hình chỉ được thực hiện như sau:

- Lắp mạch điều khiển động cơ quay một chiều.
- Lắp mạch điều khiển động cơ quay hai chiều.
- Đấu dây cho các thiết bị đo (Vol và Amp).

Với các thao tác như trên dễ gây nhầm lẫn, không tạo được sự tự duy cho HSSV. Mặt khác, mô hình thực hành bảo vệ rơ le khi áp dụng giảng dạy cho mô đun trang bị điện và trang bị điện cơ bản còn có các hạn chế như sau:

- Chỉ giảng dạy được hai bài trong chương trình của mô đun trang bị điện và trang bị điện cơ bản do thiết bị quá ít.
- Mô đun bảo vệ rơ le chỉ giảng dạy cho nghề điện công nghiệp trình độ cao đẳng và trong năm 2023 được thống nhất đưa ra khỏi chương trình đào tạo.
- Từ những hạn chế như đã nêu ở trên, cần phải cải tiến lại mô hình thực hành để đáp ứng được nhu cầu giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV nhằm đáp ứng được mục tiêu của mô đun trang bị điện và trang bị điện cơ bản đã đề ra.

Từ kinh nghiệm thực tiễn trong công tác giảng dạy, tìm hiểu, nghiên cứu, tác giả đã thiết kế, thử nghiệm và hoàn chỉnh các mô đun thực hành “Mô đun công tắc tơ, mô đun công tắc hành trình và công tắc chuyển mạch, mô đun rơ le thời gian, mô đun rơ le trung gian, mô đun đèn báo” để phục vụ cho việc giảng dạy được tốt hơn, đáp ứng được mục tiêu đề ra.

2. Mô hình giải pháp đã áp dụng

Trong những năm qua số lượng HSSV tăng cao, phòng thực hành trang bị điện không đủ phục vụ công tác giảng dạy và học tập nên bố trí một số lớp chuyên qua học tại phòng thực hành truyền động điện và bảo vệ rơ le.

Mô hình bảo vệ rơ le khi áp dụng vào giảng dạy mô đun trang bị điện và mô đun trang bị điện cơ bản phải đấu nối thêm thiết bị bên ngoài (công tắc tơ, công tắc hành trình và công tắc chuyển mạch, rơ le thời gian, rơ le trung gian, đèn báo) và các thiết bị này nằm rời rạc không được cố định nên khi lắp mạch rất khó, HSSV dễ lắp sai dẫn đến hư hỏng thiết bị, công tác đo kiểm tra cũng phức tạp và mất an toàn.



Hình 1. Mô hình bảo vệ rơ le

Việc cải tiến mô hình là tạo ra các mô đun riêng lẻ và lắp cố định chung lên mô hình bảo vệ rơ le giúp cho HSSV dễ dàng thao tác lắp mạch cũng như việc đo kiểm tra và sửa chữa những hư hỏng của mạch. Cụ thể là:

Mô đun công tắc tơ: gồm 5 công tắc tơ là CTT1, CTT2, CTT3, CTT4, CTT5, các tiếp điểm động lực, tiếp điểm điều khiển, cuộn dây được đấu nối ra các đầu giắc cắm âm và có ký hiệu rõ ràng thuận tiện cho việc đấu nối.

Mô đun công tắc hành trình: gồm 4 công tắc là CTHT1, CTHT2, CTHT3, CTHT4. Mỗi công tắc có 1 tiếp điểm thường đóng và 1 tiếp điểm thường mở cũng được đấu nối ra giắc cắm âm và có ký hiệu cho từng loại. Công tắc chuyển mạch gồm 2 cái CT1, CT2 cũng được đấu nối ra giắc cắm âm và có ký hiệu cho từng loại.



Hình 2. Mô đun công tắc tơ



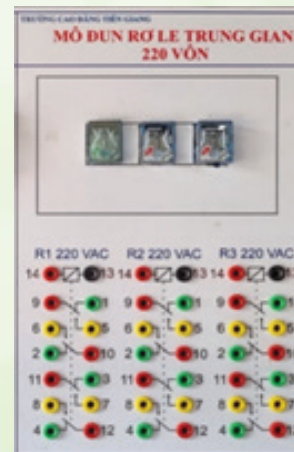
Hình 3. Mô đun công tắc hành trình và công tắc chuyển mạch

Mô đun rơ le thời gian: gồm 3 rơ le RT1, RT2, RT3 các chân rơ le được đấu nối ra các đầu giắc cắm âm, có ký hiệu và đánh số cho mỗi tiếp điểm cũng như cuộn dây.

Mô đun rơ le trung gian: khi lắp mạch điện phức tạp cần nhiều tiếp điểm điều khiển. Mô đun gồm có 3 rơ le trung gian là R1, R2, R3, các chân rơ le được đấu nối ra các đầu giắc cắm âm, có ký hiệu và đánh số cho mỗi tiếp điểm cũng như cuộn dây



Hình 4. Mô đun rơ le thời gian



Hình 5. Mô đun rơ le trung gian

Mô đun đèn báo: dùng làm đèn báo pha, báo sự cố hay báo hoạt động. Mô đun gồm 6 đèn cũng được bố trí từng đèn riêng lẻ và có ký hiệu cho từng đèn.



Hình 6. Mô đun đèn báo

Áp dụng mô hình vào giảng dạy: năm học 2023 – 2024 tại phòng thực hành truyền động điện và bảo vệ rơ le qua giảng dạy các mô đun trang bị điện và trang bị điện cơ bản kết quả rất tích cực, người học hứng thú hơn trong học tập từ đó tiếp thu kiến thức và kỹ năng nhanh, đồng thời mang lại nhiều kết quả tốt hơn trong đào tạo nghề.

- + Mô đun trang bị điện 1 có 14 bài: thực hiện được 14/14 bài học đạt 100%
- + Mô đun trang bị điện 2 có 8 bài: thực hiện được 4/8 bài học đạt 50%
- + Mô đun trang bị điện cơ bản có 4 bài: thực hiện được 4/4 bài học đạt 100%

3. Kết quả mang lại

Mô hình hoàn chỉnh



Hình 7. Mô hình đã cải tiến

Việc cải tiến mô hình và đưa vào giảng dạy mô đun trang bị điện và trang bị điện cơ bản tác giả nhận thấy sản phẩm đã mang lại những hiệu quả tích cực như sau:

- Đối với HSSV:

Chủ động, tích cực hơn trong học tập, nâng cao được kiến thức và kỹ năng thực tiễn, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, tiếp cận các kiến thức mới.

Tiếp cận nhanh được các nội dung về kiến thức liên quan, thao tác đấu dây mạch điện theo sơ đồ nguyên lý nhanh.

Hứng thú trong học kiến thức lý thuyết và rèn luyện kỹ năng thực hành, hình thành được kỹ năng lắp mạch điện theo sơ đồ nguyên lý, đo kiểm tra và nhận định được kết quả đúng - sai từ mạch điện thực tế.

- Đối với giảng viên: Xây dựng nhiều nội dung thực hành, khai thác được tối đa thiết bị nhằm giúp HSSV đạt được những kỹ năng cốt lõi của mô đun trang bị điện và trang bị điện cơ bản.

- Đối với nhà trường: Có nhiều mô hình dạy học, chất

lượng giảng dạy nâng cao, tiết kiệm được rất nhiều chi phí vật tư trong giảng dạy, giảm được việc thiếu phòng thực hành.

4. Đề xuất triển khai áp dụng

Với việc nghiên cứu, thiết kế để cải tiến mô hình thực hành bảo vệ rơ le thành mô hình thực hành trang bị điện và áp dụng vào giảng dạy thực tế đã mang lại những hiệu quả ban đầu rất tích cực như trình bày ở trên. Tác giả đề xuất với lãnh đạo khoa Điện - Điện tử cũng như Ban giám hiệu nhà trường các nội dung sau:

- Đối với việc cải tiến mô hình bảo vệ rơ le: cho phép triển khai cho giảng viên áp dụng vào giảng dạy cho HSSV.

- Đối với việc nhân rộng: để bảo đảm đủ thiết bị cho việc dạy thực hành và rèn luyện kỹ năng cho HSSV, tác giả đề nghị Ban Giám hiệu nhà trường triển khai nhân rộng thêm vì còn 2 mô hình bảo vệ rơ le và hỗ trợ kinh phí để thực hiện.

- Đối với việc làm mô hình dạy học: đề nghị Ban Giám hiệu nhà trường có chế độ chính sách khuyến khích hơn nữa để thu hút, tạo động lực cho lực lượng giảng viên của nhà trường tích cực tham gia vào làm mô hình, thiết bị dạy học cũng như công tác nghiên cứu khoa học.

KẾT LUẬN

Trong báo cáo khoa học của mình, người viết đã trình bày 4 nội dung chính gồm: (1) Đặc điểm, hiện trạng của mô hình tại các phòng thực hành trong Trường Cao đẳng Tiền Giang; (2) Cải tiến mô hình thực hành bảo vệ rơ le thành mô hình thực hành trang bị điện; (3) Kết quả bước đầu khi đưa thiết bị đã cải tiến vào giảng dạy; (4) Đề xuất triển khai áp dụng.

Nội dung trình bày trong báo cáo khoa học này được người viết khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn những năm qua để đề xuất biện pháp cải tạo và đưa vào giảng dạy những năm tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Trang bị điện 1 và trang bị điện 2 năm 2019 – Trường Cao đẳng Tiền Giang.
2. Trang bị điện – Điện tử công nghiệp – Vũ Quang Hồi, NXB Giáo dục – 2006.
3. Sửa chữa Điện dân dụng và Điện công nghiệp – Bùi Văn Yên – Trần Nhật Tân, NXB Giáo dục – 2004.
4. Hướng dẫn thực hành Điện công nghiệp- Bùi Hồng Huế, Công ty Thiết bị đào tạo và Phát triển công nghệ Ngọc Huy.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY TÍCH HỢP CÁC MÔ ĐUN HÀN

Trương Thanh Phong

Giảng viên Khoa Cơ khí - Xây dựng

Email: Phongtruongtg@gmail.com

TÓM TẮT

Đề tài “**Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy tích hợp các mô đun hàn**” được tiến hành tại Trường Cao đẳng Tiền Giang, thời gian từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 5 năm 2024. Mục tiêu nghiên cứu một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại trường. Nghiên cứu các yếu tố thực trạng và nguyên nhân của việc dạy - học của học sinh sinh viên (HSSV) ở trường; Nghiên cứu tài liệu, kênh thông tin, giải pháp thực nghiệm; Xác định được 3 giải pháp: Học tập kết hợp với sản xuất phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo; Kết hợp, thực hiện cải tiến kỹ thuật, mô hình thiết bị trong dạy tích hợp; Lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp với yêu cầu năng lực người học. Kết quả nghiên cứu: Nâng cao tinh thần, tính trách nhiệm, sự chủ động sáng tạo, tư duy đổi mới, thúc đẩy quá trình nghiên cứu, trải nghiệm; Khắc phục những vấn đề trong quá trình giảng dạy cải thiện và nâng cao hiệu quả công việc; Học hỏi nâng cao kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành năng lực học nghề, rèn luyện kỹ năng thực hành xác với thực tế.

MỞ ĐẦU

Giáo dục là quốc sách hàng đầu của mỗi quốc gia, nước ta và các nước trên thế giới đang nỗ lực nâng cao hiệu quả giáo dục như: Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục với nhiều hình thức, mô hình, biện pháp khác nhau nhằm nâng cao tính tích cực, tư duy nhận thức, sáng tạo, tự tin trong dạy - học, dạy như thế nào để giúp người học hướng tới chiếm lĩnh tri thức một cách chủ động tự tin, sáng tạo, chiến thắng, nhận thức của người học là: Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn khách quan. Với đặc điểm đó, đổi mới phương pháp, sử dụng thiết bị, đồ dùng học tập không những giúp giáo viên dẫn dắt người học đi đến kiến thức, kỹ năng, vận dụng tốt, là khởi nguồn cho những đam mê, tự tin, sáng tạo của các em. Chính vì vậy là lý do tôi chọn đề tài sáng kiến kinh nghiệm: “**Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy tích hợp các mô đun hàn**”.

- Giúp HSSV nhận thức được bản chất, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học nghề, liên hệ giữa kiến thức và vận dụng nó vào kỹ năng thực tiễn, rèn luyện tính tích cực, chủ động, tự tin tìm tòi học hỏi, hình thành tư duy nhận thức đến tư duy hành động, sáng tạo, trách nhiệm.

- Bản thân rèn luyện được tự tin, tính chủ động, sáng tạo, tự nghiên cứu, trách nhiệm, học hỏi, tạo điều kiện trải nghiệm, hào hứng với công việc, cuộc sống và khiến mọi trải nghiệm trở nên phong phú hơn.

NỘI DUNG

Mỗi chúng ta đến với nghề giáo một cách khác nhau, nhưng điều quý giá hơn cả là trong sâu thẳm mỗi chúng ta đều nặng tình yêu thương HSSV và mong muốn làm cho thế hệ tương lai tốt hơn, khôn lớn hơn, trưởng thành hơn để chung tay làm cho xã hội văn minh hơn, đất nước giàu đẹp hơn. Chúng ta có quyền tự hào về nghề cao quý của mình. Trong mỗi gia đình điều mong muốn con mình tốt hơn, tiến bộ hơn, xã hội đang kỳ vọng vào những thế hệ tương lai đầy bản lĩnh, trách nhiệm, sáng tạo và dám dấn thân. Nhà trường, thầy cô đang muốn học trò của mình trưởng thành hằng ngày trong ghế nhà trường,

Đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học sao cho phù hợp với năng lực người học là một quá trình tư duy, sáng tạo, không làm sai lệch mục tiêu bài học, kiến thức nghề hay kiến thức làm nghề được vận dụng cho từng đối tượng người học khác nhau.

1. Thực trạng

• Khó khăn:

- Nhận thức của đối tượng người học còn hạn chế, năng lực thấp, kỹ năng thấp, còn thụ động trong việc học, chưa chú tâm vào việc học nghề. Trình độ văn hóa HSSV thấp (trung học cơ sở), tuổi nhỏ còn ham chơi, chưa nhận thấy được ý nghĩa tầm quan trọng của việc học nghề, ngại học lý thuyết, ý thức tác phong và ngôn phong còn kém và còn một ít bậc phụ huynh còn nuông chiều con.

- HSSV học nghề còn chưa biết hành động độc lập,

còn thụ động trong chờ vào giáo viên (GV), chưa mạnh dạng vận dụng kiến thức nghề vào thực tiễn gắn với sản xuất. Thực tế hoạt động dạy – học các mô đun hàn bản thân giáo viên và HSSV gặp nhiều khó khăn như:

- Cơ sở vật chất, thiết bị còn thiếu, còn thô sơ lạc hậu, chưa trang bị hệ thống hút khói, thông gió, không gian nhà xưởng chật hẹp, nóng, thiếu mô hình dạy học thực tế, thiết bị mô phỏng trực quan thực hành.

- Nhà nước còn hỗ trợ miễn, giảm học phí cho HSSV học nghề, nên người học ít quan tâm, một số phụ huynh vẫn không muốn học nghề mà muốn con tiếp tục học văn hóa.

• **Thuận lợi:**

Bản thân là giáo viên địa phương, luôn yêu nghề, tâm huyết với nghề điều đó tạo thuận lợi cho tôi trong việc tìm hiểu và hỗ trợ các em. HSSV là người mới bắt đầu học nghề,...

Lãnh đạo nhà trường, bộ môn luôn thường xuyên quan tâm sát sao đến chất lượng đào tạo, cung cấp trang thiết bị, đồ dùng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy – học.

Nắm bắt được xu thế đào tạo gắn với thị trường lao động, GV bộ môn Cơ khí đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, vận dụng linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy sau cho phù hợp với năng lực người học nhằm giúp HSSV phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo, chủ động giải quyết vấn đề.

2. Mô hình (giải pháp) đã áp dụng

Trước mắt chúng ta là những khó khăn và đầy rẫy thách thức, nhưng sự thay đổi của thời đại không dừng lại, tác động đến chúng ta từng giây, từng phút, công nghệ như là một sự hồi thức đến muôn người từ muôn mặt đời sống. Chính vì vậy chúng ta phải đặt ra câu hỏi với chính chúng ta, chúng ta đã dần lòng lại để những gì cao đẹp trôi lên, để mang lại cho người học, tất cả tình yêu thương, hiểu biết và khát vọng chính đáng. Với các em HSSV là hiện thân của tương lai Nhà trường và là nhân tài của xã hội.

Đề tài **“Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy tích hợp các mô đun hàn”** dựa trên sự kết hợp các giải pháp như:

2.1. Học tập kết hợp với sản xuất phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo

• **Hoạt động 1: Khởi động**

- Gặp gỡ, tư vấn, hỗ trợ, định hướng cho người học biết được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc học nghề. Giới thiệu một số hình ảnh, video thành tựu của HSSV học nghề sau khi tốt nghiệp có việc làm ổn định và thu nhập cao, đảm bảo nhu cầu đời sống.

- Trang bị đầy đủ thiết bị dụng cụ, bảo hộ lao động, vật tư đầy đủ tạo điều kiện thoải mái, an tâm trong quá trình học nghề.

- Tổ chức hoạt động trên lớp, hướng dẫn học tập nâng

cao năng lực làm việc của HSSV, GV phải đặt HSSV vào tình huống thực tế, thông qua giải quyết các tình huống này, qua các sản phẩm mà tự tay mình làm ra từ đó HSSV vừa chiếm lĩnh kiến thức, đồng thời phát huy kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Xác định mục đích và xây dựng được động cơ, thái độ học tập của các em.

• **Hoạt động 2: Làm việc nhóm kết hợp với sản xuất, sử dụng quy trình tư duy.**

- Định hướng cho người học vạch ra kế hoạch tự học, đề ra kết quả đạt được cho người học. GV cần đề ra kế hoạch dạy học cụ thể, cung cấp tài liệu học tập trước để người học nghiên cứu để biết mình sẽ làm gì và làm như thế nào trong quá trình học tập.

- Thường xuyên điều chỉnh kế hoạch dựa trên thông tin phản hồi từ phía người học.

- Tăng cường các hình thức dạy học nhóm (*trong nhóm chia điều có bạn giỏi, khá, trung bình, yếu*), trao đổi thảo luận, hỗ trợ nhau trong việc học, nêu lên ý kiến của mình, ...

- Sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học phù hợp với nội dung bài học: Khi lựa chọn các thiết bị, đồ dùng dạy học, phải nghiên cứu và hướng dẫn cho HSSV về kỹ năng, đặc điểm, ưu nhược điểm của từng loại thiết bị, đồ dùng dạy – học.

- Tăng cường tổ chức và quản lý hoạt động tự học của người học cách khoa học chặt chẽ. Thiết kế các hoạt động dạy – học phù hợp với năng lực, động lực và mức độ quan tâm của người học bằng cách lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học để liên hệ giữa trình độ của người học với mức độ mà các em kỳ vọng đạt được, so sánh kết quả với tiêu chuẩn.

- Quan tâm đến sự phù hợp giữa nội dung dạy học với yêu cầu về năng lực làm việc mà doanh nghiệp mong muốn người học đáp ứng được khi ra trường.

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học **“Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, nhà trường gắn liền với gia đình xã hội”** trong đó xu thế của giáo dục hiện nay là dạy học gắn với thực tiễn cuộc sống. Chính vì vậy, trong thời gian qua GV đổi mới căn bản phương pháp giảng dạy một cách toàn diện; nhằm tăng cường các hoạt động trải nghiệm. GV triển khai dạy học gắn với sản xuất, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sáng tạo cải tiến kỹ thuật thiết bị, mô hình dạy học, khai thác sử dụng tối đa, hiệu quả các thiết bị giảng dạy với các mô hình phù hợp để HSSV tham gia học tập, trải nghiệm thực tế ảnh hưởng rất lớn đến khả năng đổi mới tư duy nhận thức, phát huy năng lực học tập của HSSV.

- Về phía người học: Chủ động rèn luyện tính tự học, năng động, tư duy nhận thức, sáng tạo, tự tin, xác định được động cơ học tập một cách đúng đắn, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú, học tập cho người

học nhiều hoạt động gần gũi và thiết thực. tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú, học tập cho người học nhiều hoạt động gần gũi và thiết thực.

2.2. Kết hợp, thực hiện cải tiến kỹ thuật, mô hình thiết bị trong dạy tích hợp

- Thiết bị, đồ dùng là phương tiện cần thiết trong công tác dạy – học, nhưng hiện nay việc đầu tư trang thiết bị, đồ dùng dạy học ở trường còn chưa thật sự đồng bộ. Do đó giải pháp tự làm, tự sửa chữa, tự cải tiến kỹ thuật thiết bị, đồ dùng dạy học là việc cần thiết. Phong trào giáo viên, HSSV sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học là hoạt động thiết thực, đáp ứng việc thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp như đề tài nghiên cứu, khắc phục tình trạng thiếu đồ dùng dạy – học và là cơ hội để cán bộ, giáo viên, người học được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm sáng chế, xây dựng mô hình và sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả.

- Thực hành là quá trình tham gia các hoạt động trải nghiệm xác thực tế, hình thành kỹ năng là nét đặc trưng có tính ưu thế trong việc rèn luyện và phát triển các phẩm chất và năng lực tư duy nhận thức, sáng tạo, tính chủ động cho HSSV. Trên thực tế, khi thiết kế một bài giảng hay một kế hoạch dạy, bản thân tôi thường chia ra nhiều hoạt động khác nhau và mỗi hoạt động lại cần chuẩn bị những thiết bị, đồ dùng khác nhau, có sức thuyết phục, động tác thực hành chuẩn, thiết bị được cải tiến kỹ thuật được ứng dụng.

- Kích thích trí tưởng tượng cho người học bằng cách tạo ra tình huống giả định. Trí tưởng tượng phong phú và óc sáng tạo chính là tiền đề giúp người học càng thông minh.

- Giáo viên phải xác định rõ mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện và kết quả sản phẩm cụ thể để giao cho HSSV

- Tổ chức lớp học: Phân công công việc; Hoạt động nhóm: Giao việc cho nhóm, trong nhóm phải phân chia đồng đều công việc, có người giỏi, khá, trung bình, yếu....

Đối với những HSSV cá biệt: Tùy theo đối tượng người học mà GV có những biện pháp linh hoạt khác nhau (*cứng hay mềm, nói chuyện gần gũi thân thiện tìm hiểu sự việc, động thái phối hợp, thái độ nghiêm túc nhưng mềm dẻo với HSSV, hòa đồng thậm chí GV là bạn HSSV,...*). Bản thân luôn có trách nhiệm (*luôn đặt mình là GV chủ nhiệm*), quan sát thái độ và quá trình làm việc một cách khoa học lâu dài.

Chuẩn bị bố trí sắp xếp cơ sở vật chất, thiết bị nhất là trang bị bảo hộ lao động và dụng cụ kịp thời đúng đủ, ngăn nắp khoa học. So sánh kết quả/sản phẩm đạt được mà GV giao.

Sau khi thực hiện xong bài học, GV cần phải tóm tắt kết luận, định hướng nhận thức, liên hệ vận dụng, tổ

chức luyện tập thực hành và nêu các vấn đề cần chú ý.

- Giúp HSSV tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết, phát huy tối đa tính tự giác, năng lực tự học của mỗi HSSV, phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác ở HSSV thông qua các chủ đề/bài học, các kỹ năng cần thiết cho người học như lắng nghe, chất vấn, chia sẻ, thuyết phục, tôn trọng, giúp người học phát hiện được vấn đề cần giải quyết hoặc đề xuất được các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề.

2.3. Lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp với yêu cầu năng lực người học

Không có phương pháp dạy học nào là vạn năng và cũng không có thiết bị, đồ dùng nào là hoàn hảo cho tất cả các hoạt động dạy- học. Bản vẽ, tranh, sơ đồ, quy trình, hình ảnh,... có tác dụng định hướng để nhấn mạnh những vấn đề, những điểm cần chú ý trong quá trình tiếp thu kiến thức và kỹ năng, Phim ảnh giúp khám phá ra những điều không trực tiếp thấy được hoặc khó thấy trong thực tế, cần quan tâm đến sự phù hợp giữa nội dung, phương pháp dạy học với yêu cầu về năng lực người học:

+ Đối tượng người học có tri thức tốt và kỹ năng tay nghề yếu thì GV cần truyền đạt kiến thức ngắn gọn đúng mục tiêu bài học, dành thời gian rèn luyện kỹ năng tay nghề nhiều hơn, thậm chí cầm tay chỉ việc, hướng dẫn một phần thao tác rồi cho các em luyện tập hình thành kỹ năng tay nghề. Khi người học hình thành kỹ năng tay nghề rồi thì giúp các em nhận biết và khắc phục được những sai hỏng thường gặp.

+ Đối tượng người học có tri thức và kỹ năng kém, thì cần bám sát mục miêu bài, luyện tập hoàn thành kỹ năng. Cần tiếp cận, hướng dẫn các em luyện tập cái cơ bản, như cầm tay luyện tập, cầm tay một đoạn buồn ra cho các em tự luyện tập, cần lưu ý hư hỏng trong quá trình luyện tập để phòng tránh.

- Các tiêu chuẩn, điều kiện đánh giá thành tích học tập được quy định cụ thể và công bố cho người học trước khi học.

- Phương pháp dạy học được thiết kế dựa trên sự phát triển của GV và người học thông qua việc đánh giá năng lực của người học qua kết quả thực hiện công việc thực tế và phải có đủ bằng chứng để khẳng định mức độ đạt được.

- Ngoài ra GV cần phải chủ động trong mọi tình huống thay đổi tư duy phù hợp với từng giai đoạn của cuộc sống từ tư duy nhận thức đến tư duy hành động, tích cực trau dồi kiến thức, thông tin trong quá trình giảng dạy để đem lại chất lượng giảng dạy phù hợp với lứa tuổi, đối tượng người học.

Việc lựa chọn phương pháp giảng dạy như thế nào là phù hợp, tiêu chí nào để đánh giá hay nhận biết là phù hợp?

- Thứ nhất, phương pháp đó phải phát huy được tính

chủ động, tích cực của người học trong quá trình tiếp thu, chiếm lĩnh các tri thức và kỹ năng.

- Thứ hai, phương pháp đó phải đảm bảo chuyển tải được những nội dung trọng tâm nhất trong phân mục tiêu bài giảng đã xác định và rèn luyện được những kỹ năng.

- Thứ ba, phương pháp đó phải phù hợp với đối tượng, chương trình, điều kiện cơ sở vật chất hiện có của cơ sở dạy – học.

Mặt khác sự hình thành năng lực thực hiện căn bản phải dựa trên các hoạt động học tập của người học để giải quyết nhiệm vụ học tập, nên quá trình dạy học được thực hiện theo quan điểm dạy học định hướng năng lực thực hiện, lấy người học làm trung tâm, người học thực hiện nhiệm vụ theo các phương án đã lựa chọn để hình thành kỹ năng.

- Tích cực nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực hoạt động dạy – học, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo đúng mục tiêu của Chương trình đổi số quốc gia;

- Cần xác định lại của mục tiêu chương trình môn học/mô đun theo hướng tiếp cận năng lực người học (chuẩn đầu ra hình thành năng lực gì, kiến thức và kỹ năng gì), có thể dạy theo hướng cầm tay chỉ việc, hoạt động dạy – học nghiêm túc nhưng có thể nhẹ nhàng.

- Ngoài ra GV cần phải chủ động dự kiến được các thiết bị, đồ dùng, cơ sở vật chất, vật tư giảng dạy đáp ứng được việc giảng dạy kịp thời đúng đủ, khoa học. Giữa lý thuyết và thực hành mang tính khoa học, tính khả thi, tính logic cao làm sao cho người học nhìn vào nhận biết và thực hiện được.

- Vai trò của GV là cực kỳ quan trọng phải dự kiến được cách thức, phương pháp kiểm tra đánh giá người học một cách toàn diện, phải tận tâm, có trách nhiệm cao, với tinh thần tập thể, phối hợp tốt trong công việc. Do đó người GV dạy nghề phải vừa là nhà sư phạm; vừa là người thợ lành nghề; vừa là nhà khoa học; vừa là nhà hoạt động xã hội.

- GV cần nghiên cứu, khảo sát ý kiến doanh nghiệp để cập nhật, xây dựng giáo trình, giáo án, kế hoạch giảng dạy, phải bảo đảm các yêu cầu về phương pháp, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, tư duy năng lực của HSSV trong quá trình dạy học. Việc xây dựng kế hoạch giảng dạy bảo đảm đủ thời gian để HSSV thực hiện nhiệm vụ học tập, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu, để phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội.

+ Thực hiện nghiêm về việc kiểm tra nề nếp tác phong người học, kiểm tra hoạt động của người học thường xuyên, quản lý và bao quát lớp học tốt.

+ Đảm bảo thực hiện bảo trì và sửa chữa trang thiết

bị thường xuyên và đúng định kỳ một cách khoa học

- Đánh giá năng lực của người học thường xuyên dựa trên kết quả thực hiện công việc thực tế và phải có đủ bằng chứng để khẳng định mức độ đạt được. Các kiến thức, kỹ năng cần trang bị cho người học được xác định rõ ràng. Tự bồi dưỡng để hoàn thiện năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm

- Sau mỗi giải pháp áp dụng khi thực hiện điều có những tiêu chí đánh giá năng lực của người học. Như vậy có thể thấy việc lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp với yêu cầu năng lực người học: Phương pháp này không chỉ chú ý đến tính tích cực hoá cho người học về hoạt động trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp, đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. Phương pháp này có ưu điểm nhấn mạnh vào năng lực vận dụng tri thức, kiến thức của người học tiếp thu được từ người dạy vào thực tiễn; người học chủ động hơn trong học tập, có thể khám phá những kiến thức mới ngoài kiến thức từ người dạy, hình thành thái độ tự học tập, tự nghiên cứu, phát triển tư duy nhận thức - tư duy hành động, hình thành kỹ năng, nhất là kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Tiêu chí so sánh	Dạy học truyền thống	Dạy học phù hợp năng lực người học
Mục tiêu dạy học	- Chung chung, không chi tiết - Kiến thức chủ yếu từ sách giáo khoa - Tập trung vào thành tích thay vì năng lực - Hướng tới việc tiếp thu kiến thức về mặt lý thuyết	- Cụ thể, có thể quan sát và đánh giá được - Kiến thức đến từ sự tự học của người học qua nhiều nguồn tài liệu, sách tham khảo đa dạng - Tập trung vào khả năng thay vì thành tích - Hướng tới việc chung sống, làm việc và giải quyết vấn đề thực tế
Nội dung dạy học	- Gắn liền với khoa học chuyên ngành - Thiết kế chung cho mọi đối tượng người học - Nội dung dạy học thiết kế theo một chiều thông qua sách giáo khoa dùng cho mọi đối tượng người học - Người học có kiến thức nhưng không có khả năng áp dụng thực tế	- Gắn với thực tế, các xu hướng hiện đại - Thiết kế theo mô hình phân hóa trình độ, năng lực của người học - Nội dung được thiết kế theo hai chiều, có độ sâu và trình tự, mô hình học tập đáp ứng năng lực hiện tại của người học - Người học vừa có khả năng ứng dụng, vừa lĩnh hội được tri thức
Phương pháp dạy học	- Giáo viên là trung tâm - Người học tiếp thu thụ động, phụ thuộc vào giáo viên - Giáo viên sử dụng phương pháp truyền thống là thuyết trình	- Người học là trung tâm - Người học chủ động nghiên cứu vấn đề và giải quyết vấn đề - Giáo viên chủ trọng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như thực hành, trải nghiệm, tự học, ...
Hình thức dạy học	Thiên về lý thuyết cho quy mô toàn lớp	Thiên về thực hành theo nhóm nhỏ hoặc đối tượng người học
Đánh giá kết quả học tập	- Dựa trên khả năng thuộc bài - Quá trình đánh giá độc lập với dạy học - Đánh giá định kỳ	- Dựa trên khả năng vận dụng - Quá trình đánh giá tích hợp với dạy học - Đánh giá ở mọi thời điểm
Quản lý dạy học	Chất lượng chú trọng vào nội dung bài dạy	Chất lượng chú trọng vào khả năng của người học
Sản phẩm của dạy học	Người học thụ động, ít có khả năng phân biệt và sáng tạo	Người học tự nên chủ động, tự tin, có tư duy nhận thức, phân biệt và sáng tạo

- Giúp HSSV trao đổi, khơi gợi hứng thú, nhu cầu, cá tính, mở rộng định hướng, nâng cao khả năng thực hành, hợp tác, phân biệt, sáng tạo, phát huy khả năng làm việc cá nhân và tính tự giác của mỗi HSSV, tăng tương tác giữa người dạy - người học. Hình thành kỹ năng đáp ứng những đòi hỏi của thị trường lao động. Cách tiếp cận này nhằm trả lời câu hỏi “Người thầy

muốn người học biết và có thể làm được những gì?” trong qua trình học.

- Nhìn chung, phương pháp lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp với yêu cầu năng lực người học có những điểm vượt trội và khác biệt so với phương pháp truyền thống (*so sánh tại bảng trang...*).

3. Kết quả mang lại

Cùng với sự phát triển Nhà trường, giáo dục nghề nghiệp tại trường sang một trang mới, lớn mạnh lên, đội ngũ GV đã tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, ý thức được vai trò sứ mệnh của mình là góp phần đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho sản xuất, có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Giúp bản thân phát huy khả năng phân tích, đánh giá, liên tưởng, kết hợp với những điều mới để giải quyết những vấn đề đang quan tâm, thắc mắc... từ một vấn đề sẽ mở rộng ra nhiều vấn đề làm phong phú kiến thức cũng như vốn sống chúng ta.

- Lập kế hoạch học rõ ràng, phù hợp với năng lực đối tượng HSSV.

- 100% HSSV đã hoàn thành các chương trình mô đun hàn tại xưởng (*thể hiện qua kết quả học tập của các nghề ở các mô đun hàn*).

Qua nhiều năm làm công tác giảng dạy, cùng với sự giúp đỡ, hỗ trợ của Ban giám hiệu Nhà trường, đồng nghiệp, góp ý của các doanh nghiệp, phụ huynh HSSV, bản thân đã mạnh dạng áp dụng **“Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy tích hợp các mô đun hàn”** tại các lớp thì bản thân thấy hiệu quả nâng cao chất lượng tay nghề HSSV rất cao, thúc đẩy tư duy nhận thức, sự sáng tạo, đam mê, tìm tòi về việc học nghề của HSSV, giúp HSSV làm quen, tiếp cận với môi trường sản xuất thực tế bên ngoài xã hội.

4. Bài học kinh nghiệm rút ra hoặc đề xuất triển khai áp dụng

Qua các giải pháp thực hiện trong đề tài tôi rút ra những bài học kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng tạo tại nghề tại Trường ta như sau:

- Trong quá trình thực hiện đề tài bản thân đã học được nhiều kiến thức bổ ích từ việc nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, được trải nghiệm từ thực tế. Có thái độ sống tích cực, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau để đạt hiệu quả cao trong công việc, trong học tập, vì lợi ích chung, lắng nghe ý kiến của mọi người; biết chia sẻ những thuận lợi, khó khăn vướng mắc trong công việc; tin tưởng và đặt niềm tin vào người khác; sẵn sàng góp ý trên tinh thần trách nhiệm.

- Tạo cho GV và HSSV có tính chủ động, tư duy nhận thức, sáng tạo, tạo ra một góc nhìn khác, tăng tương tác

giữa GV và HSSV nhiều hơn trong hoạt động dạy – học. Tuy nhiên do đối tượng HSSV có những em tư chất và năng lực rất kém và thái độ hợp tác của người học còn chưa cao do ý thức học nghề chưa cao, còn lười luyện tập rèn luyện kỹ năng.

- Bên cạnh đó, công tác phối hợp đào tạo gắn với giải quyết việc làm giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp chưa được thực hiện một cách chặt chẽ. Một số chủ doanh nghiệp thậm chí còn từ chối việc nhận HSSV các lớp đào tạo nghề đến thực hành, thực tập tại doanh nghiệp vì chưa đủ tuổi lao động, sợ ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Nghiên cứu, bổ sung chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn, tiếp cận chuẩn của các nước phát triển trong khu vực ASEAN và thế giới.

- Tạo sự chuyên biến mạnh mẽ trong nhận thức của người học, gia đình và xã hội về ý nghĩa của việc học nghề, kỹ năng nghề trong tiếp cận việc làm, nâng cao thu nhập.

KẾT LUẬN

Đề tài **“Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy tích hợp các mô đun hàn”** là một vấn đề mới, đòi hỏi bản thân GV chúng ta tự nghiên cứu nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực sự phạm phù hợp, đáp ứng với yêu cầu mới. Đề việc thực hiện hướng đánh giá phát triển năng lực của HSSV nhằm đảm bảo được chất lượng của việc giảng dạy, thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện phẩm chất nhân cách, đạo đức, đào tạo người có năng lực giải quyết các tình huống và nghề nghiệp một cách sinh động, nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp với năng lực người học, lấy người học làm trung tâm, làm chủ thể của hoạt động giảng dạy, học tập là một trong khâu then chốt, quyết định đến chất lượng giáo dục, đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực của cơ sở đào tạo, khẳng định vị thế của cơ sở đào tạo trong xu thế cạnh tranh, hội nhập.

Cần chú trọng đến sản phẩm đầu ra, không chỉ là kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn là khả năng vận dụng, ứng dụng những kỹ năng, năng lực được học để đáp ứng yêu cầu, nhu cầu của xã hội và hoàn thành tốt công việc đảm nhiệm.

Trên đây là một số giải pháp áp dụng trong đề tài **“Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy tích hợp các mô đun hàn”** trong công tác giảng dạy phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo, phù hợp với năng lực người học giúp tiếp cận môi trường làm việc thực tiễn sản xuất của doanh nghiệp. Chúng ta cần mạnh dạng chuyển sang tổ chức đào tạo nghề theo năng lực thực hiện. Điều này không chỉ giúp ngày càng nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động mà còn góp phần từng bước khẳng định sự

phát triển mạnh mẽ và bền vững. Cần sự quan tâm của chính quyền địa phương để đầu tư trang thiết bị đầy đủ hiện đại, cơ sở vật chất, mô hình ảo ... trong hoạt động dạy – học.

Đây mạnh áp dụng các công nghệ tiên tiến, khoa học kỹ thuật hiện đại trong giảng dạy, tiếp cận sản xuất. Bản thân đã có nhiều động viên, đóng góp ý kiến khích lệ của đồng nghiệp và cá nhân đã mạnh dạn phát huy Sáng kiến kinh nghiệm, đưa vào ứng dụng.

Kiến nghị:

- Với các bậc phụ huynh, đồng hành cùng GV, Nhà trường hãy yêu thương HSSV, làm bạn với các em, hiểu, chăm sóc, uốn nắn chúng.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, người sử dụng lao động.

- Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư, tăng ngân sách Nhà nước cho cơ sở Giáo dục nghề nghiệp hàng năm. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế đầu tư cho cơ sở Giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ động, mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và các nước, các tổ chức quốc tế; đẩy mạnh đàm phán, ký kết, triển khai các thỏa thuận, chương trình hợp tác với đối tác quốc tế, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam trong việc hỗ trợ cơ sở Giáo dục nghề nghiệp, HSSV nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

Trên đây là một số ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm trong bộ môn cơ khí chế tạo Khoa Cơ khí – Xây dựng nhằm đưa ra một số giải pháp phát triển phẩm chất, năng lực sáng tạo, tư duy nhận thức đến tư duy hành động, chủ động giải quyết vấn đề, phù hợp.

Mặc dù đã có nhiều chuyển biến về kết quả giáo dục đào tạo nghề tại trường khi tôi vận dụng đề tài nhưng không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Rất mong sự góp ý của quý thầy cô, Ban Giám hiệu để đề tài đạt được hiệu quả cao hơn, hoàn thiện hơn, để bản thân tôi có thêm điều kiện để có thể tiếp tục mở rộng, nghiên cứu các đề tài khác trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1].Nguyễn Hưng. “Phát triển tiêu chuẩn nghề từ mô hình đào tạo phối hợp”. Giáo dục&Thời đại, pp. (29/04/2017).

[2].Trần Lê Hữu Nghĩa, Dạy và học theo quan điểm học suốt đời, 2008.

[3].<https://gdnn.edu.vn/index.php/giao-duc-nghe-nghiep/vai-tro-cua-nha-giao-trong-su-nghiep-doi-moi-giao-duc-nghe-nghiep-41.html> © Chuyên trang Giáo dục nghề nghiệp.

[4].<https://vinschool.edu.vn/tin-giao-duc/day-hoc-phan-trien-nang-luc/>

CẢI TIẾN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

PHÒNG THỰC HÀNH ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG

Phan Thanh Nhi

Giảng viên Khoa Điện - Điện tử

Email: thanhnhicdn@gmail.com.vn

TÓM TẮT

Bài viết xoay quanh vấn đề cải tiến và nâng cao chất lượng Phòng thực hành Điện tử dân dụng (PTH ĐTDD) của Trường Cao đẳng Tiền Giang để việc giảng dạy và thực hành được thuận tiện hơn. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, khảo nghiệm thực tế và tổng kết thực tiễn, người viết đề xuất cải tiến 3 nội dung: bố trí nơi thực hành, không gian, các thiết bị, dụng cụ cho hợp lý với đặc thù của nghề điện tử. Mục tiêu hướng đến của việc đề xuất giải pháp là xây dựng phòng thực hành có không gian thoáng mát, dễ tiếp thu kiến thức, điều kiện thực hành thuận lợi. Từ đó, rèn luyện kỹ năng tay nghề cho học sinh, sinh viên (HSSV) sát thực tế doanh nghiệp đúng với phương châm Trường Cao đẳng Tiền Giang đề ra “chuẩn mực, chất lượng, hiệu quả” cả trong hiện tại và tương lai.

Từ khóa: cải tiến, nâng cao, phòng thực hành Điện tử dân dụng

MỞ ĐẦU

Phòng thực hành Điện tử dân dụng được hình thành và phát triển nhiều năm từ Trường Dạy Nghề Tiền Giang nay là Cao đẳng Tiền Giang (2003 - 2024). Với những thay đổi trong quá trình đó và tốc độ phát triển nhanh của lĩnh vực điện tử, vị trí và chất lượng thực hành cũng phải nâng cao. (1) Để tạo điều kiện thực hành tốt nhất, đa phần là trung cấp; (2) Bố trí lại không gian dạy - học thân thiện, học sinh sinh viên tích cực và sáng tạo trong việc học của bản thân; (3) Sắp xếp dụng cụ, linh kiện điện tử hiệu quả tiết kiệm thời gian và tìm kiếm trong hoạt động dạy nghề.

Là phòng thực hành với nhiều mô đun được giảng dạy nên việc cải tiến, nâng cao cần thực hiện hơn sao cho tiệm cận với thực tế doanh nghiệp.

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, hiện trạng Phòng thực hành sau nhiều năm hoạt động

Trong quá trình hoạt động với thời gian dài, PTH ĐTDD đã lạc hậu so với tốc độ phát triển của nghề điện tử. Cụ thể là: (1) Bàn thực hành không đúng chuẩn với nghề. (2) Thiết bị giảng dạy bố trí chưa hợp lý. (3) Chưa loại bỏ các vật tư không cần thiết. (4) Bảo dưỡng mô hình thực hành chưa hiệu quả và thường xuyên.

Quản lý Phòng thực hành khảo sát những điểm thuận lợi và khó khăn sau đây:

(1) Sự đồng thuận, ủng hộ của lãnh đạo Khoa và Bộ môn cũng như giảng viên là yếu tố hết sức then chốt để đạt hiệu quả cao.

(2) Sự quan tâm của bộ phận quản lý thiết bị

Bên cạnh những thuận lợi, Phòng còn những khó khăn cần có giải pháp khắc phục:

(1) Thiếu sự đồng bộ giữa đào tạo nghề kết hợp doanh nghiệp.

(2) Đại bộ phận người học chưa có ý thức tự giác trong việc giữ gìn, bảo quản vật tư cũng như thiết bị, dụng cụ thực hành.

(3) Kinh phí cho việc sửa chữa, bảo dưỡng hàng năm còn hạn hẹp.

Từ những nhận định về sự thuận lợi - khó khăn trên cộng với sự quyết tâm để thay đổi môi trường làm việc đáp ứng với yêu cầu đào tạo hiện nay. Tác giả đã áp dụng một số giải pháp để quản lý PTH ĐTDD.

2. Mô hình, giải pháp cải tiến mà bản thân áp dụng

2.1. Khảo sát kích thước phòng học

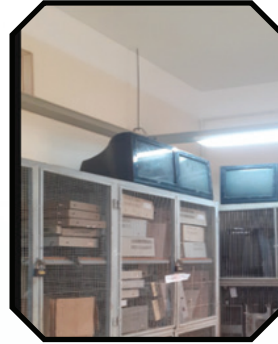
Đặc thù của PTH ĐTDD nằm gần thang máy nên bị hẹp so với các phòng thực hành khác, đồng nghĩa với việc sẽ bị mất một phần ánh sáng từ hướng Đông, nên tận dụng tối đa ánh sáng ở hướng Tây.



Ánh sáng hướng Tây đã bị che khuất ngay cửa sổ



Ánh sáng hướng Tây đã được tận dụng tốt



Ánh sáng hướng Đông đã bị chắn bức tường thang máy



Sơn lại tủ màu trắng tăng ánh sáng cho hướng Đông

2.2. Khảo sát các bàn học thực hành cũ



Chiều cao của bàn cao hơn thể hình của người bình thường

Bàn thực hành cũ cao hơn so với chiều cao của người học bình thường nên khó khăn trong khi thực hành.

Tác giả đã tận dụng các bàn cũ của cơ sở khác chuyển về để cải tạo lại và sử dụng.



2.3. Thiết kế lại màn hình



Màn hình treo không hợp lý

Màn hình treo trên cửa sổ bị chắn ánh sáng và không ngay hướng nhìn của người học



Màn hình được bố trí hợp lý

2.4. Thực hiện việc sơn lại các tủ đựng dụng cụ, thiết bị thực hành

Các tủ đựng dụng cụ, thiết bị qua nhiều năm sử dụng đã bị rỉ sét, màu sơn tối



Các tủ đã sơn lại màu trắng

Sơn tủ màu trắng sáng để tăng tuổi thọ.

2.5. Sắp xếp dụng cụ, thiết bị thực hành cho ngăn nắp

Thực hiện sắp xếp dụng cụ, thiết bị thực hành theo từng mô đun giảng dạy.

2.6. Thực hiện việc cải tiến lại 1 mô hình thực hành



Mô hình thực hành sửa chữa máy tính ít sử dụng để hư hỏng



Vệ sinh, kết nối dây bảo quản, bố trí hợp lý tăng tuổi thọ sử dụng.

2.7. Thực hiện việc sửa lại các bàn học thực hành cũ

Các băng ghế cũ bị sút đinh ốc nguy hiểm cho người học, tiến hành gia cố lại chắc chắn.

2.8. Tham khảo ý kiến của các đồng nghiệp

Tham khảo các Phòng thực hành khác có diện tích tương tự để bố trí lại hợp lý.

3. Hiệu quả mang lại

Kết quả bước đầu mang lại tuy chưa tối đa nhưng có các điểm nhấn sau:

- (1) Tạo môi trường làm việc thoải mái, sạch sẽ nâng cao được sức khỏe cho tất cả giảng viên và người học.
- (2) Tạo được ấn tượng tốt cho các đơn vị khác khi đến tham quan và liên hệ công tác.
- (3) Ngăn nắp tại từng vị trí làm việc, tiết kiệm thời gian thực hiện, luôn sẵn sàng cho công việc, giảm thiểu sai sót trong công việc, phát huy sự sáng tạo của giảng viên.
- (4) Tăng hiệu quả công việc, quản lý được việc chưa giải quyết, đang giải quyết, đã giải quyết.
- (5) Nâng cao tính kỷ luật cho toàn thể giảng viên và người học.

(6) Giảm được sự xuống cấp của các công cụ, máy móc phục vụ cho công việc cũng như hạ tầng của Phòng thực hành.

(7) Đảm bảo an toàn cho nơi làm việc, giảm thiểu những sự cố xảy ra.

(8) Tiệm cận và xác lập môi trường thực tế doanh nghiệp



Trước cải tiến



Sau cải tiến

4. Bài học kinh nghiệm rút ra

(1) Việc cải tiến phòng thực hành luôn phải xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và phát huy hiệu quả sử dụng Phòng thực hành bộ môn.

(2) Qua áp dụng sáng kiến lần này bản thân nhận ra cần áp dụng nhiều hơn nữa vào thực tế nhằm nâng cao khả năng sáng tạo và áp dụng khoa học kỹ thuật tiến bộ vào cuộc sống, vào công việc hơn.

(3) Trong công việc dạy học khi áp dụng sáng kiến sẽ nâng cao chất lượng dạy học.

(4) Tạo cho người học sự thoải mái trong học tập hơn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của trường.

(5) Trong hoàn cảnh phải tiết kiệm tài chính như hiện nay cần có nhiều giải pháp cải tiến như trên nhằm tiết kiệm tối đa chi phí đào tạo.

(6) Tuy nhiên khi mới áp dụng vào nhà trường, trong

quá trình thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, ngoài khó khăn trong việc xây dựng chương trình hành động, các điều kiện về cơ sở vật chất cũng khó đáp ứng được việc thay đổi ngay lập tức thói quen của giảng viên và người học.

(7) Cuối cùng, sự chuyên tâm trách nhiệm của giảng viên luôn là việc cần thiết và cần làm, đặc biệt là giảng viên quản lý Phòng thực hành.

KẾT LUẬN

Trong báo cáo khoa học của mình, người viết đã trình bày 4 nội dung chính gồm: (1) Đặc điểm, hiện trạng của Phòng thực hành Điện tử dân dụng qua 22 năm hoạt động; (2) Cải tiến, nâng cao chất lượng phù hợp với thực tế ; (3) Kết quả bước đầu mang lại khi áp dụng; (4) Rút ra bài học kinh nghiệm để có hướng đi tiếp theo.

Nội dung trình bày trong báo cáo khoa học này được người viết khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn những năm qua để đề xuất biện pháp cần tập trung thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng Phòng thực hành, chất lượng công việc có chiều sâu góp phần nâng tầm Trường Cao đẳng Tiền Giang trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Hương, Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp, Báo cáo khoa học: “Cải tiến Phòng thực hành Trang bị điện”.

2. Lê Thanh Hải, Trường Cao đẳng Tiền Giang - Giải pháp áp dụng 5S tại Phòng thực hành Đo lường điện nhằm tạo môi trường giảng dạy học tập tốt hơn.

3. Tạp chí Khoa học Việt Nam trực tuyến, Xây dựng phòng thực hành lắp đặt hệ thống điện giúp nâng cao chất lượng đào tạo nghề điện công nghiệp.

4. Đại học Lạc Hồng, Hoàn thiện phòng thực hành – nâng cao chất lượng đào tạo.



ỨNG DỤNG SẢN PHẨM SINH VIÊN TRONG DẠY NGHỀ VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ CHO DOANH NGHIỆP

Phan Văn Ý

Giảng viên Khoa Điện - Điện tử

Email: yphanvan76@gmail.com

TÓM TẮT

Trong bài viết này tác giả nghiên cứu tận dụng sản phẩm làm đồ án của sinh viên để tái sử dụng lại làm mô hình dạy học và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp bằng phương pháp nghiên cứu xây dựng dựa trên cơ sở về lý thuyết, khảo sát thực tế và tổng kết nghiên cứu những mô hình của tác giả đã trải nghiệm trước đây. Mục tiêu Phát triển thành nhiều mô hình thực hành trang bị điện trong xưởng và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp nhằm tiết kiệm được vật tư, nâng cao chất lượng đào tạo của trường và tạo thương hiệu nhà trường cho các doanh nghiệp bên ngoài.

MỞ ĐẦU

Muốn đào tạo cho sinh viên ra trường đạt được về kiến thức và kỹ năng nghề đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp thì trường dạy nghề phải đảm bảo tốt về trang thiết bị và vật tư thực hành. Để đảm bảo được kinh phí đào tạo vừa đạt được chất lượng và tiết kiệm được chi phí đào tạo thì nhà trường phải tận dụng được những sản phẩm của sinh viên khi thực hành để tái sử dụng làm mô hình dạy học cho những khóa sau ngoài ra còn đưa ra thị trường để phục vụ cho các doanh nghiệp. Tạo động lực thúc đẩy sáng tạo khởi nghiệp cho sinh viên, tạo thu nhập cho sinh viên ngay từ khi còn đang học trong trường, Ứng dụng sản phẩm sinh viên chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong sáng kiến cải tiến này tác giả trình bày được những nội dung như sau: Thực trạng đặc điểm, những thuận lợi của Trường Cao đẳng Tiền Giang; Những giải pháp và mối tương quan giữa nhà trường và doanh nghiệp để tháo gỡ những hạn chế mà trường chưa mở rộng để ứng dụng những sản phẩm của sinh viên; Kết quả mang lại, đề xuất ứng dụng sáng kiến cải tiến này trong cộng đồng.

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, thực trạng

Hiện tại Giảng viên khoa Điện –Điện tử của Trường Cao Đẳng Tiền Giang có trình độ và khả năng nghiên cứu sáng tạo rất cao về phía sinh viên có một số em có khả năng sáng tạo và tay nghề cũng khá tốt dưới sự hướng dẫn của giảng viên sẽ tạo ra được sản phẩm để ứng dụng làm mô hình dạy học trong Trường Cao đẳng Tiền Giang và chế tạo ra những máy tự động hóa phục vụ sản xuất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. (1) Về phía doanh nghiệp: Hiện tại cũng rất cần sự hỗ trợ về kỹ thuật từ đội ngũ giảng viên và sinh viên của trường ta để nâng cấp một số thiết bị từ thủ công hoặc bán tự động trở thành tự động hoàn toàn để tăng năng suất và giảm nhân công lao động nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm để đủ sức cạnh tranh với thị trường. doanh nghiệp là nơi sử dụng nhân lực và nơi tạo điều kiện cho người học có thể thực hiện “học đi đôi với hành”. (2) Về phía Trường Cao đẳng Tiền Giang: Qua những việc làm trên tạo uy tín và quản bá thương hiệu cho trường ta, tạo cơ hội cho việc tuyển sinh của trường ta ngày càng được thuận lợi hơn đồng thời các doanh nghiệp rất tin tưởng sản phẩm đào tạo của Trường Cao đẳng Tiền Giang. Việc sử dụng lại các sản phẩm của sinh viên làm mô hình giảng dạy trong nhà trường nhằm thuận lợi cho giáo viên giảng dạy phù hợp với giáo trình đã biên soạn, khắc phục được hạn chế những mô hình thuộc thể hệ cũ mà nhà trường đã mua ngoài thị trường, tạo điều kiện cho học sinh sinh nâng cao tay nghề và có nhiều ý tưởng khởi nghiệp.

2. Giải pháp đã áp dụng

Trước những tình hình đặc điểm, thực trạng và những thuận lợi của trường Cao đẳng Tiền Giang và nhu cầu của doanh nghiệp đã nêu trong phần 1 (đặc điểm, hiện trạng), để thực hiện được việc ứng dụng sản phẩm sinh

viên làm mô hình dạy học và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp theo tôi cần có những giải pháp sau:

(1) *Giải pháp đối với ứng dụng sản phẩm của sinh viên làm mô hình dạy học tại Trường Cao đẳng Tiền Giang*

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo mô đun trang bị điện cho các nghề đào tạo thuộc Khoa Điện – Điện tử, các mô hình hiện có và yêu cầu thực tế của quá trình giảng dạy, tác giả đã tìm hiểu, nghiên cứu mô hình qua nhiều năm giảng dạy có những ưu điểm và hạn chế gì từ đó tận dụng sinh viên học môn đồ án môn học hướng dẫn sinh viên chế tạo ra mô hình thực hành trang bị điện với nhiều điểm cải tiến và đưa vào áp dụng giảng dạy thử nghiệm tại một số lớp ở cả hai cấp trình độ trung cấp và cao đẳng..

Nghiên cứu những bài thực hành trong giáo trình giảng dạy, hình thức tổ chức và tính sư phạm khi học sinh sinh viên luyện tập trên những mô hình hiện có trong xưởng của trường.

Tìm hiểu các thiết bị công nghệ mới có giá thành rẻ, phù hợp với thực tiễn để tìm và thay thế sửa chữa và nâng cấp khi có thay đổi về chương trình giảng dạy và ứng dụng các phương pháp sư phạm công nghệ mới đưa vào trong giảng dạy.

Thiết kế bảng vẽ thi công lắp đặt các thiết bị, kết nối các mô đun hoàn chỉnh mô hình đưa vào sử dụng.

(2) *Giải pháp đối với ứng dụng sản phẩm của học sinh sinh viên chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp*

Tạo ra nhóm chuyên nghiên cứu khoa học kỹ thuật và có khả năng tạo mối quan hệ tốt với các hộ kinh doanh, doanh nghiệp qua đó nghiên cứu các thiết bị máy móc dùng sản xuất trong doanh nghiệp còn thủ công, bán tự động từ đó tư vấn cho hộ kinh doanh, doanh nghiệp cải tiến nâng cấp lên với giá thành phù hợp để giúp cho hộ kinh doanh, doanh nghiệp hạn chế được nhân công nhưng nâng cao năng xuất.

Liên hệ với doanh nghiệp để cho học sinh sinh viên thực tập khi đang học các mô đun trong chương trình đào tạo nhằm tiết kiệm vật tư và giúp cho học sinh sinh viên có nhận thức tư duy sáng tạo tiếp xúc với thực tế nâng cao tay nghề từ đó tạo cho học sinh sinh viên có những ý tưởng đổi mới sáng tạo kỹ thuật dễ dàng hơn.

Tổ chức những buổi tham quan trải nghiệm tại các doanh nghiệp và hội thảo tư vấn tạo tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, định hướng phát triển nghề nghiệp cho người học.

3. Kết quả mang lại

Hiệu quả về mặt kinh tế : Thông qua hoạt động ứng dụng trên đã tạo ra sản phẩm hàng hóa dịch vụ với giá thành thấp phù hợp đảm bảo chất lượng; đồng thời giảm chi mua vật tư thực hành cho nhà trường; giúp học sinh, sinh viên có thu nhập trong quá trình thực tập.

Trong những năm qua có ý tưởng của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên đã cải tiến tạo ra sản phẩm như: (1) Chế tạo 4 mô hình thực hành trang bị điện tặng lại cho Khoa Điện – Điện tử hiện đang sử dụng tại xưởng thực hành trang bị 2 của Trường Cao đẳng Tiền Giang áp dụng cho trình độ trung cấp và cao đẳng bước đầu sử dụng cho thấy đem lại hiệu quả về mặt kinh tế rất lớn, tiết kiệm được vật tư rất nhiều, mỗi học kỳ chỉ mua rất ít vật tư để bổ sung, sửa chữa nhỏ. Qua áp dụng tái tạo sản phẩm của sinh viên cho thấy sản phẩm đào tạo của Trường Cao đẳng Tiền Giang rất có hiệu quả tạo mang lại nhiều lợi ích về kinh tế xã hội đặt biệt là chất lượng tay nghề cho sinh viên khi ra trường như: Giúp cho học sinh có thái độ tự học tự duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thẩm mỹ, an toàn đạt hiệu quả cao khi ra trường đi công tác tại các cơ quan doanh nghiệp.



Sản phẩm của sinh viên tặng lại cho khoa điện điện tử làm mô hình dạy học



Sản phẩm của sinh viên tặng lại cho khoa điện điện tử làm mô hình dạy học

(2) Hai ý tưởng của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giáo viên đã cải tiến tạo ra 2 sản phẩm là thiết kế chế tạo tủ điện điều khiển máy rửa bình tự động dùng công nghệ mới đã chuyển giao cho Doanh nghiệp Suối Xanh tại tiền giang, đã đem lại năng suất rất cao 300 bình/ giờ tiết kiệm được nhân công lao động, nếu sử dụng thủ công không dùng công nghệ mới thì năng suất khoảng 100 bình/ một giờ. Mô hình “thiết bị thang vận hành hàng hóa” đã chuyển giao cho doanh nghiệp album Đức Hiệp tại Mỹ Tho giúp cho doanh

ngành vận chuyển hàng hóa dễ dàng giảm nhân công lao động nâng cao năng suất tạo nhiều sản phẩm đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp rất cao.



Hình ảnh sinh viên tạo ra sản phẩm cho doanh nghiệp

Hiệu quả về mặt xã hội: Quảng bá thương hiệu, nâng cao uy tín nhà trường tới các doanh nghiệp biết tới qua các sản phẩm của học sinh sinh viên được chuyển giao cho doanh nghiệp; Tạo việc làm cho học sinh sinh viên khi ra trường, giúp cho học sinh sinh viên có thái độ tự học tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thẩm mỹ, an toàn đạt hiệu quả cao khi ra trường đi công tác tại các cơ quan doanh nghiệp; Rèn luyện cho sinh viên có tác phong công nghiệp cao, tính cẩn thận khi thao tác; Giúp cho sinh viên có tinh thần phối hợp trao đổi kỹ thuật khi làm việc nhóm.

4. Đề xuất triển khai áp dụng

Mô hình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp là một mô hình hợp tác phổ biến trong nước và trên thế giới. Sự hợp tác này tác động rất tích cực tới hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học và đã không ngừng nâng cao chất lượng cho người học như: Giúp sinh viên tư duy sáng tạo tiếp cận các thiết bị thực tế, có được kiến thức tổng hợp của nghề mình học khi ra trường và ứng dụng những sản phẩm đồ án của sinh viên để làm mô hình giảng dạy mô đun nhằm tiết kiệm vật tư giảng dạy nâng cao chất lượng đào tạo. Do đó tác giả đề xuất Ban Giám hiệu nhà trường xây dựng và ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động ứng dụng sản phẩm sinh viên trong dạy học, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo của học sinh sinh viên và giảng viên.

KẾT LUẬN

Trong báo cáo khoa học của mình, người viết đã trình bày 4 nội dung chính gồm: (1) Đặc điểm, thực trạng; (2) Giải pháp đã áp dụng; (3) Kết quả mang lại; (4) Đề xuất triển khai áp dụng.

Mô hình ứng dụng sản phẩm của sinh viên làm mô hình giảng dạy và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp đã đề cập đến tầm quan trọng, sự cần thiết hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, một số yếu tố cơ bản trong hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp đồng thời đề xuất trách nhiệm của mỗi bên trong bối cảnh mới hiện nay. Nêu lên được nhu cầu cần thiết của doanh nghiệp trong cải tiến đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất tiết kiệm nhân công lao động. mô hình này nếu được sự ủng hộ cao của cấp lãnh đạo và hoạt động có tổ chức có đầu tư thì sẽ mang lại hiệu quả rất cao cho nhà trường về mặt giáo dục đào tạo, xã hội và kinh tế. Sự hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp chính là sự hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ, chức năng của mỗi bên, của nhà trường là giáo dục, sáng tạo ra tri thức và của doanh nghiệp là sử dụng tri thức.

Với nội dung giải pháp tác giả trình bày ứng dụng sản phẩm sinh viên làm mô hình giảng dạy và chuyển giao cho doanh nghiệp đã có áp dụng thực tiễn đem lại hiệu quả cao nên đề nghị nhà trường nhân rộng nhằm giảm bớt kinh phí đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học và thúc đẩy sáng tạo khởi nghiệp cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trang bị điện – Điện tử công nghiệp – Vũ Quang Hồi, NXB Giáo dục – 2006.
2. Đào Thu Trang, (2022), Tăng cường hợp tác các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp. Hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh mới, Huế.



(tiếp theo trang 61)

Lovelle, “A Review of Artificial Intelligence in the Internet of Things,” Int. J. Interact. Multimed. Artif. Intell., vol. 5, no. 4, p. 9, 2019, doi: 10.9781/ijimai.2018.03.004.

[3]. M. Nagendran et al., “Artificial intelligence versus clinicians: Systematic review of design, reporting standards, and claims of deep learning studies in medical imaging,” BMJ, vol. 368, pp. 1–12, 2020, doi: 10.1136/bmj.m689.

[4]. Z. Sun, M. Anbarasan, and D. Praveen Kumar, “Design of online intelligent English teaching platform based on artificial intelligence techniques,” Comput. Intell., vol. 37, no. 3, pp. 1166–1180, 2021, doi: 10.1111/coin.12351.

CÁC BƯỚC CƠ BẢN KHI XÂY NHÀ CẤP IV

THEO NGUYÊN TẮC 4W2H

Mạch Xuân Lễ

Giảng viên Khoa Cơ khí Xây dựng

Email: machxuanle@gmail.com

TÓM TẮT

Bài viết xoay quanh vấn đề cần quan tâm khi xây dựng nhà ở cấp IV theo nguyên tắc 4W2H. Từ bài viết này giúp cho chủ nhà kiểm soát được nguồn tài chính để làm được căn nhà như ý muốn – phù hợp với nguồn vốn bản thân bỏ ra.

Sử dụng phương pháp nghiên cứu thực trạng, thực nghiệm và tổng kết kinh nghiệm để viết bài. Từ đây sẽ giải quyết được các thắc mắc của chủ nhà trước khi xây dựng công trình bằng việc áp dụng nguyên tắc “4W2H” vào thực tế thi công thông qua 17 bước cụ thể. Việc thi công công trình dù nhỏ (cấp IV) hay lớn hơn cấp IV đều phải trải qua hầu hết các bước này.

Tác giả mong muốn qua bài viết này sẽ là nguồn tư liệu thiết thực cho các cá nhân, tổ chức tham khảo, lên kế hoạch phù hợp khi áp dụng nguyên tắc 4W2H đạt kết quả cao nhất.

MỞ ĐẦU

“An cư, lạc nghiệp”: là câu nói ví von của ông cha ta từ ngày xưa, đại ý là làm gì thì làm cũng phải có nơi ở ổn định thì mới an tâm làm việc mang lại hiệu quả cao nhất. Việc xây nhà như thế nào là vấn đề lớn cho những ai sẽ làm và đang làm nhà khi phải trả lời nhiều câu hỏi như: Làm nhà kiểu nào, hướng, chiều cao, bao nhiêu phòng, lót gạch, ốp tường, sơn màu ra sao... Và câu hỏi nhức nhối là kiểm soát số tiền trong túi để vừa tầm ngôi nhà mong ước là vấn đề chủ nhà quan tâm nhiều nhất.

Để trả lời các câu hỏi trên thì ta cần làm sáng tỏ các vấn đề trong cụm từ “4W2H”: (4W: What (gì); Which (cái nào, loại nào); Who (ai); When (khi nào) và 2H: How much & how (bao nhiêu và như thế nào).

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, hiện trạng trong việc xây dựng nhà cấp IV hiện nay

Chủ nhà sẽ lúng túng khi bắt đầu công tác chuẩn bị xây nhà qua hàng loạt các câu hỏi như: Làm nhà như thế nào; Cần loại vật tư, vật liệu ra sao; Ai sẽ là thầu thi công chính; Khi nào bắt đầu, khi nào kết thúc; Làm tổng công trình khoảng bao nhiêu tiền; Các bước tiến hành thi công từ phần móng, thân, mái công trình ra

sao...; Nguồn tài chính có đảm bảo để thi công công trình cho đến lúc hoàn thiện, đưa vào sử dụng không...

2. Mô hình “4W2H” đã áp dụng

2.1. Làm rõ 4W

(1) What (gì?)

Việc đầu tiên xây dựng nhà chúng cần trả lời các câu hỏi sau: Chúng ta muốn xây nhà như thế nào? (dài, rộng, cao, hướng nhà...); Có bao nhiêu phòng, mỗi phòng rộng bao nhiêu, có bao nhiêu nhà vệ sinh (chung hay riêng từng phòng), bếp ra sao; Có bao nhiêu cửa (cửa đi, cửa sổ...), sân, hàng rào, cổng rào thế nào...; Chúng ta có bao nhiêu tiền (Nếu thoải mái tài chính thì không bàn còn eo hẹp thì bắt buộc phải gói ghém cẩn thận để xây được nhà như mong muốn)

(2) Which (Cái nào, loại nào?)

Loại nhà chúng ta cần xây dựng để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt là gì, có phù hợp với nhu cầu thực tế gia chủ hay không, có phù hợp với kinh tế thực tế của bản thân đang có hay không. Đó là vấn đề chúng ta cần quan tâm các vấn đề sau:

Bản vẽ thiết kế nhà bao gồm bản vẽ kiến trúc, kết cấu và phối cảnh (việc này thường bỏ qua và giao hoàn toàn cho thầu xây dựng nên thường phát sinh chi phí phụ ngoài mong muốn).

Hợp đồng rõ ràng với thầu xây dựng trong việc giao khoán sau:

- + Chủ nhà lo vật tư còn thầu bao công/m²
 - + Chủ nhà giao hẳn vật tư, công cho thầu theo kiểu “chìa khóa trao tay”, làm xong chủ nhà chỉ việc vào ở.
- Vật tư xây thô cần chọn:
- + Xi măng, gạch, cát, đá đổ bê tông loại nào...
 - + Thép sử dụng loại nào trong các loại kết cấu...
 - + Cửa đi, cửa sổ, cửa nhà vệ sinh, cửa hàng rào bằng vật liệu gì, cấu tạo ra sao...

Vật tư tinh (gạch ốp, lát, la phong, sơn...) phải có bảng tính chi tiết vì vật tư này rất đa chủng loại.

(3) Who (Ai?)

Vấn đề ta cần quan tâm ai sẽ là người trực tiếp thi công, cung cấp vật tư cho công trình:

Ai sẽ là nhà thầu xây dựng công trình (công trình đang thi công mà thay đổi thầu là một phiền phức rất lớn...); Ai cung cấp vật tư thô; Ai cung cấp vật tư tinh;

Ai giám sát thi công công trình cho mình; Ai nhập, bảo quản vật tư ...

(4) When (Khi nào?)

Vấn đề khi nào khởi công, khi nào hoàn thành, khi nào đưa vào sử dụng, bước này thể hiện càng chi tiết thì khả năng kiểm soát tiền tốt:

Phải có bảng tiến độ xây dựng công trình:

+ Yêu cầu nhà thầu cung cấp sau khi chủ đầu tư chọn được nhà thầu.

+ Bảng tiến độ này càng chi tiết càng tốt.

Bảng kế hoạch chi tiền cho thầu (theo tuần hoặc theo khối lượng công việc đạt được so với bảng tiến độ).

Bảng kế hoạch chi trả tiền vật tư theo giai đoạn hạng mục công trình hoặc theo thỏa thuận giữa chủ đầu tư và bên cung cấp vật tư.

2.2. Làm rõ 2H

(1) How much (bao nhiêu?): Dự toán chính xác được số tiền thông qua bản vẽ thiết kế bao gồm vật tư thô, tinh, nhân công, ca máy, trang trí nội thất, ngoại thất... (cho nên bắt buộc có bản vẽ, bảng dự toán công trình, càng chi tiết càng tốt): Đây là phần chủ nhà phải quan tâm từ con số thực trên dự toán đến thực tế ngoài công trình (có thể tăng, giảm)... nên càng biết chính xác số tiền phải bỏ ra để thi công công trình rất tốt để chủ nhà lo liệu số khoản chi cho công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

(2) How (như thế nào?): Là phần thực hành, trình tự các bước thực hiện công trình từ phần móng, phần thân và phần mái của công trình; Các bước có thể tham khảo như sau:

+ Bước 1: Giải phóng mặt bằng, bao gồm tháo dỡ công trình cũ (nếu có).

+ Bước 2: Làm nhà tạm để ở, giám sát công trình, chứa vật tư, gia công các cấu kiện đúc sẵn, gia công kết cấu thép...

+ Bước 3: Tập kết vật tư thô, máy xây dựng.

+ Bước 4: Củng cố động thổ, cắm mốc, căng dây định vị tìm móng.

+ Bước 5: Ép cọc đối với cọc bê tông hoặc đào hố móng đối với móng cừ tràm...

+ Bước 6: Phá đầu cọc (cọc bê tông); Hoặc vệ sinh đầu cừ tràm; gia công cốt thép, cốp pha vữa móng, cốp móng; Đổ bê tông móng, cốp móng; Tháo dỡ cốp pha móng, cốp móng; Lắp đất (cát...) hố móng, đầm chặt; Xây hầm tự hoại (trong hoặc ngoài nhà), đi hệ thống thoát nước, cấp nước sinh hoạt.

+ Bước 7: Gia công, lắp dựng cốt thép, cốp pha đà kiềng, đổ bê tông đà kiềng móng.

+ Bước 8: Xây bó nền; Đổ bê tông giằng tường xây bó nền; San lấp nền (cát, đất...) đầm chặt; Đổ bê tông nền công trình (lưu ý: cos để lát nền sau này).

+ Bước 9: Gia công, lắp dựng cốt thép, cốp pha cột, đổ bê tông cột (xem bản thiết kế để thêm thép neo

tường, giằng tường, thép đà cửa đi, cửa sổ...).

+ Bước 10: Xây tường, đi hệ thống điện, nước âm tường (nếu có theo thiết kế).

+ Bước 11: Lắp cửa sổ, cửa đi, xây chèn cửa sổ, cửa đi; Xây các vách ngăn giữa các phòng; Đổ bê tông giằng tường...

+ Bước 12: Xây tường thu hồi theo độ dốc thiết kế, đổ bê tông tường thu hồi (thêm thép chờ để liên kết xà gồ sau này).

+ Bước 13: Gia công, lắp dựng mái công trình (tuân thủ về cao độ, độ dốc, khoảng cách các xà gồ; Nếu là mái ngói lưu ý thêm cầu phong, li tô...)

+ Bước 14: Công tác hoàn thiện (trát tường, ốp gạch, bả mát tít, sơn, lát nền...)

+ Bước 15: Lắp đặt điện, nước hoàn thiện; Bố trí trang thiết bị nội thất...

+ Bước 16: Tổng vệ sinh, đưa vào sử dụng.

+ Bước 17: Làm các hạng mục bên ngoài công trình như: hàng rào, sân, đường, hệ thống công thoát nước, hệ thống cây xanh, tiểu cảnh...

Ngoài 17 bước trên, ta có thể uyển chuyển giữa các bước để công trình luôn thực hiện đúng, đủ theo tiến độ mà chất lượng luôn đảm bảo và quan trọng hơn cả là tài chính được kiểm soát một cách tốt nhất.

3. Kết quả mang lại và bài học kinh nghiệm khi áp dụng nguyên tắc 4W2H.

3.1. Kết quả mang lại

Đã phát họa được “bản vẽ thiết kế, dự toán” của công trình; Chọn được nhà thầu thi công uy tín; Hoạch định được thời gian thi công công trình theo đúng tiến độ.

Nghiệm thu kỹ thuật từng giai đoạn rõ ràng (ứng vốn trả nhân công, vật tư phù hợp – Bởi vì các công trình do giáo viên và học sinh sinh viên của trường tham gia có một số ít là thợ ở địa phương phụ giúp).

Chủ động trong tất cả các công việc để hoàn thành công trình đúng tiến độ do đã chuẩn bị đầy đủ các “kịch bản” có thể xảy ra trong lúc thi công.

Bản thân giáo viên và học sinh sinh viên của trường đã từng tham gia các công trình thực tế gắn liền “vừa học vừa làm” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang như: Nhà tình thương xã Long Trung (2010); Nhà khăn quàng đỏ ở xã Mỹ Lợi B (2013); Nhà đại đoàn kết xã Mỹ Trung (năm 2014); Nhà tình thương phường 2, Thị xã Cai Lậy (2015)...và nhiều công trình do giảng viên Bộ môn xây dựng đảm nhận và đưa vào sử dụng như mong muốn của địa phương, của người dân, tạo cầu nối giữa nhà trường và các môi liên hệ với xã hội bên ngoài.

3.2. Bài học kinh nghiệm

Liên kết thực tiễn nghề kỹ thuật xây dựng mà giảng viên đang giảng dạy với thực tế thi công công trình, để từ đây gắn kết việc học tập trong nhà trường với thực tế sản xuất việc dạy và học nghề kỹ thuật xây dựng lưu

tâm bằng việc trả lời các câu hỏi trong mô hình 4W2H.

Đặc thù của trường là “cầm tay chỉ việc” nên các bước thực hiện giáo viên cần có một giáo án đặc thù khi tiếp cận thực tế khi thi công công trình, để học sinh sinh viên có cái nhìn tổng quát đến chi tiết công trình đang thi công; Và đây cũng là hành trang cho các em khi tốt nghiệp có thể đảm đương công việc mà các em được học từ nhà trường.

Khi tư vấn, thiết kế công trình cho chủ nhà cần nắm rõ nhu cầu sử dụng công trình mà chủ nhà mong muốn cũng như thời gian khởi công, thời gian hoàn thành; Qui mô công trình để bố trí nhân lực, máy thi công phù hợp.

Biết nguồn tài chính thực có của chủ nhà để đề xuất phương án thiết kế, thi công công trình phù hợp nhất; Lên kế hoạch thi công theo các bước thật phù hợp để công trình đảm bảo đạt được các yếu tố về kỹ thuật, mỹ thuật.

Tư vấn, giới thiệu nhà thầu “đủ tâm, đủ tầm” để chủ nhà có thể tham khảo.

Nếu công trình do giáo viên và học sinh sinh viên trường nhận thi công thì cần lên giáo án thực tế tại công trình; Giáo viên theo sát hướng dẫn, động viên từ những việc nhỏ (cần kỹ năng ít) cho đến việc to (kỹ năng thành thạo) để học sinh sinh viên thích ứng vừa rèn kỹ năng, vừa giúp chủ gia hoàn thành công trình, vừa tiết kiệm vật liệu, nhân công...

4. Đề xuất vận dụng và triển khai trong thực tiễn

Nội dung trình bày trong bài viết áp dụng được với những ai dự định xây căn nhà để an cư, lạc nghiệp mà vốn thì có hạn; Việc kiểm soát tốt nguồn vốn là chìa khóa để chủ nhà an tâm hiện thực hóa căn nhà mà bản thân ấp ủ bấy lâu; Bài viết bao gồm các bước thi công cụ thể, chi tiết góp phần giúp chủ nhà dễ dàng hình dung các công việc sẽ xảy ra trong suốt quá trình thi công công trình, để có thể dự liệu mà áp dụng. Việc thi công nhà cấp IV (đính kèm phụ lục tham khảo dưới bài viết) gắn liền thực tế là hàng năm Bộ môn xây dựng trực thuộc trường thường nhận thi công các công trình với qui mô vừa và nhỏ rất phù hợp với nguyên tắc 4W2H. Đây cũng là dịp cho các bạn vừa học vừa tham gia sản xuất ngoài thực tế công trình.

Với nguồn thu nhập còn bấp bênh như hiện nay, việc xây một ngôi nhà để ở với nhiều người là quá xa xỉ; Để thực hiện được điều này lắm lúc phải tích lũy tiền khá lâu mới thực hiện được... Vậy nên với bài viết này, người có thu nhập thấp an tâm trong việc xây ngôi nhà của mình và sẽ thực hiện được với nguồn vốn được kiểm soát tốt nhất; Bài viết có thể nhân rộng trong đại bộ phận công nhân, người lao động tự do, và đặc biệt là những người muốn có nhà ở mà nguồn vốn thì giới hạn. Bài viết là dịp cho các bạn học sinh sinh viên tham gia sản xuất thực tế bên ngoài trường nhờ vào

các bước thi công cụ thể (phụ lục đính kèm)...các bước này các bạn có thể lòng ghép, thi công trước, sau...uyên chuyên phù hợp thực tế với từng công trình cụ thể...

Phụ lục 1
Phân cấp, phân loại công trình xây dựng
(Ban hành kèm theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ)

Mã số	Loại công trình	Cấp công trình				
		Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
I	Công trình dân dụng	Chiều cao >=30 tầng	Chiều cao 20- 29 tầng	Chiều cao 9 - 19 tầng	Chiều cao 4 - 8 tầng	Chiều cao < 3 tầng
I-1	Nhà ở	a) Nhà chung cư	hoặc	hoặc	hoặc	hoặc
		b) Nhà ở riêng lẻ	tổng diện tích sàn (TĐTS) > 15.000m ²	TĐTS 10.000 - <15.000 m ²	TĐTS 5.000 - <10.000 m ²	TĐTS 1.000 - <5.000 m ²

- Thông tư 05 ngày 9/2/1993 của Bộ xây dựng:
Trích thông tư 05

1. Nhà ở nhiều căn hộ, nhà ở riêng biệt thấp tầng hoặc cao tầng.
Được phân thành 4 cấp (xem bảng 1). Cấp 1 là cấp cao nhất, cấp 4 là cấp thấp nhất.

Cấp nhà và công trình	Chất lượng sử dụng	Chất lượng xây dựng	
		Độ bền vững	Độ chịu lửa
Cấp I	Bậc I: Chất lượng sử dụng cao	Bậc I: Niên hạn sử dụng trên 100 năm	Bậc I, II
Cấp II	Bậc II: Chất lượng sử dụng tương đối cao	Bậc II: Niên hạn sử dụng trên 50 năm	Bậc III
Cấp III	Bậc III: Chất lượng sử dụng trung bình	Bậc III: Niên hạn sử dụng trên 20 năm	Bậc III
Cấp IV	Bậc IV: Chất lượng sử dụng thấp	Bậc IV: Niên hạn sử dụng dưới 20 năm	Bậc V

KẾT LUẬN

Trong báo cáo khoa học của mình, người viết đã trình bày 4 nội dung chính gồm: (1) Đặc điểm, hiện trạng trong việc xây dựng nhà cấp IV hiện nay; (2) Mô hình “4W2H” đã áp dụng; (3) Kết quả mang lại và bài học kinh nghiệm khi áp dụng nguyên tắc 4W2H; (4) Đề xuất vận dụng và triển khai trong thực tiễn.

Nội dung trình bày trong báo cáo khoa học này được người viết. Sử dụng phương pháp nghiên cứu thực trạng, thực nghiệm và tổng kết kinh nghiệm để viết bài./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nghị định 209/2004/NĐ – CP ngày 16-12-2004:
Trích phụ lục 1 của nghị định 209/2004/NĐ – CP ngày 16-12-2004.



MÔ HÌNH CÂN CẤP, THỬ KÍN, HÚT CHÂN KHÔNG VÀ NẠP GAS HỆ THỐNG LẠNH

Lý Hoàng Phúc
 Trường Cao đẳng Tiền Giang
 Email: phuclh@tgc.edu.vn

TÓM TẮT

Bài viết nhằm nghiên cứu phương pháp để giúp học viên học nghề rèn luyện và cải thiện khả năng thực hành giống với các tình huống thực tế. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, khảo nghiệm thực tế và tổng kết thực tiễn, người viết đề xuất 2 nội dung chủ yếu. Mục tiêu hướng đến của việc đề xuất giải pháp là nhằm: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề ở Trường Cao đẳng Tiền Giang. Khuyến khích duy trì và mở rộng phong trào nghiên cứu khoa học của giảng viên tại Trường Cao đẳng Tiền Giang.

Từ khóa: Cân cấp, thử kín, hút chân không, nạp gas.

MỞ ĐẦU

- Việc giảng dạy, nhất là giảng dạy các mô đun tại các phòng thực hành. Yêu cầu bắt buộc đối với học viên sau khi học xong bất kỳ một mô đun nào đó là:

+ Phải nắm vững các kỹ năng thực hành cơ bản của mô đun.

+ Áp dụng các kỹ năng được học tại trường để xử lý các tình huống thực tế khi đi làm bên ngoài.

- Khi học viên thao tác trên các mô hình có tính chất tương tự với điều kiện thực tế bên ngoài, học viên sẽ rèn luyện và tích lũy được khả năng xử lý các tình huống thực tế. Đây chính là nguyên nhân để tác giả hình thành ý tưởng và đưa ra mô hình này.

NỘI DUNG

1. Đặc điểm, thực trạng vấn đề giảng dạy tại phòng thực hành máy lạnh dân dụng và thương nghiệp.

- Trong những năm qua, công tác giảng dạy mô đun Lạnh cơ bản; Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp; Thiết bị hệ thống lạnh tại phòng thực hành máy lạnh dân dụng và thương nghiệp tương đối tốt. Tuy nhiên, việc áp dụng thực hiện trên mô hình vẫn còn tồn tại một số vấn đề sau:

+ Rất khó để thao tác trực tiếp trong việc thay thế, tác động trực tiếp lên mô hình vì dễ gây hư hỏng.

+ Các kỹ năng học viên chỉ thực hiện theo các kết nối có sẵn trên mô hình, chưa giống với các tình huống thực tế bên ngoài. Điều này sẽ khiến học viên ngỡ ngàng khi tiếp xúc với các tình huống thực tế bên ngoài.

+ Công tác bảo trì, sửa chữa gây tốn kém.

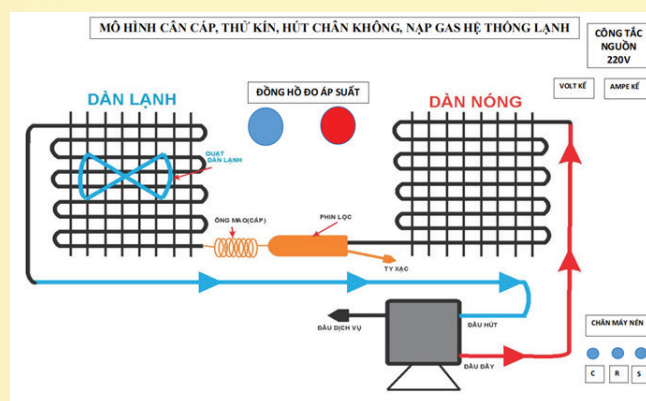
Vì vậy, để khắc phục những hạn chế trên, tác giả đã nghiên cứu và thực hiện mô hình cân cấp, thử kín, hút chân không và nạp gas hệ thống lạnh.

2. Giải pháp đã được áp dụng

- Căn cứ vào mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo mô đun Lạnh cơ bản; Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp; Thiết bị hệ thống lạnh, các mô hình hiện có được trang bị tại phòng thực hành và thực tế yêu cầu giảng dạy. Tác giả đã tìm hiểu, nghiên cứu và thực hiện “MÔ HÌNH CÂN CẤP, THỬ KÍN, HÚT CHÂN KHÔNG, NẠP GAS HỆ THỐNG LẠNH” để áp dụng cho các bài khác nhau của mô đun Lạnh cơ bản; Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp.

- Các kỹ năng thực hành sẽ được học viên thao tác thực tiếp trên mô hình. Vừa đảm bảo an toàn, vừa giúp cho người học tiếp xúc trực quan với các thiết bị thực tế. Qua đó giúp người học tự tin thực hiện các kỹ năng và có thể rèn luyện để nâng cao các kỹ năng để đáp ứng các tình huống giống với thực tế.

- Bên cạnh đó các thiết bị trên mô hình có thể dễ dàng đo kiểm tra, thay thế, sửa chữa.

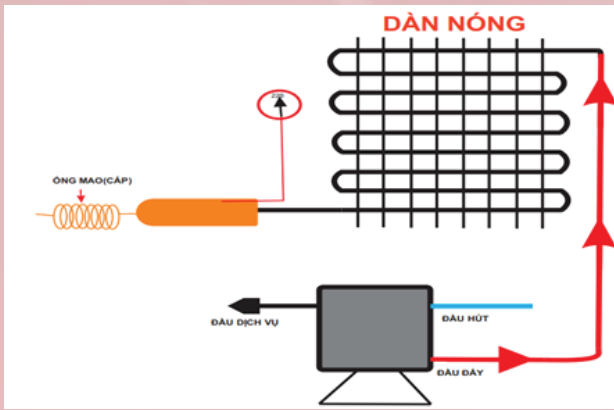


Hình 1. Sơ đồ bố trí thiết bị trên mô hình

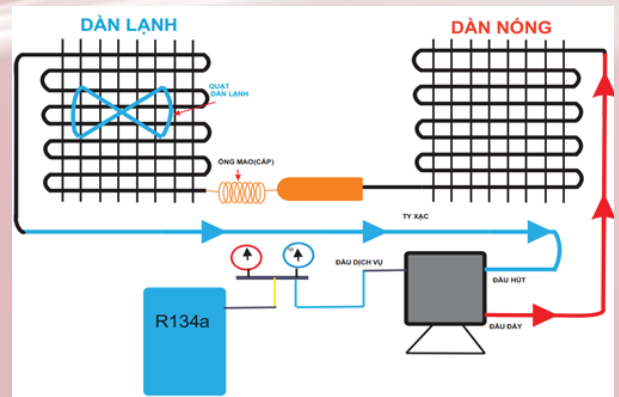
* Các bài tập ứng dụng trên mô hình:

1. Gia công ống trong sửa chữa lạnh
 - Loe ống (kết nối ống vào các van chặn)
 - Hàn kết nối ống (thay dàn nóng, máy nén, phin lọc...)
2. Đo kiểm tra và lắp mạch khởi động máy nén
3. Cân cấp hệ thống (bao gồm cân cấp kín và cân cấp hở)

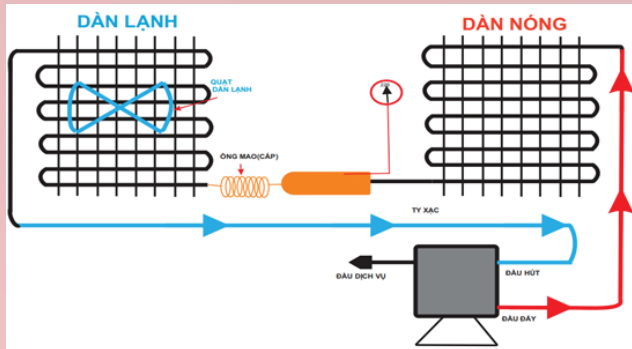
Nạp gas cho hệ thống lạnh thực tế



Hình 2. Cân cấp hồ hệ thống lạnh

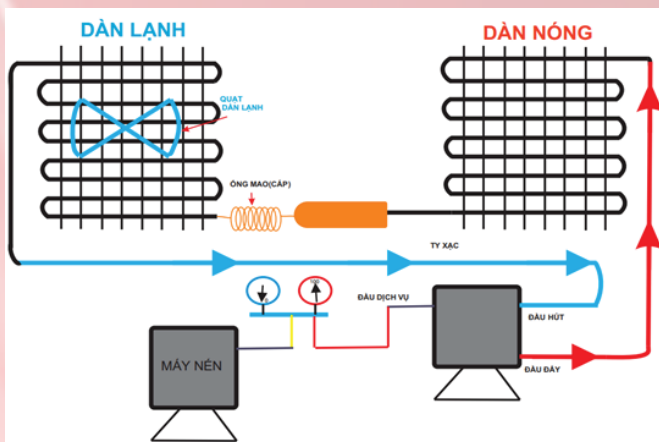


Hình 6. Nạp gas cho hệ thống lạnh



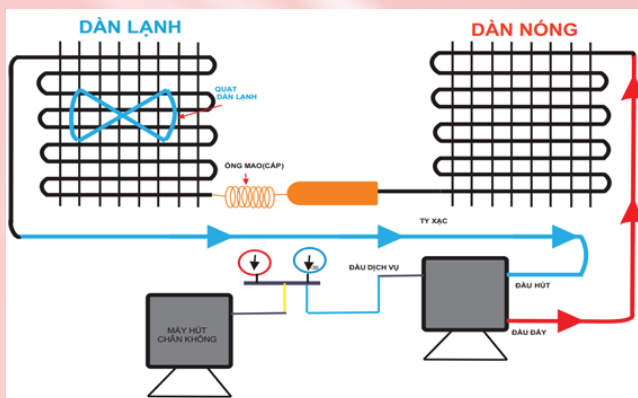
Hình 3. Cân cấp kín hệ thống lạnh

4. Thử kín hệ thống.



Hình 4. Thử kín hệ thống lạnh

5. Hút chân không hệ thống



Hình 5. Hút chân không hệ thống lạnh

3. Kết quả mang lại

Việc nghiên cứu, chế tạo ra mô hình và trải qua quá trình áp dụng giảng dạy thực tế đã mang lại các kết quả thực tiễn như sau:

- Các kỹ năng thực hành sẽ được học viên thao tác thực tiếp trên mô hình. Vừa đảm bảo an toàn, vừa giúp cho người học tiếp xúc trực quan với các thiết bị thực tế. Qua đó giúp người học tự tin thực hiện các kỹ năng và có thể rèn luyện để nâng cao các kỹ năng để đáp ứng các tình huống giống với thực tế.
- Bên cạnh đó các thiết bị trên mô hình có thể dễ dàng đo kiểm tra, thay thế, sửa chữa.
- Học viên dễ dàng đo kiểm tra và thay thế thiết bị khi có sự cố hoặc hư hỏng.
- Tiết kiệm được chi phí mua sắm thiết bị, vật tư thực hành.

3. Đề xuất triển khai áp dụng.

- Qua việc chế tạo và đưa vào áp dụng trong thực tiễn giảng dạy, mô hình đã mang lại những hiệu quả ban đầu rất tích cực. Tác giả đề nghị triển khai áp dụng và nhân rộng mô hình để đảm bảo nhu cầu thực hành của số lượng học viên 2 nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh ngày càng đông tại các xưởng của trường ta.

- Lãnh đạo nhà trường, khoa và bộ môn cần tạo điều kiện tốt hơn nữa để giảng viên có thể thực hiện thêm được nhiều mô hình nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của học viên.

KẾT LUẬN

Trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật của mình, người viết đã trình bày 4 nội dung chính gồm: (1) Đặc điểm, thực trạng vấn đề giảng dạy tại phòng thực hành MLDD & TN ; (2) Giải pháp đã được áp dụng; (3) Kết quả mang lại; (4) Đề xuất triển khai áp dụng.

Nội dung trình bày trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật này được người viết khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn những năm qua để đề xuất biện pháp cần tập trung thực hiện nhằm góp phần rèn luyện kỹ năng thực hành của học viên để sau khi ra trường có thể xử lý được các tình huống thực tế. Góp phần nâng cao và quảng

bá hình ảnh của nhà trường đến với các doanh nghiệp tuyển dụng nguồn nhân lực của trường Cao đẳng Tiền Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Tủ lạnh máy kem máy đá máy điều hòa nhiệt độ”. Tác giả: Nguyễn Đức Lợi. Phạm Văn Tuyền NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. “Dạy nghề sửa chữa tủ lạnh và máy điều hòa dân dụng”. Tác giả: Nguyễn Đức Lợi. NXB giáo dục.
3. “ Kỹ thuật lạnh cơ sở”. Tác giả: Nguyễn Đức Lợi. Phạm Văn Tuyền NXB giáo dục.

TỔ CHỨC HỌC TIẾNG ANH BẰNG ỨNG DỤNG QUIZIZZ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG

Nguyễn Thị Thùy Linh
Giảng viên Khoa Cơ bản
Email: linhntt@tgc.edu.vn

TÓM TẮT

Bài viết xoay quanh vấn đề tổ chức dạy học tiếng Anh bằng ứng dụng Quizizz tại trường cao đẳng Tiền Giang. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, khảo nghiệm thực tế và tổng kết thực tiễn, người viết nêu hiện trạng của việc dạy và học tiếng Anh cho học sinh sinh viên Trường Cao đẳng Tiền Giang; sự cần thiết phải sử dụng Quizizz trong dạy học tiếng Anh; cách thức ứng dụng Quizizz trong dạy học tiếng Anh; Kết quả đạt được và Bài học kinh nghiệm.

Từ khóa: Học tiếng Anh bằng ứng dụng Quizizz

MỞ ĐẦU

Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ đang và sẽ là xu thế tất yếu của giáo dục hiện đại. Với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo, giáo viên giúp học sinh tự tin, chủ động, mạnh dạn, có cơ hội thực hành nhiều hơn để rèn luyện 4 kỹ năng cơ bản nghe - nói - đọc - viết, tạo cho học sinh có phản ứng nhanh nhạy, tự tin, hứng thú học tập hơn.

Nhận thấy lợi ích của việc đưa ứng dụng của Quizizz vào việc tổ chức dạy học tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Tiền Giang, tôi đã thiết kế bài học, bài tập kiểm tra trực tuyến, giúp học sinh và giáo viên có cái nhìn rõ ràng về mức độ hiểu biết. Học sinh có thể nhận phản hồi ngay lập tức từ giáo viên và cả lớp học, giúp họ cải thiện kiến thức ngay sau khi hoàn thành bài kiểm tra. Quizizz tạo ra môi trường tương tác trong lớp học, giúp học sinh tham gia tích cực và chia sẻ ý kiến.

NỘI DUNG

1. Hiện trạng của việc dạy và học tiếng Anh cho sinh viên – học sinh Trường Cao đẳng Tiền Giang

Môn tiếng Anh thuộc nhóm môn học chung nên thường được tổ chức theo cách ghép hai hay ba lớp cùng nhau với sĩ số đông (khoảng 40 – dưới 60 học sinh – sinh viên). Điều này tạo áp lực chấm bài kiểm tra đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh cũng như rất tốn thời gian và tiền bạc.

Chương trình môn học do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành còn nhiều hạn chế: bài tập chưa đa dạng, lượng kiến thức chưa mang tính cập nhật, hình ảnh minh họa không kích thích người học, file luyện nghe chất lượng kém... tạo nên sự nhàm chán cho người học.

Bên cạnh đó, đặc điểm đối tượng người học tại trường còn hạn chế trong khả năng tiếp thu kiến thức cũng như thái độ học tập chưa tích cực. Đa số học sinh trung cấp khi học tại trường có điểm số tiếng Anh ở trung học cơ sở ở mức trung bình – khá. Sinh viên cao đẳng có phần tốt hơn nhưng chưa tích cực, chủ động trong việc học tiếng Anh. Nhìn chung sinh viên – học sinh xem nhẹ lợi ích của việc học tiếng Anh.

Trong xu thế phát triển của xã hội, giáo viên sẽ là người hỗ trợ (facilitator) không còn đơn giản là người cung cấp thông tin thuần túy (information provider).

2. Sự cần thiết phải sử dụng Quizizz trong dạy học tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Tiền Giang

Từ thực trạng nêu trên đòi hỏi giáo viên phải điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp. Sau thời gian tìm hiểu, tôi nhận thấy Quizizz có thể giúp giáo viên truyền tải kiến thức một cách hiệu quả đáp ứng mục tiêu kiến thức – kỹ năng và năng lực tự chủ trách nhiệm. Quizizz là một công cụ rất nổi tiếng và phổ biến trong giáo dục hiện đại. Qua công cụ này, chúng ta có thể sử dụng trí tuệ nhân tạo để tạo bài học, ngân hàng bài tập, bài kiểm tra, trò chơi giáo dục và các bài tập khác nhau để cùng tham gia với học sinh, những người có thể truy cập vào các hoạt động này thông qua máy tính bảng, máy tính xách tay, hoặc điện thoại thông minh.

3. Cách thức ứng dụng Quizizz trong dạy học tiếng Anh

3.1. Hướng dẫn đăng ký và cách sử dụng

- Đăng ký tài khoản: truy cập vào đường link: <https://quizizz.com/> => để đăng ký tài khoản miễn phí => chọn “Đăng ký miễn phí” hoặc “Đăng ký” ở góc phải màn hình.

+ Đăng ký bằng tài khoản Google hoặc tài khoản Microsoft hoặc email => “Tiếp” => chọn mục “Trường học”.

+ Chọn mục nghề nghiệp.

- Tạo lớp học

+ Chọn mục “Các lớp học” => nhập tên lớp học (có thể yêu cầu học sinh nhập địa chỉ của cha mẹ nếu cần thiết => chọn “Tạo lớp” là đã hoàn thành việc tạo lớp học trên Quizizz.

+ Copy link lớp học để mời học sinh vào lớp (cũng có thể liên kết lớp học trên Quizizz với Google).

- Tạo quiz trên Quizizz

+ Chọn “Tạo mới” ở trang chủ => đặt tên cho bài quiz và chọn các môn học cần kiểm tra => chọn “Tiếp”.

+ Chọn các hình thức đề hỏi. Mỗi mục đều có hình ảnh minh họa để dễ hình dung hơn.

+ Nhập câu hỏi và đáp án theo phong chữ, kích cỡ mong muốn (*có thể chèn thêm video, hình ảnh minh họa cho câu hỏi và câu trả lời*).

+ Chính thời gian giới hạn để học sinh trả lời. Đối với dạng câu hỏi trắc nghiệm, có thể chọn cài đặt nhiều hơn 1 đáp án cho câu hỏi.

- Mời học sinh tham gia bài quiz.

+ Để mời học sinh tham gia bài quiz, trước tiên chọn hình thức là kiểm tra trực tiếp hay giao bài tập về nhà => chọn “Chế độ chơi”:

+ Thông thường: Những người tham gia trả lời theo tốc độ của riêng họ, cạnh tranh cá nhân và có một sự bùng nổ trong suốt quá trình.

+ Theo nhóm: Những người tham gia trả lời theo tốc độ của riêng họ, nhưng điểm số được nhóm theo nhóm.

- Kiểm tra: Một chế độ không rườm rà để đánh giá nghiêm túc hơn (Yêu cầu đăng nhập).

+ Giáo viên có thể gửi link cho học sinh hoặc gửi mã tham gia và yêu cầu học sinh truy cập đường link <https://quizizz.com/join>. Ngoài ra, thầy cô có thể chia sẻ mã QR, hoặc chia sẻ thông qua Google Classroom tùy thuộc vào nhu cầu của giáo viên.

+ Sau khi học sinh tham gia đủ, giáo viên chọn “Bắt đầu” để xem bài kiểm tra của học sinh.

3.2. Sử dụng trí tuệ nhân tạo (A.I) tạo ngân hàng đề kiểm tra trong Quizizz

- Tại thẻ “Tạo mới” – Chọn Quiz

- Chọn “Trí tuệ nhân tạo”

- Chọn “Tải lên từ thiết bị” hoặc “Nhập từ Google Drive”

- A.I sẽ tạo bài kiểm tra cho thầy cô

- A.I cũng có thể tự tạo câu hỏi dựa vào bài đọc được tải lên

- Học sinh trả lời câu hỏi => Giáo viên đánh giá khả năng đọc hiểu của người học.

4. Kết quả đạt được

4.1. Về mặt thời gian

Giáo viên tiết kiệm được thời gian ra đề kiểm tra và chấm bài, tiết kiệm thời gian chấm bài kiểm tra thường xuyên và bài tập kiểm tra đánh giá mục tiêu bài học mà giáo viên đề ra cho mỗi đơn vị bài học tại một lớp học.

4.2. Về mặt kinh tế:

Tiết kiệm giấy in ấn bài tập cho học sinh và góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường thông qua hành động rất nhỏ.

4.3. Về mặt chất lượng bài giảng:

Cho phép giáo viên điều khiển nhịp độ bài quiz: Giáo viên kiểm soát nhịp độ của trò chơi, nhờ đó cả lớp có thể cùng nhau giải đáp từng câu hỏi.

Làm bài quiz theo tốc độ của từng học sinh: Học sinh làm bài cá nhân và giáo viên có thể thấy sự tiến bộ của từng bạn thông qua bảng xếp hạng.

Tự thiết kế bài quiz riêng: Quizizz cung cấp 15 loại câu hỏi khác nhau, đồng thời cho phép người dùng thêm hình ảnh, video và âm thanh để bài quiz thêm sinh động.

Báo cáo: Sau mỗi bài quiz, Quizizz tự động xuất bảng báo cáo số điểm của từng học sinh và tổng quan kết quả lớp học. Giáo viên có thể chia sẻ kết quả với phụ huynh để theo dõi sự tiến bộ của lớp.

4.4. Về mặt chất lượng học tập của người học:

Từ kết quả môn học, chúng ta có thể thấy được rằng việc sử dụng Quizizz góp phần cải thiện chất lượng giảng dạy tiếng Anh tại trường.

Giáo viên thực sự là người hỗ trợ học sinh – sinh viên hào hứng tham gia trò chơi, tạo môi trường vừa chơi vừa học.

Phần kết quả nêu trên chỉ mới thể hiện một phần mà Quizizz mang lại cho cả giáo viên và học sinh. Khả năng áp dụng không chỉ ở môn tiếng Anh mà còn cho các môn chung và môn lý thuyết cơ sở.

5. Bài học kinh nghiệm

Sau khi áp dụng Quizizz trong giảng dạy tôi rút ra được bài học kinh nghiệm sau:

- **Ưu điểm:** Dễ sử dụng, đa dạng, hình ảnh và âm thanh sôi động, mẫu trò chơi có sẵn: Với giao diện đơn giản và màu sắc bắt mắt, mọi người sẽ dễ dàng sử dụng Quizizz để tạo các trò chơi, bài tập mà không gặp quá nhiều khó khăn do đó phù hợp với tất cả mọi môn học và mọi lứa tuổi học sinh. Giáo viên có thể linh động thay thế chủ đề, các câu hỏi cho các môn học mà mình giảng dạy; giáo viên chèn hình ảnh và video giúp trò chơi càng trở nên sinh động hơn. Bên cạnh đó, còn có âm thanh xuyên suốt trò chơi và các điểm thưởng trong trò chơi hấp dẫn. Quizizz giúp nhiều giáo viên tạo trò chơi mà không cần phải tốn quá nhiều thời gian, chỉ cần chọn ra trò chơi mình muốn và chia sẻ cho học sinh nhờ thư viện trò chơi khổng lồ.

- **Nhược điểm và biện pháp khắc phục:**

+ **Nhược điểm:** Do ứng dụng mới được đưa vào sử dụng nên bản thân giáo viên chưa thể khai thác các tính năng vượt trội mà Quizizz nói riêng và A.I nói chung mang lại cho cả giáo viên và học sinh trong quá trình dạy và học. Người học lúng túng trong việc sử dụng phần mềm Quizizz.

HỆ THỐNG THI TRẮC NGHIỆM TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỀN GIANG (EXAM-TGC) THIẾT KẾ DƯỚI DẠNG ỨNG DỤNG WEB ÁP DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG KHẢO THÍ

Huỳnh Thị Hồng Cẩm

Giảng viên Khoa Kinh tế Tổng hợp

Email: camhth@tgc.edu.vn

+ **Biện pháp khắc phục:**

• **Về phía giáo viên:** Trong suốt quá trình sử dụng Quizizz, người giáo viên phải nhớ rằng mình là người hỗ trợ (facilitator), không phải là người cung cấp (provider). Chính vì vậy, giáo viên phải:

(1) Đa dạng hóa nội dung bài giảng và trò chơi ôn tập để kích thích người học.

(2) Khuyến khích, động viên người học tham gia trò chơi đội nhóm.

(3) Ghi nhận và tổng kết bài làm của người học để làm căn cứ nhận xét quá trình học tập tiến bộ hay không.

(4) Thường xuyên tham khảo đồng nghiệp trong và ngoài trường để khai thác hết ưu điểm mà Quizizz và A.I mang lại.

(5) Giao nhiệm vụ và gợi ý người học tự thiết kế bài tập dựa trên nội dung bài giảng cho các nhóm bạn để tạo tính cạnh tranh giữa các nhóm.

• **Về phía người học:** Dưới sự hỗ trợ của giáo viên, người học cần:

(1) Hoàn thành mỗi bài tập xem như là một nhiệm vụ để hình thành thói quen học tập và làm việc.

(2) Sau mỗi bài tập cả nhóm nhìn lại kết quả và đưa ra nhận xét chung.

(3) Theo dõi kết quả để điều chỉnh thái độ học tập đúng đắn.

(4) Tích cực tham gia bài tập đội, nhóm.

(5) Dưới sự hỗ trợ của giáo viên thiết kế bài tập dựa trên nội dung bài giảng cho các nhóm bạn để tạo tính cạnh tranh giữa các nhóm và ghi nhớ nội dung bài giảng tốt hơn.

KẾT LUẬN

Ứng dụng Quizizz vào thực tiễn giảng dạy tại trường Cao đẳng Tiền Giang đã góp phần nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ cho học sinh – sinh viên. Giáo viên thông qua các bài kiểm tra đánh giá mang tính tương tác vừa tiết kiệm thời gian, tiền bạc vừa là xu thế tất yếu của giáo dục trong thời đại 4.0 khi A.I trở thành trợ thủ đắc lực của giáo viên. Quizizz cũng giúp hình thành kỹ năng làm việc nhóm khi tham gia trò chơi theo nhóm.

Trên đây là kinh nghiệm của tôi trong việc tổ chức học tiếng Anh bằng ứng dụng Quizizz tại Trường Cao đẳng Tiền Giang. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp bổ sung của Ban Giám hiệu, quý thầy cô để tôi vận dụng tốt hơn trong quá trình giảng dạy của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1].<https://www.cambridgeenglish.org/news/view/ai-and-the-english-classroom-the-critical-role-of-teachers/>

[2].C. González García, E. Núñez-Valdez, V. García-Díaz, C. Pelayo G-Bustelo, and J. M. Cueva- (xem tiếp trang 53)

TÓM TẮT

Bài viết xoay quanh vấn đề xây dựng và phát triển "Hệ thống Thi trắc nghiệm Trường Cao đẳng Tiền Giang (Exam-TGC)" ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình khảo thí giúp cải thiện chất lượng giáo dục, thực hiện các bài kiểm tra một cách nhanh chóng, tiện lợi và chính xác hơn. Người viết bắt đầu từ phương pháp nghiên cứu lý thuyết để trình bày cơ sở lý thuyết và thực tiễn của việc áp dụng mô hình xây dựng "tổ chức thi trực tuyến" đến phương pháp thực nghiệm và tổng kết kinh nghiệm từ Trường Đại học Công nghệ thông tin – Đại học quốc gia để đề xuất áp dụng vào Trường Cao đẳng Tiền Giang.

Từ khóa: Thi trắc nghiệm, trực tuyến, đánh giá, kiểm tra.

MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy và đánh giá không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là yếu tố then chốt giúp cải thiện chất lượng giáo dục, tạo điều kiện cho việc học tập linh hoạt và tiếp cận tri thức một cách hiệu quả. Đặc biệt, trong lĩnh vực khảo thí và đánh giá, việc sử dụng các hệ thống trắc nghiệm trực tuyến đã mở ra những cơ hội mới để thực hiện các bài kiểm tra một cách nhanh chóng, tiện lợi và chính xác hơn.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc áp dụng công nghệ vào quá trình khảo thí, Trường Cao đẳng Tiền Giang đã quyết định phát triển "Hệ thống Thi trắc nghiệm Trường Cao đẳng Tiền Giang (Exam-TGC)". Dự án này không chỉ thể hiện sự nỗ lực của nhà trường trong việc đổi mới phương pháp đánh giá học phần, nâng cao chất lượng giáo dục, mà còn phản ánh cam kết trong việc tận dụng tối đa lợi ích của công nghệ thông tin, hướng tới một môi trường giáo dục kỹ thuật số toàn diện.

NỘI DUNG

1. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn của việc xây dựng “Tổ chức thi trực tuyến” ở trường Đại học Công nghệ Thông tin – Đại học Quốc gia và ứng dụng vào Trường Cao đẳng Tiên Giang

1.1. Cơ sở lý thuyết

Việc xây dựng hệ thống thi trực tuyến dựa trên các cơ sở lý thuyết về giáo dục, công nghệ thông tin và quản lý dữ liệu. Dưới đây là một số khía cạnh lý thuyết quan trọng:

Lý thuyết về e-Learning: E-Learning (học trực tuyến) là phương pháp học tập sử dụng công nghệ điện tử để tiếp cận các tài liệu giảng dạy ngoài lớp học truyền thống. Các hệ thống thi trực tuyến là một phần không thể thiếu trong e-Learning, giúp đánh giá và kiểm tra kiến thức của học sinh.

Lý thuyết về Quản lý thông tin: Quản lý thông tin liên quan đến thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu một cách hiệu quả. Trong bối cảnh thi trực tuyến, điều này bao gồm việc quản lý ngân hàng câu hỏi, dữ liệu thi và kết quả thi.

Lý thuyết về an toàn và bảo mật thông tin: An toàn thông tin đảm bảo rằng dữ liệu cá nhân và kết quả thi của sinh viên được bảo mật. Các lý thuyết về mã hóa, xác thực và quản lý quyền truy cập là cơ sở để phát triển các tính năng bảo mật trong hệ thống thi trực tuyến.

Lý thuyết về giao diện người dùng (UI) và trải nghiệm người dùng (UX): Thiết kế UI/UX đảm bảo rằng hệ thống thi trực tuyến dễ sử dụng, thân thiện với người dùng và cung cấp trải nghiệm tốt nhất cho sinh viên và giảng viên.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Các cơ sở thực tiễn của việc triển khai hệ thống thi trực tuyến tại Trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin - Đại Học Quốc Gia có thể được áp dụng cho Trường Cao đẳng Tiên Giang như sau:

- Hạ tầng CNTT: Trường Đại học Công nghệ Thông tin - Đại Học Quốc Gia: Có sẵn hạ tầng công nghệ thông tin mạnh mẽ với các máy chủ, mạng lưới và hệ thống lưu trữ dữ liệu tiên tiến. Ứng dụng tại Trường Cao đẳng Tiên Giang: Đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin với máy chủ đủ mạnh, mạng internet ổn định và hệ thống lưu trữ dữ liệu an toàn.

- Quản lý ngân hàng câu hỏi: Thực tiễn tại Đại Học Công nghệ Thông tin: Sử dụng hệ thống quản lý câu hỏi tập trung, cho phép giảng viên tạo và cập nhật câu hỏi dễ dàng. Ứng dụng tại Trường Cao đẳng Tiên Giang: Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi đa dạng, phong phú, được cập nhật thường xuyên bởi các giảng viên chuyên môn.

- Bảo mật và chống gian lận: Thực tiễn tại Đại Học Công Nghệ Thông Tin: Sử dụng các biện pháp bảo mật

như mã hóa dữ liệu, xác thực đa yếu tố và giám sát thi trực tuyến. Ứng dụng tại Trường Cao đẳng Tiên Giang: Áp dụng các biện pháp bảo mật tương tự, kết hợp với các công cụ chống gian lận như nhận diện khuôn mặt và giám sát video.

- Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo: Thực tiễn tại Đại Học Công nghệ Thông tin: Có đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật 24/7 và tổ chức các buổi đào tạo cho giảng viên và sinh viên về cách sử dụng hệ thống. Ứng dụng tại Trường Cao đẳng Tiên Giang: Thành lập đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật và thường xuyên tổ chức các buổi hướng dẫn sử dụng hệ thống thi trực tuyến cho toàn bộ người dùng.

- Phản hồi và cải tiến: Thực tiễn tại Đại học Công nghệ Thông tin: Thu thập phản hồi từ người dùng và liên tục cải tiến hệ thống dựa trên những góp ý này. Ứng dụng tại Trường Cao Đẳng Tiên Giang: Thiết lập cơ chế thu thập phản hồi và có kế hoạch cập nhật, nâng cấp hệ thống thường xuyên.

1.3. Kết luận

Việc xây dựng và triển khai hệ thống thi trực tuyến không chỉ dựa trên cơ sở lý thuyết về e-Learning, quản lý thông tin, bảo mật và thiết kế UI/UX, mà còn cần dựa vào các thực tiễn đã được chứng minh tại các trường đại học có kinh nghiệm trong lĩnh vực này như Đại học Công nghệ Thông tin – Đại Học Quốc Gia. Khi áp dụng vào Trường Cao đẳng Tiên Giang, việc điều chỉnh và cải tiến theo đặc thù của nhà trường là cần thiết để hệ thống hoạt động hiệu quả và mang lại lợi ích tối đa cho học sinh sinh viên và giảng viên.

2. Các đặc điểm, tính năng nổi bật, quy trình tổ chức thi và hướng dẫn thực hiện quy trình “Tổ chức thi trực tuyến” dành cho quản trị viên – Trường Cao đẳng Tiên Giang

2.1. Một số đặc điểm

Giúp Trường Khoa Kinh tế - Tổng hợp trực thuộc Trường Cao đẳng Tiên Giang tiến hành tổ chức các kỳ thi nhanh chóng, gọn nhẹ đảm bảo tính linh hoạt khi xây dựng, phát triển và cập nhật ngân hàng câu hỏi, tạo kỳ thi và quản lý kết quả thi.

2.2. Tính năng nổi bật

2.2.1. Dành cho nhà trường (quản trị hệ thống)

- Giám sát trực tuyến trong suốt quá trình làm bài thi của thí sinh.

- Dễ dàng quản lý môn thi, các mô-đun và ngân hàng câu hỏi.

- Hỗ trợ nhập trực tiếp ngân hàng câu hỏi với thao tác đơn giản.

- Hỗ trợ nhập trực tiếp danh sách thí sinh dự thi với thao tác đơn giản

- Tạo đề thi từ ngân hàng câu hỏi với khả năng tạo nhiều đề thi trong 01 kỳ thi. Từ đó tạo ra tổ hợp các đề hoán vị, qua đó đảm bảo khả năng các thí sinh làm trùng đề trong phòng thi là thấp nhất.

- Hệ thống có các phương án dự phòng các trường hợp sự cố phát sinh như: mất điện, mất kết nối internet, sự cố của máy tính trạm...

- Thống kê điểm thi, in kết quả thi của từng thí sinh.
- Thống kê điểm thi, in kết quả thi của kỳ thi.
- Thống kê báo cáo chi tiết, tổng quan; công tác quản lý.

2.2.2. Dành cho thí sinh (làm bài thi)

- Đăng nhập hệ thống nhanh, dễ dàng theo hướng dẫn của giám thị.

- Giao diện trang thi đơn giản, phù hợp cho các đối tượng thí sinh dự thi.

- Biết được kết quả ngay sau khi kết thúc bài thi và có thể xem lại điểm các kỳ thi đã thực hiện trước đó.

- Phần hướng dẫn vào thi giúp thí sinh làm bài thi nhanh chóng, dễ dàng.

- Hỗ trợ tính năng cho thí sinh thi thử (lý thuyết và thực hành) có chấm điểm phần lý thuyết.

2.3. Quy trình tổ chức kỳ thi

Các bước	Sơ đồ	Nội dung thực hiện
Bước 1	Chuẩn bị	Nhà trường chuẩn bị dữ liệu cho kỳ thi bao gồm: Danh sách thí sinh dự thi, môn thi, mô-đun kiến thức và tiến hành khai báo số lượng câu hỏi thi: - Nhập danh sách thí sinh dự thi - Tạo Ngân hàng câu hỏi theo Mô-đun
Bước 2	Tạo kỳ thi	Sử dụng các chức năng của phần mềm để tạo Kỳ thi Công nghệ thông tin: - Tạo mới kỳ thi - Chỉnh sửa kỳ thi
Bước 3	Tạo Môn thi	Khi đã có Kỳ thi, đơn vị thực hiện khai báo môn thi: - Tạo môn thi, ca thi (giờ thi) - Danh sách môn thi (chỉnh sửa) - Thêm sinh viên vào môn thi - Tạo đề thi cho môn thi
Bước 4	Giám sát kỳ thi	Kiểm tra, đánh giá, lập biểu báo cáo thống kê về kỳ thi: - Thống kê thí sinh trong kỳ thi - Giám sát, xử lý vi phạm trong quá trình thi - Thống kê kết quả thi

2.4. Hướng dẫn thực hiện phần dành cho Quản trị viên

• Hướng dẫn đăng nhập

Bước 1: Mở trình duyệt web Google Chrome (hoặc Internet Explorer, Mozilla Firefox mới nhất).

Bước 2: Truy cập theo địa chỉ <http://IP/>, nhập thông tin về tài khoản, mật khẩu và kích vào **[ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG]**.

Bước 3: Nhập thông tin về tài khoản và mật khẩu.

Bước 4: Đăng nhập thành công, chọn phần mềm Thi trắc nghiệm.

3. Hướng dẫn thực hiện quy trình “Tổ chức thi trực tuyến” dành cho sinh viên – Trường Cao đẳng Tiền Giang

3.1. Thi chính thức

• Chuẩn bị thi:

- Thiết bị thi bao gồm: máy vi tính có kết nối internet.
- Trình duyệt sử dụng:
 - o Google Chrome
 - o Microsoft Edge

• Địa chỉ đăng nhập thi: <http://ip>

• Hướng dẫn đăng nhập

o Bước 1: Từ trang web: <http://ip>, học viên click vào **[ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG]**.

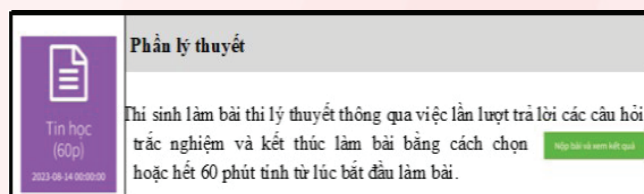
o Bước 2: Đăng nhập hệ thống

- Tên đăng nhập: Mã số sinh viên

- Mật khẩu: Ngày, tháng, năm sinh (02 số ngày, 02 số tháng, 02 số cuối năm)

o Bước 3: Trong mục **[CÁC MÔN THI CỦA BẠN]** chọn vào môn thi của mình được cấp quyền

• Hướng dẫn thi

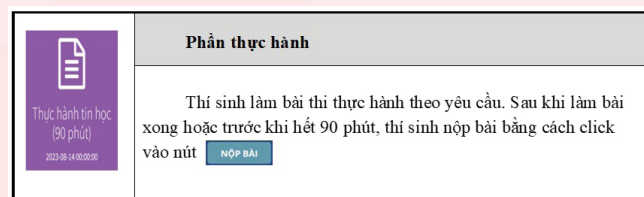


o Bước 1: Thí sinh đọc kỹ nội quy trước khi vào làm thi, click vào nút

o Bước 2: Thí sinh chọn các câu trả lời phù hợp cho từng câu

o Bước 3: Sau khi làm xong thí sinh xác nhận nộp bài vào hệ thống sẽ trả về kết quả.

o Bước 4: In kết quả thi



o Bước 1: Thí sinh làm bài thi thực hành có 04 phần bao gồm:

- Windows (.jpg, .png)
- MS. Word (.doc, .docx)
- MS. Excel (.xls, .xlsx)
- Power Point (.ppt, .pptx)

o Bước 2: Sau khi làm xong thí sinh xác nhận nộp bài vào hệ thống.

Lưu ý: các bài thi thực hành được nén lại thành 01 file (.rar, .zip). Tên file được quy ước như sau: [họ và tên]_[ngày sinh].zip.

Ví dụ: nguyenvana_01021999.zip

vực giáo dục và đào tạo tại Việt Nam./.

3.2. Thi thử

• Chuẩn bị

- Thiết bị thi bao gồm: máy vi tính và các thiết bị di động (chỉ dành cho thi lý thuyết) có kết nối internet.

- Trình duyệt sử dụng:

o Google Chrome

o Microsoft Edge

• Địa chỉ đăng nhập thi thử: <http://ip>

• Hướng dẫn đăng nhập và thi thử

Phần lý thuyết

o Bước 1: Từ trang web: <http://ip>, học viên click vào nút *Thi thử trắc nghiệm*

o Bước 2: Đăng nhập hệ thống

Tên đăng nhập: test

Mật khẩu: 123456

Thí sinh làm bài thi lý thuyết thông qua việc lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và kết thúc làm bài bằng cách chọn **[NỘP BÀI VÀ XEM KẾT QUẢ]** hoặc hết 60 phút tính từ lúc bắt đầu làm bài.

(KHÔNG GIỚI HẠN SỐ LẦN THI THỬ)

Phần thực hành

o Bước 1: Từ trang web: <http://ip>, học viên click vào nút *Thi thử thực hành*

o Bước 2: Thí sinh làm bài thi thực hành theo yêu cầu. Sau khi làm bài xong hoặc trước khi hết 90 phút, thí sinh nộp bài bằng cách click vào nút

KẾT LUẬN

Trong báo cáo khoa học của mình, người viết đã trình bày 3 vấn đề: (1) Cơ sở lý thuyết và thực tiễn của việc xây dựng “tổ chức thi trực tuyến” ở Trường Đại học Công nghệ thông tin – Đại học quốc gia; (2) Các đặc điểm, tính năng nổi bật, Quy trình tổ chức thi và Hướng dẫn thực hiện quy trình “tổ chức thi trực tuyến” dành cho Quản trị viên - Trường Cao đẳng Tiền Giang; (3) Hướng dẫn thực hiện quy trình “tổ chức thi trực tuyến” dành cho Sinh viên - Trường Cao đẳng Tiền Giang.

Qua quá trình nghiên cứu, phát triển và triển khai sáng kiến kỹ thuật này, người viết thấy rõ tầm quan trọng và hiệu quả của việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giáo dục và đánh giá tại Trường Cao đẳng Tiền Giang. Hệ thống Thi trắc nghiệm (Exam-TGC) đã chứng minh được khả năng cải thiện đáng kể quy trình giảng dạy, học tập và đánh giá, mang lại lợi ích thiết thực cho cả giáo viên và sinh viên.

Kết luận, “Hệ thống Thi trắc nghiệm Trường Cao đẳng Tiền Giang (Exam-TGC)” đã mở ra cánh cửa mới cho việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục, đóng góp vào sứ mệnh nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Sự thành công của dự án này không chỉ là niềm tự hào của Trường Cao đẳng Tiền Giang mà còn là minh chứng cho tiềm năng to lớn của việc áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bùi Thanh Giang, Các công nghệ từ xa và E-Learning, NXB Bưu Điện 2004;

[2] Nguyễn Thị Ngà, E-Learning – phương pháp dạy và học hiệu quả trong thời đại công nghệ số, năm 2012;

[3] TS. Bùi Thanh Hùng, Thí điểm xây dựng mô hình hệ thống đào tạo trực tuyến E-Learning, Tạp chí KHGD, tháng 8 năm 2015.

[4] Trang web <http://thi.citd.vn/>

[5] Trang web <http://unika.vn>



Mục lục

1. Vui mừng với kết quả đạt được trong năm học 2023-2024; Quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2024-2025

Trang 3

2. Xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Tiền Giang theo mô hình “Trường học hạnh phúc” - **Nguyễn Quang Khải**

Trang 10

3. Phần mềm quản lý nghiệp vụ công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Tiền Giang - **Nguyễn Hoàng Giang**

Trang 15

4. Một vài kinh nghiệm sau một năm triển khai thực hiện “Giải pháp bồi dưỡng, phát huy thành tích của cá nhân hướng tới trình khen cao trong Đảng và hệ thống chính quyền” - **Lê Thị Thu Mỹ**

Trang 19

5. Ứng dụng phần mềm ghi nhớ giúp học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Tiền Giang học tiếng Anh hiệu quả - **Nguyễn Thị Cẩm Quyên**

Trang 23

6. Ứng dụng phần mềm Google sites thiết kế trang web học tập Địa lí 10 - **Lê Minh Khoa**

Trang 27

7. Sử dụng phần mềm mô phỏng CAdE_SIMU trong giảng dạy mô đun trang bị điện - **Văn Bá Cường**

Trang 28

8. Cải tiến, mở rộng các mô đun ứng dụng trên mô hình thực hành vi điều khiển - **Trần Hoàng Phúc, Nguyễn Hữu Tuyên**

Trang 32

9. Nâng cao chất lượng và giảm chi phí đào tạo nghề điện bằng việc thiết kế chế tạo mô hình đo lường điện từ những thiết bị, vật tư không dùng tới tại phòng thực hành đo lường điện - **Lê Thanh Hải, Cao Minh Thiện**

Trang 36

10. Xây dựng và cải tiến mô hình thực hành trong Trường Cao đẳng Tiền Giang - **Nguyễn Thanh Phong**

Trang 39

11. Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy tích hợp các mô đun hàn - **Trương Thanh Phong**

Trang 42

12. Cải tiến, nâng cao chất lượng phòng thực hành điện tử dân dụng - **Phan Thanh Nhi**

Trang 47

13. Ứng dụng sản phẩm sinh viên trong dạy nghề và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp - **Phan Văn Y**

Trang 51

14. Các bước cơ bản khi xây nhà cấp IV theo nguyên tắc 4W2H - **Mạch Xuân Lễ**

Trang 54

15. Mô hình cân cấp, thử kín, hút chân không và nạp gas hệ thống lạnh - **Lý Hoàng Phúc**

Trang 57

16. Tổ chức học tiếng anh bằng ứng dụng quizizz Trường Cao đẳng Tiền Giang – **Nguyễn Thị Thùy Linh**

Trang 59

17. Hệ thống thi trắc nghiệm Trường Cao đẳng Tiền Giang (Exam-TGC) thiết kế dưới dạng ứng dụng web áp dụng trong hoạt động khảo thí – **Huỳnh Thị Hồng Cẩm**

Trang 61

